

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 740 /UBND-NN
V/v đẩy mạnh việc triển khai
thi hành Luật Hợp tác xã
năm 2012

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày 08 tháng 02 năm 2018

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo Sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 (Báo cáo số 1026/BC-BKHĐT ngày 14 tháng 12 năm 2017 - **Phô tô đính kèm**) và xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 171/SKH-DN ngày 30/01/2018). UBND tỉnh chỉ đạo như sau:

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã:

- Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ kinh tế tập thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 7187/UBND-KTKH này 19/12/2017.

- Rà soát, kiện toàn bố trí cán bộ chuyên trách tham mưu công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể cấp tỉnh. Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã bố trí cán bộ chuyên trách tham mưu công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể cấp huyện.

2. Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh:

- Tăng cường công tác tuyên truyền phát triển kinh tế tập thể trong đó tập trung tuyên truyền về bản chất, nguyên tắc và các giá trị của Hợp tác xã kiểu mới theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương và các Sở, ngành có liên quan tiến hành rà soát tình hình hoạt động của các Hợp tác xã. Nội dung rà soát cần làm rõ: Tổng số các Hợp tác xã đang hoạt động; những Hợp tác xã ngưng hoạt động quá 12 tháng; những khó khăn vướng mắc của các Hợp tác xã; tình hình nợ đọng của các Hợp tác xã,... và đề xuất UBND tỉnh phương án xử lý.

3. Các Sở, Ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã quan tâm tạo điều kiện cho các Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoạt động, nhất là việc tạo điều kiện để các Hợp tác xã tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQ tỉnh Việt Nam tỉnh, các Tổ chức chính trị - xã hội chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổ chức

tuyên truyền trong đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của Hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường hội nhập hiện nay.

5. Đối với các Hợp tác xã:

- Thực hiện đúng các nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi. Chuẩn bị kỹ phương hướng sản xuất kinh doanh. Xem xét đánh giá đúng các nguồn lực hiện có. Lựa chọn, bố trí cán bộ phù hợp, công khai, minh bạch phương án phân phối lợi nhuận, chi tiêu các quỹ để thành viên tin tưởng, yên tâm góp sức, góp vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh lâu dài.

- Vận động thành viên tham gia vào các hoạt động của Hợp tác xã để phát huy vai trò và trách nhiệm của thành viên đối với Hợp tác xã.

- Tăng cường trao đổi kinh nghiệm với các mô hình Hợp tác xã hoạt động thành công, hiệu quả để học tập kinh nghiệm, nhân rộng mô hình. / nh

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Hợp tác xã (giao Liên minh HTX tỉnh sao gửi);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH, KTKH, CTTĐT, NN (Hu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Hải

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO

Sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012



Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 25/3/2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các công văn: số 2833/BKHĐT-HTX ngày 04/4/2017, số 5082/BKHĐT-HTX ngày 22/6/2017 và số 5699/BKHĐT-HTX ngày 13/7/2017 đề nghị các Bộ, ngành, hiệp hội và địa phương báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012. Đến nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được báo cáo của 16 Bộ, ngành, hiệp hội¹ và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Sau khi xây dựng Dự thảo Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức 03 hội thảo tham vấn với các địa phương², đồng thời có công văn số 6936/BKHĐT-HTX ngày 25/8/2017 lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các Bộ, ngành, hiệp hội liên quan.

Trên cơ sở báo cáo và ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, hiệp hội, địa phương, các đại biểu tại Hội nghị trực tuyến sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 ngày 06/12/2017 tại Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT HTX NĂM 2012

1. Tình hình xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012

Luật Hợp tác xã năm 2012 đã thể hiện tư duy mới về mô hình HTX kiểu mới với hạt nhân là “hợp tác”, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất, phù hợp với cơ chế thị trường, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh ngày càng gay gắt; qua đó doanh thu HTX được tăng lên, kinh tế hộ thành viên được

¹ Các Bộ: Các Bộ: NN và PTNT, Công Thương, Tài chính, Xây dựng, GTVT, Tài nguyên và MT, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Lao động – Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên minh HTX Việt Nam; Các Hội: Cựu Chiến binh Việt Nam, Nông dân Việt Nam, Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

² Tổ chức 03 Hội thảo tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh

cải thiện, tác động đến việc xoá đói, giảm nghèo, ổn định an ninh, chính trị tại khu vực.

Thực hiện quy định của Luật, nhiều văn bản pháp luật mang tính bổ sung, hướng dẫn lần lượt được ban hành cho phù hợp với Luật mới. Cụ thể như sau:

1.1 Về phía Trung ương: Tính đến 31/12/2016, Chính phủ đã ban hành 04 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 Quyết định và 01 Chỉ thị, các Bộ, ngành ban hành 08 thông tư, 03 Quyết định, 01 Chỉ thị hướng dẫn trực tiếp triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.

Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành 08 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 08 Quyết định, Các Bộ, ngành ban hành 06 Thông tư, 03 Quyết định và 01 Chỉ thị theo lĩnh vực được phân công quản lý, trong đó có các nội dung liên quan hỗ trợ triển khai Luật HTX 2012.³

Trong năm 2017 Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành đã tiếp tục ban hành thêm một số văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX năm 2012 như sau:

- Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật HTX năm 2012.

- Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/QĐ-TTg về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX.

- Thông tư số 24/2017/TT-BTC ngày 28/3/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán HTX, Liên hiệp HTX.

- Thông tư số 06/2017/TT-NHNN ngày 05/7/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 quy định về Quỹ bao đảm an toàn hệ thống QTDND và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/03/2015 quy định về QTDND.

Mặc dù một số văn bản còn ban hành chậm so với yêu cầu nhưng đến nay, về cơ bản hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật HTX năm 2012 đã được ban hành theo các nhiệm vụ chính được phân công tại Luật HTX năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật HTX năm 2012.

1.2. Về phía địa phương: Tỉnh ủy, HĐND, UBND các địa phương đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thi hành Luật Hợp tác xã 2012 trên địa

³ Xem cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm

bản dưới nhiều hình thức. Đến nay, có 53/63 tỉnh, thành phố ban hành Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, toàn bộ 63/63 tỉnh, thành phố có Quyết định, Chỉ thị, Văn bản của UBND tỉnh về triển khai thi hành Luật Hợp tác xã 2012. Tại 61/63 tỉnh có Kế hoạch, chương trình, đề án nhằm phát triển KTTT, HTX và 42/63 tỉnh, thành phố có chính sách hỗ trợ phát triển KTTT theo đặc thù của địa phương. Qua đó cho thấy sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc đẩy mạnh công tác thực thi Luật HTX 2012 và ban hành các văn bản hướng dẫn, góp phần khuyến khích khu vực KTTT, HTX phát triển.

Tuy nhiên, sau hơn 4 năm triển khai, các quy định tại Luật HTX 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật vẫn còn bất cập: Một số quy định còn chưa được hướng dẫn hoặc có hướng dẫn, nhưng tính khả thi chưa cao, khó triển khai. Một số chính sách hỗ trợ được ban hành, nhưng chưa đồng bộ, thiếu nguồn lực. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành Luật HTX và các chính sách hỗ trợ phát triển HTX chưa thường xuyên... Cụ thể như sau:

- Thủ tục đăng ký HTX được cho là phức tạp hơn so với doanh nghiệp (yêu cầu phải đầy đủ các thủ tục, biểu mẫu theo quy định, trong đó có chữ ký, chứng minh nhân dân của thành viên HTX. Vấn đề này, theo một số địa phương đã gây khó khăn đối với các HTX có quy mô lớn, nhiều thành viên, dẫn đến chậm trễ trong quá trình chuyển đổi HTX).

- Về thủ tục giải thể bắt buộc đối với HTX: Hầu hết các thành viên của các HTX thuộc diện giải thể bắt buộc đã giải tán mỗi người một nơi, giấy chứng nhận đăng ký, con dấu, sổ sách, giấy tờ liên quan thất lạc, không còn. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Hợp tác xã 2012, hội đồng giải thể phải có sự tham gia của đại diện hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, thành viên, hợp tác xã thành viên với tư cách là ủy viên... nên khó tiến hành được thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật. Đối với trường hợp giải thể tự nguyện, HTX không còn kinh phí để thực hiện đăng 03 số báo liên tiếp theo quy định về việc giải thể HTX.

- Việc xác định tài sản không chia, xử lý tài sản không chia sau chuyển đổi, giải thể HTX chưa được hướng dẫn cụ thể: Theo Điều 21 Nghị định 193/2013/NĐ-CP quy định trong trường hợp HTX, LH HTX giải thể, phá sản thì tài sản không chia hình thành từ các khoản trợ cấp, hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước chuyển vào ngân sách địa phương cùng cấp với cơ quan đăng ký HTX, nhưng không có hướng dẫn cụ thể quy trình bàn giao, quản lý và sử dụng tài sản sau khi bàn giao nên các địa phương còn lúng túng trong quá trình xử lý.

- Chưa có hướng dẫn đăng ký chuyển đổi HTX sang các loại hình tổ chức khác (doanh nghiệp, tổ hợp tác...), việc thành lập doanh nghiệp trong HTX, cũng như quy định cho phép thanh lý tài sản không chia của HTX trong trường hợp tài sản hư hỏng, không còn khả năng sử dụng.

- Việc áp dụng Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật HTX năm 2012 đối với các Quỹ TDND và Ngân hàng HTX còn có sự chông chéo, như cả 2 Luật cùng quy định về các nội dung về: Điều kiện cấp giấy phép; Cơ cấu tổ chức; Vốn điều lệ, Điều lệ; Quyền, nghĩa vụ của thành viên, Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị;...

- Chưa có hướng dẫn định mức và thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020.

- Về chính sách bảo hiểm xã hội: Chính sách BHXH quy định mức tiền công để đóng BHXH không thấp hơn mức tối thiểu vùng, nhưng mức thù lao cho cán bộ quản lý HTX trong thực tế thường thấp hơn mức tối thiểu vùng nên khó đóng BHXH. Thời gian đóng BHXH được tính từ khi có Luật HTX 2003, trong khi có nhiều cán bộ công tác lâu năm ở HTX (nhiều trường hợp từ những năm 1979) khi nghỉ công tác không được hưởng chính sách. Người có thời gian làm chủ nhiệm HTX có quy mô toàn xã từ ngày 01/7/1997 trở về trước được tính cộng nối với thời gian đóng BHXH để tính hưởng chế độ BHXH theo quy định (tại khoản 3 Điều 2 Quyết định số 250/QĐ-TTg) nhưng thời gian làm chủ nhiệm HTX không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí nên cơ quan BHXH gặp khó khăn khi tính mức bình quân tiền lương tháng để đóng BHXH.

- Công tác kiểm toán đối với HTX được quy định trong Luật và Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 với mục đích thông qua hoạt động kiểm toán giúp cho các Hợp tác xã hoạt động minh bạch, đúng Luật, bảo đảm quyền và lợi ích của các bên liên quan. Tuy nhiên, đến nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể nội dung này nên hầu như hoạt động kiểm toán không được thực hiện.

- Nguồn lực hỗ trợ HTX về xúc tiến thương mại, về ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới, về đất đai... còn phân tán, chưa có cơ chế, chính sách riêng cho các HTX, nên việc hỗ trợ phụ thuộc vào sự quan tâm của từng địa phương. Do đó rất ít HTX tiếp cận được các chính sách này.

- Chưa có văn bản hướng dẫn thống nhất về Quỹ Hỗ trợ HTX ở địa phương nên hiện còn 17 tỉnh, thành phố chưa có nguồn quỹ này⁴ và hoạt động của Quỹ mỗi nơi mỗi khác, tạo ra sự mất công bằng trong chính sách chung đối với HTX của cả nước...

2. Công tác triển khai, giám sát thi hành Luật và các văn bản hướng dẫn

2.1. Tình hình triển khai hướng dẫn và thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về HTX

⁴ Báo cáo của Quỹ Hỗ trợ HTX Trung ương.

Sau khi Luật Hợp tác xã năm 2012 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012, các Bộ, ngành, hội đoàn thể, Liên minh HTX và các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ và điều kiện cụ thể đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền tới các cơ quan có liên quan, các tầng lớp nhân dân, HTX và thành viên của HTX về Luật HTX năm 2012 và các văn bản hướng dẫn Luật với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Mục đích của công tác tuyên truyền là tạo điều kiện hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung, bản chất và tầm quan trọng của việc phát triển HTX thông qua nhiều hình thức như: Tổ chức hội thảo, hội nghị, lớp tập huấn, tuyên truyền trên báo (giấy, internet,..), phát thanh, truyền hình, in ấn, phát hành tài liệu, thông tin tuyên truyền, triển khai các dự án truyền thông.... Cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn 2013 đến 2016 các Bộ, ngành, địa phương tổ chức tập huấn, hội nghị tuyên truyền về pháp luật HTX cho khoảng 289.700 cán bộ, thành viên HTX. Riêng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trực tiếp tổ chức 60 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho hơn 3.000 cán bộ quản lý, thành viên HTX theo tinh thần của Luật HTX 2012. Nội dung tập huấn tập trung vào nội dung Luật HTX 2012, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, hướng dẫn các HTX thành lập mới, xây dựng Điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, hướng dẫn tổ chức và hoạt động HTX, giới thiệu kinh nghiệm quốc tế về phát triển HTX...

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công đã phối hợp với các đơn vị thành viên tổ chức nhiều lớp tập huấn, tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm xây dựng và phát triển HTX trong các ngành, lĩnh vực cho các đối tượng, thành viên của mình bằng nhiều hình thức phong phú như các buổi sinh hoạt định kỳ, học tập kinh nghiệm các mô hình HTX hoạt động hiệu quả, tuyên truyền trên thông tin đại chúng như: Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, các đơn vị báo trực thuộc... Tính đến 31/12/2016, các đơn vị này đã tổ chức được 142 lớp tập huấn cho 8.565 cán bộ, thành viên HTX, phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài truyền hình địa phương phát sóng khoảng 7.650 chuyên đề về KTTT, HTX, tổ chức được 15.275 cuộc tuyên truyền cho hơn 2.291.250 lượt người tham dự chủ yếu là hội viên các đơn vị thành viên⁵...

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã phối hợp với Liên minh HTX Việt Nam biên soạn, xuất bản nhiều tài liệu hướng dẫn, sổ tay tuyên truyền chung về Luật HTX năm 2012 và các văn bản, chính sách hướng dẫn thi hành luật, hỗ trợ HTX. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Chương trình khung và bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán

⁵ Theo báo cáo của Trung ương MTTQ Việt Nam

bộ quản lý HTX và tổ hợp tác trong nông nghiệp để phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến Luật.

Năm 2016, Liên minh HTX Việt Nam phát động cuộc thi tìm hiểu Luật HTX năm 2012, tìm hiểu mô hình HTX kiểu mới. Kết quả, có 63/63 tỉnh, thành phố tham gia cuộc thi với trên 100.000 bài dự thi (có tỉnh tham gia hàng vạn bài thi như: Hà Tĩnh, Kon Tum, Thái Bình...). Qua đó, thấy được sự quan tâm đối với KTTT, HTX và vai trò quan trọng của khu vực này đối với nhân dân, đặc biệt là nông dân Việt Nam.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về thực hiện Luật HTX năm 2012. Các cơ quan báo chí trong cả nước đã mở nhiều chuyên trang, chuyên mục như: Tiếng nói từ những miền quê, Kinh tế tập thể, Xây dựng Nông thôn mới, Nông nghiệp nông thôn... hoặc lồng ghép vào các chương trình như: Bạn của nhà nông, Pháp luật và cuộc sống... Từ năm 2012, đã có hàng nghìn bản tin, phỏng vấn, tọa đàm tuyên truyền về Luật HTX năm 2012, các mô hình HTX điển hình tiên tiến được phát sóng và đăng tải.

Có thể nói, từ năm 2013 đến nay, việc tuyên truyền, phổ biến Luật HTX, các văn bản hướng dẫn đã được quan tâm, tổ chức sâu rộng, bước đầu đã làm thay đổi tư duy, nhận thức về bản chất HTX trong các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tầng lớp nhân dân. Sự quan tâm của xã hội đối với mô hình HTX được cải thiện. Nhận thức của nhân dân, đặc biệt là nông dân về mô hình HTX kiểu mới được nâng cao. Số lượng các HTX hoạt động đúng bản chất tăng rõ rệt...

Tuy nhiên, việc triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến mô hình HTX kiểu mới còn phân tán, chưa chú trọng đến đối tượng là những người dân chưa tham gia HTX. Thời gian phát sóng các chương trình tuyên truyền về HTX chưa hợp lý (chưa đúng thời điểm thu hút sự quan tâm của các tầng lớp nhân dân). Nội dung tuyên truyền còn sơ sài, chưa cập nhật thông tin về các hoạt động liên quan đến HTX... Theo Luật HTX năm 2012, việc tham gia HTX phải là tự nguyện của người dân. Đây chính là đối tượng cần phải tuyên truyền để họ hiểu về bản chất HTX, thấy được vai trò quan trọng của HTX trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Vì vậy, trong thời gian tới cần tập trung tuyên truyền, phổ biến rộng rãi hơn nữa tới người dân để nâng cao nhận thức, trên cơ sở đó tự bản thân họ sẽ tự nguyện thành lập, tham gia HTX vì lợi ích của chính họ. Đồng thời, việc tuyên truyền sẽ hiệu quả hơn, thiết thực hơn nếu xây dựng được các mô hình HTX kiểu mới điển hình đã thành công, mang lại nhiều lợi ích cho người dân.

2.2. Tình hình tổ chức, hướng dẫn đăng ký HTX theo Luật HTX 2012

Thực hiện Luật HTX năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật HTX 2012 và Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

hướng dẫn về đăng ký HTX, hầu hết các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều đã có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đăng ký HTX theo đúng quy định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã công bố bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động HTX nhằm giúp các cá nhân, tổ chức, cơ quan đăng ký thuận tiện trong quá trình thực hiện.

Sau hơn 04 năm triển khai thực hiện, công tác tổ chức và hướng dẫn đăng ký HTX đã được cơ quan đăng ký HTX cấp tỉnh, huyện thực hiện đúng theo quy định và được niêm yết công khai tại bộ phận một cửa của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện đã giúp các HTX thực hiện chính xác, thuận lợi. Thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký HTX được rút ngắn so với thời gian quy định (trung bình chỉ còn 2-3 ngày thay vì 5 ngày làm việc).

Theo số liệu của 63 tỉnh, thành phố, từ năm 2013 - 31/12/2016 đã có 5.641 HTX⁶ được thành lập mới, chỉ riêng năm 2016 đã có 2.030 HTX được thành lập, tăng gần gấp đôi so với thời điểm 31/12/2013. Vùng Đông Bắc, Bắc Trung bộ là các vùng có số lượng HTX thành lập mới nhiều nhất cả nước (chiếm 55% tổng số HTX thành lập mới của cả nước). Vùng Nam Trung bộ có số lượng HTX thành lập mới thấp nhất cả nước (chiếm 2,67% so với cả nước). Điều này cho thấy hiệu quả của công tác tuyên truyền về bản chất HTX, lợi ích khi tham gia HTX đối với người dân, đặc biệt nông dân những vùng nghèo, khó khăn, miền núi. UBND các tỉnh, thành phố thường xuyên chỉ đạo các sở, ban ngành, Liên minh HTX tỉnh kịp thời nắm bắt nhu cầu thực tế, nguyện vọng của người dân mong muốn thành lập HTX để hướng dẫn, tư vấn quá trình thành lập, tổ chức Đại hội, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh...

Tuy nhiên, do đặc thù của HTX nên thủ tục đăng ký HTX được cho là chặt chẽ và phức tạp hơn so với đăng ký doanh nghiệp (ví dụ về thời gian thực hiện đăng ký HTX dài hơn, thành phần hồ sơ phức tạp hơn, phải đăng ký ngành nghề kinh doanh...).

2.3. Tình hình đăng ký lại, chuyển đổi HTX theo Luật HTX năm 2012

Thực hiện quy định tại Điều 62 của Luật HTX năm 2012, hầu hết các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố đều đã có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các HTX thuộc ngành, địa bàn mình về việc rà soát, tổ chức lại, chuyển đổi và giải thể HTX theo Luật HTX năm 2012. Theo báo cáo của 63 tỉnh, thành phố, tính đến 31/12/2016 đã có 84,5% tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi, đăng ký lại theo quy định của pháp luật đã tiến hành chuyển đổi và đăng ký lại. Còn khoảng 13,31% HTX chưa chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật- cần có phương án xử lý dứt điểm trong thời gian tới.

Tính đến 31/12/2016, vùng Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ là những vùng đã hoàn thành trên

⁶ Năm 2013 có 59/ 63 tỉnh; năm 2014, 2015 có 61/63 tỉnh có số liệu báo cáo.

92% việc đăng ký lại, chuyển đổi, giải thể theo Luật HTX năm 2012. Để có được kết quả như vậy, các địa phương đã phải sát sao trong việc chỉ đạo trực tiếp cho các đơn vị trực thuộc phải nhanh chóng, tích cực tiến hành công tác chuyển đổi và đăng ký lại HTX trước ngày 01/7/2016. Một số địa phương đưa nội dung củng cố, đăng ký chuyển đổi và phát triển KTTT làm nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch công tác, đồng thời hình thành các tổ chuyên trách thực hiện việc chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật. Nhờ vậy, tiến độ công tác đăng ký lại, chuyển đổi HTX được đẩy mạnh trong thời gian cuối năm 2015 và năm 2016.

Tuy nhiên, vẫn còn một số vùng có số lượng HTX chưa chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật HTX 2012 tương đối cao: Vùng Đông Bắc còn 871 HTX (chiếm 32,1% số HTX phải chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật của vùng), vùng Tây Bắc còn 231 HTX⁷ (chiếm 41,2%).

Nhìn chung, việc thực hiện chuyển đổi từ HTX cũ sang hoạt động theo luật HTX 2012 còn chậm⁸. Nguyên nhân chủ yếu là do: Một số cơ quan quản lý nhà nước tại một vài địa phương chưa thực sự quan tâm đến HTX, chưa sát sao trong việc chỉ đạo, giám sát, trong khi phần lớn cán bộ quản lý nhà nước về HTX chủ yếu kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi nên công tác theo dõi, đôn đốc, tư vấn, hỗ trợ chưa chặt chẽ và kịp thời. Một số nơi khác cán bộ cấp xã can thiệp quá sâu vào hoạt động của HTX (yêu cầu HTX phải xin ý kiến chỉ đạo khi làm thủ tục chuyển đổi, đại hội thành viên, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh...). Bản thân các HTX cũng chưa nhận thấy hiệu quả, lợi ích của việc chuyển đổi theo quy định mới, còn lúng túng trong việc chuyển đổi bởi đây là quá trình chuyển đổi sang mô hình mới, thay đổi căn bản về quan hệ sở hữu, quan hệ kinh tế, quan hệ phân phối và mức vốn góp tối đa khi tham gia HTX. Những tồn tại, vướng mắc của HTX chuyển đổi như: Xử lý nợ cũ, tài sản chung không chia có nguồn gốc từ hỗ trợ của nhà nước, thành viên HTX chậm được xử lý...

2.4. Tình hình hợp tác xã chuyển sang loại hình tổ chức khác

Trong quá trình rà soát, chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật HTX năm 2012, một số HTX tự nhận thấy không phù hợp với mô hình HTX đã chuyển sang loại hình tổ chức khác. Điều này cho thấy nhận thức của các HTX về bản chất của mô hình HTX theo Luật HTX năm 2012 được nâng cao, tính tự nguyện, tự chịu trách nhiệm đã được cải thiện. Các HTX tự tìm ra mô hình hoạt động phù hợp với mục đích, tôn chỉ của mình, để từ đó chuyển sang mô hình tổ chức khác phù hợp hơn.

⁷ Xem thêm số liệu tại phụ lục B3. Biểu tổng hợp tình hình đăng ký lại, chuyển đổi theo Luật HTX.

⁸ Thời điểm HTX phải hoàn thành việc chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật HTX 2012 là 01/7/2016 nhưng đến 31/12/2016 mới chỉ có khoảng 21 tỉnh, thành phố hoàn thành 100% chuyển đổi, đăng ký lại HTX theo Luật như Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam, Bình Thuận, Ninh Thuận, Quảng Nam, Bình Định, Gia Lai, Lâm Đồng, Long An, Bến Tre...)

Tính đến 31/12/2016, theo báo cáo của 47/63 tỉnh, thành phố có 338 HTX⁹ (chiếm khoảng 2,2% trong số HTX phải chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật) đã chuyển sang loại hình tổ chức khác. Cao nhất là vùng Tây Bắc có 57 HTX (chiếm 10,17% số HTX phải chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật của vùng) đã chuyển sang tổ hợp tác và doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn về trình tự, quy trình cụ thể việc chuyển đổi HTX sang loại hình tổ chức khác nên công tác triển khai còn chậm. Một số HTX muốn chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác nhưng chưa thực hiện được do vướng giải quyết công nợ, tài sản không chia...

2.5. Tình hình giải thể HTX theo quy định tại Điều 54 Luật HTX 2012

Trong giai đoạn 2013-2016, theo báo cáo của 54/63 tỉnh, thành phố, số HTX giải thể là 4.832 HTX (khoảng 24,6% tổng số HTX hiện có của cả nước). Vùng có số lượng HTX giải thể nhiều nhất cả nước là vùng Đông Bắc (1.603 HTX, chiếm 40,3% tổng số HTX hiện tại cả vùng), Tây Bắc (282 HTX, chiếm 27,8% số HTX cả vùng). Vùng có số lượng HTX giải thể ít nhất là vùng Bắc Trung Bộ (521 HTX, chiếm 14,2% số HTX của vùng).

Nhìn chung, hầu hết các địa phương đều có nhận thức phải giải thể dứt điểm các HTX ngừng hoạt động hoặc có tên nhưng không hoạt động. Tuy nhiên, việc giải thể HTX chưa được thực hiện tốt do: Quy định về thủ tục giải thể tại Luật HTX năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP khá chặt chẽ (thủ tục giải thể bắt buộc phải có đại diện đủ thành phần của Hội đồng giải thể nhưng trên thực tế rất khó triệu tập¹⁰; thủ tục giải thể tự nguyện quy định HTX phải đăng báo liên tiếp 3 số liên trên báo địa phương nhưng HTX không còn kinh phí để thực hiện...). Một số HTX còn vướng mắc vấn đề tài sản, nợ thuế, nợ các tổ chức các nhân khác. Một số HTX ngưng hoạt động nhưng không quan tâm đến việc phải giải thể HTX...)

2.6. Tình hình cung ứng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã cho thành viên; góp vốn và tham gia của thành viên vào hoạt động của hợp tác xã; hợp nhất, sáp nhập hợp tác xã; phát triển các loại hình HTX hoạt động ngành nghề, dịch vụ mới như môi trường, y tế...

- Về cung ứng sản phẩm, dịch vụ của HTX cho thành viên: Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định đối với HTX nông nghiệp, tỷ lệ cung ứng dịch vụ cho đối tượng không phải là thành viên HTX không được vượt quá 32%, đối với HTX phi nông nghiệp thì tỷ lệ này là không quá 50% (hiện nay Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định đối với HTX nông nghiệp, tỷ lệ

⁹ Tham khảo thêm tại Phụ lục B3. Biểu tổng hợp tình hình đăng ký lại, chuyển đổi HTX, LH HTX

¹⁰ các HTX được thành lập trước 1/7/2013 không có Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát/ Kiểm soát viên, thành viên Hội đồng quản trị đã bỏ trốn, mất tích hoặc đã mất; một số HTX ngưng hoạt động có nhu cầu giải thể nhưng còn vướng mắc vấn đề tài sản, nợ thuế, nợ các tổ chức các nhân khác; một số HTX ngưng hoạt động nhưng cũng không quan tâm đến việc phải giải thể HTX...

cung ứng dịch vụ cho đối tượng không phải là thành viên HTX không được vượt quá 50%). Nếu HTX không đạt tỷ lệ cung cấp dịch vụ cho thành viên theo quy định, HTX sẽ phải: (1) Tìm cách vận động và kết nạp thêm những người có tiềm năng vào HTX mình, qua đó quy mô hoạt động của HTX sẽ được mở rộng (tăng thành viên là tăng vốn góp, tăng quy mô sản xuất, kinh doanh); hoặc (2) Xác định lại những hoạt động mà HTX có lợi thế nhất (nhiều thành viên sử dụng nhất) để tiếp tục củng cố, phát huy mà không làm những dịch vụ mà HTX không có lợi thế. Đây là kinh nghiệm đã được nhiều nước có phong trào HTX phát triển thực hiện thành công như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Pháp..., qua đó huy động được sự đóng góp của thành viên đối với sự tồn tại và phát triển của HTX.

Một số địa phương cho rằng việc quy định tỷ lệ cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho thành viên gây khó khăn cho hoạt động của các HTX, trái với quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật HTX 2012 là “*Bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và không can thiệp vào hoạt động của HTX*”. Trên thực tế, các HTX Dịch vụ nông nghiệp, GTVT, Quỹ Tín dụng nhân dân đã thực hiện khá tốt việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ của HTX cho thành viên theo quy định này. Báo cáo của các địa phương cũng cho thấy doanh thu bình quân của HTX với thành viên cũng tăng dần qua các năm và đều chiếm khoảng 64% doanh thu bình quân của một HTX¹¹. Từ năm 2013, việc phục vụ thành viên đã được các HTX thực hiện tương đối nghiêm túc, các thành viên được tạo điều kiện tối đa khi sử dụng các dịch vụ của HTX. Như vậy, có thể thấy quy định về tỷ lệ dịch vụ cung cấp cho thành viên đang phù hợp với xu hướng phát triển HTX hiện nay và không hạn chế HTX phát triển mà chính là hướng các HTX hoạt động đúng bản chất phục vụ thành viên, đồng thời giúp củng cố HTX, từng bước khai thác, mở rộng thêm quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX.

Bên cạnh đó, trong thời gian qua một số địa phương chưa hiểu rõ về quy định giới hạn tỷ lệ dịch vụ cung ứng ra bên ngoài nên còn lúng túng trong việc hướng dẫn HTX thực hiện. Có nơi còn nhầm lẫn giữa sản phẩm dịch vụ của HTX cho thành viên và sản phẩm dịch vụ do thành viên HTX sản xuất tiêu thụ ra thị trường (ví dụ: Đối với HTX khai thác vật liệu xây dựng, sản phẩm mà HTX cung ứng ra thị trường là vật liệu xây dựng (đá, cát, sỏi, ...) do HTX khai thác, sản xuất. Dịch vụ HTX cung ứng cho thành viên là tạo việc làm, thuê trang thiết bị khai thác, vận chuyển cho thành viên... Đối với HTX GTVT, dịch vụ HTX cung ứng ra thị trường là dịch vụ vận chuyển hàng hóa, hành khách..., còn dịch vụ HTX cung ứng cho thành viên là dịch vụ luồng tuyến, giấy tờ - giấy phép theo quy định pháp luật, xăng dầu, dịch vụ sửa chữa phương tiện của thành viên...).

Trong quá trình triển khai, giám sát, kiểm tra thi hành Luật HTX năm 2012, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng cần có một lộ trình hợp lý thực hiện quy

¹¹ Theo số liệu của 53/63 tỉnh, thành phố

định này để giúp các HTX vừa phát triển sản xuất kinh doanh, vừa đảm bảo mục tiêu phục vụ thành viên và phù hợp với thực tế (hiện nay, việc tiêu thụ sản phẩm cho các thành viên đối với HTX NN vẫn còn nhiều hạn chế do: HTX chưa tìm được đầu ra cho sản phẩm. Chất lượng sản phẩm không ổn định hoặc chưa tuân thủ đúng quy trình sản xuất, gây khó khăn cho việc tiêu thụ sản phẩm. Mặt khác, liên kết giữa HTX với doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm cho các hộ thành viên đã có chuyên biến, khởi sắc, tuy nhiên còn ở mức thấp và thiếu bền vững do cơ chế chính sách thiếu đồng bộ, chưa sát với yêu cầu thực tế, doanh nghiệp vẫn chưa mạnh dạn đầu tư vào nông nghiệp. Việc tiêu thụ sản phẩm cho thành viên HTX mới chỉ được một phần hoặc một hay một số loại sản phẩm). Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đề xuất Chính phủ sửa đổi tỷ lệ cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng không phải là thành viên lên không quá 50% tổng giá trị cung ứng sản phẩm, dịch vụ của HTX NN tại Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 193/2013/NĐ-CP.

- Về vốn góp của thành viên HTX: Khoản 1 Điều 17 Luật HTX năm 2012 quy định thành viên không được góp quá 20% vốn điều lệ. Trong quá trình triển khai, một số ý kiến cho rằng thành viên HTX đa số là người yếu thế, thiếu vốn hoạt động nên việc quy định tỷ lệ góp vốn không quá 20% đã gây khó khăn cho các HTX trong quá trình huy động vốn, cần nới rộng tỷ lệ này.

Tuy nhiên, Luật HTX 2012 quy định mức góp vốn tối đa của một thành viên nhằm đề cao nguyên tắc đối nhân “*Mỗi người có 1 phiếu biểu quyết như nhau không phụ thuộc mức vốn góp*” trong quản lý hợp tác xã. Khuyến khích nhiều thành viên góp vốn thay vì chỉ huy động vốn góp của một số ít thành viên, tránh rủi ro cho HTX khi phụ thuộc vào vốn góp của một hoặc một số ít thành viên. Vốn góp khi gia nhập HTX chủ yếu xác nhận tư cách thành viên của HTX. Trường hợp cần huy động vốn đầu tư, HTX ưu tiên vốn vay từ các thành viên HTX, LH HTX, nhất là thành viên có nhiều vốn trên cơ sở thỏa thuận hai bên. Đây là kinh nghiệm đã triển khai thành công tại nhiều quốc gia có phong trào HTX phát triển như Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, ...

Hiện nay, song song với quá trình tổ chức lại, các HTX đã từng bước củng cố, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động, điển hình là rà soát và thực hiện góp vốn của thành viên. Tuy nhiên, do các thành viên HTX đa số là nông dân nghèo, yếu thế nên nhiều khi lượng vốn góp không nhiều, thời hạn góp vốn vượt quá thời gian quy định, dẫn đến năng lực tài chính, nguồn vốn hoạt động của HTX không đảm bảo, hạn chế hiệu quả hoạt động của HTX. Còn nhiều HTX chỉ góp vốn tượng trưng hoặc lấy chính giá trị tài sản chung của HTX chia cho tổng số thành viên hiện có của HTX để làm thành số vốn tối thiểu của thành viên.

Riêng các Quỹ TDND việc góp vốn của thành viên khá tốt, thường xuyên tăng quy mô bằng cách kết nạp các thành viên mới góp vốn và huy động vốn

góp bổ sung từ các thành viên cũ. Nhiều Quỹ đã có tổng mức vốn góp của thành viên từ 5 tỷ đồng trở lên như Quỹ TDND Thanh Nê, Chí Hòa, Tân Phong (Thái Bình)... Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng quy định, lợi nhuận duy trì ổn định nên các thành viên tin tưởng, tích cực tham gia góp vốn, tạo điều kiện cho Quỹ phát triển bền vững.

- *Về tỷ lệ sáp nhập, hợp nhất HTX*: Theo báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, tỷ lệ sáp nhập, hợp nhất còn thấp do đa số các HTX có năng lực, trình độ hạn chế nên chưa sẵn sàng cho việc hợp nhất, sáp nhập thành HTX quy mô lớn.

- *Về tình hình phát triển các loại hình HTX hoạt động ngành nghề, dịch vụ mới như môi trường, y tế...*: Tính đến 31/12/2016, theo báo cáo của 35/63 tỉnh, thành phố có 350 HTX môi trường, tăng 126 HTX (khoảng 56,2%) so với thời điểm 01/7/2013 và 8 HTX nhà ở. Nhìn chung, các HTX hoạt động ổn định, bước đầu phát triển sang các lĩnh vực hoạt động mới, vừa đáp ứng nhu cầu, vừa giải quyết việc làm cho thành viên, góp phần giữ gìn vệ sinh môi trường, an sinh xã hội tại cộng đồng. Tuy nhiên, các HTX hoạt động trong lĩnh vực y tế, trường học, môi trường, nhà ở... cần vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn lâu, lợi nhuận thấp nên khó có thể phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng.

2.7. Tình hình xây dựng mô hình HTX hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của Luật HTX 2012 tại các địa phương

Để xây dựng mô hình HTX hoạt động hiệu quả, các địa phương đã tích cực tuyên truyền, vận động và có các biện pháp hỗ trợ nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của các thành viên, đồng thời hỗ trợ kêu gọi đầu tư, liên kết giữa HTX với doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2013-2016, nhiều HTX đã khắc phục được những hạn chế, yếu kém của HTX kiểu cũ, chất lượng hoạt động tăng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường, phát triển sản xuất gắn với chuỗi giá trị liên kết, góp phần giải quyết việc làm cho thành viên và cộng đồng. Các HTX mới thành lập có quy mô hơn 100 thành viên, vốn điều lệ 1 tỷ đồng trở lên, diện tích sản xuất từ 200-500 ha, doanh thu khoảng 1,5-2 tỷ đồng/năm, lợi nhuận sau thuế bình quân 200 triệu đồng/năm khá nhiều (tại Cần Thơ, Nghệ An, Hà Tĩnh, Lai Châu, Lâm Đồng, Quảng Nam, Bạc Liêu...). Cũng có tỉnh hỗ trợ xây dựng mô hình điểm như Thanh Hóa (hỗ trợ xây dựng 05 mô hình thí điểm với tổng kinh phí 5,1 tỷ đồng)... Tuy nhiên, các địa phương cũng chưa thống kê được đầy đủ số liệu các HTX hoạt động hiệu quả (tính đến 31/12/2016, theo báo cáo của 34/63 tỉnh, thành phố có 6.011 HTX hoạt động hiệu quả¹², chiếm 52,3% tổng số hợp tác xã các địa phương nêu trên).

Triển khai Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã

¹² 34/63 tỉnh, thành phố báo cáo, HTX hoạt động hiệu quả là HTX hoạt động đúng Luật HTX 2012, có lãi, có tác động tích cực đến kinh tế thành viên và cộng đồng.

kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu long giai đoạn 2016-2020”, đến tháng 6/2017 có 13/13 tỉnh trong vùng đã ban hành kế hoạch thí điểm. Các tỉnh cũng bố trí được khoảng 6,83 tỷ đồng để hỗ trợ các thí điểm cùng cố phát triển các HTX. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã lựa chọn được 156 HTX, 19 THT đạt tiêu chí để tham gia chương trình thí điểm. Đã xây dựng được 04 dự án thí điểm phát triển liên kết xây dựng cánh đồng lớn về lúa gạo, bưởi da xanh, tôm, lúa với sự tham gia của các doanh nghiệp. Có 100% các HTX thí điểm đã hoàn thành việc xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, trong đó 95% cán bộ các HTX thí điểm được tập huấn, hoàn thành 11/13 lớp bồi dưỡng kế toán HTX tại 11 tỉnh với tổng số 420 học viên tham gia...

Tuy nhiên, việc triển khai Đề án cũng gặp nhiều khó khăn do các HTX tham gia thí điểm có số lượng thành viên và vốn góp ít, điều kiện cơ sở vật chất, năng lực nội tại còn hạn chế. Nguồn cán bộ và năng lực tư vấn của cán bộ quản lý HTX còn hạn chế nên hoạt động tư vấn chưa đạt kết quả như mong muốn. Một số địa phương tổ chức triển khai còn chậm, nguồn kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình theo Quyết định số 445/QĐ-TTg chưa rõ ràng nên không có kinh phí để thực hiện...

3. Tình hình triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX

3.1. Chính sách hỗ trợ chung đối với các HTX

a) Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Sau khi Luật HTX năm 2012 có hiệu lực thi hành, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành theo chức năng, thẩm quyền của mình đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thành viên HTX. Đến nay, các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thành viên HTX đã được ban hành tương đối đầy đủ, tạo điều kiện đưa chính sách vào cuộc sống.

Trong giai đoạn 2013-2016, ngân sách Trung ương hỗ trợ 155 tỷ đồng cho các Bộ, ngành, địa phương để thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác. Tính đến 31/12/2016, các địa phương đã tổ chức đào tạo cho 24.286 lượt người với ngân sách trung ương là 21.276 triệu đồng, ngân sách địa phương là 12.042 triệu đồng¹³; bồi dưỡng được 59.225 lượt người với ngân sách trung ương là 26.706 triệu đồng, ngân sách địa phương là 403.901 triệu đồng¹⁴. Số lượt người được đào tạo, bồi dưỡng tăng dần qua các năm (trung bình mỗi năm tăng khoảng trên 20%), năm 2016 đạt 45.151 người, tăng 4.965 người so với năm 2013.

¹³ 16/63 tỉnh, thành phố báo cáo

¹⁴ 32/63 tỉnh, thành phố báo cáo

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng khá đa dạng, đáp ứng được một phần yêu cầu tổ chức, quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX, được điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương như: Hướng dẫn nội dung các văn bản quy phạm pháp luật về HTX, các Luật liên quan (Luật Bảo hiểm xã hội, Thuế, Đất đai, Thương mại...), các vấn đề về tài chính, kế toán, tổ chức quản lý HTX... Các giảng viên được mời từ nhiều nguồn khác nhau tùy theo đối tượng và nội dung bồi dưỡng. Một số tỉnh có đội ngũ giảng viên khá chuyên nghiệp như: Đồng Tháp, Thái Nguyên, Quảng Nam, Đà Nẵng...

Qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng và đào tạo, chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ của cán bộ HTX được cải thiện, bước đầu hỗ trợ có hiệu quả cho việc tổ chức, quản lý và kinh doanh của HTX. Trong các năm 2015, 2016 các địa phương đã mở rộng đào tạo, bồi dưỡng cho các thành viên HTX, giúp các thành viên hiểu rõ hơn về bản chất HTX, quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia HTX, tăng cường sự gắn kết giữa HTX và thành viên.

Tuy nhiên, công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho khu vực KTTT nói chung và cán bộ quản lý HTX nói riêng còn mang tính chắp vá, chưa đáp ứng nhu cầu của HTX, cụ thể: (1) Số lượng cán bộ, thành viên HTX được đào tạo, bồi dưỡng chỉ chiếm rất ít so với tổng số 6,2 triệu cán bộ, thành viên HTX cả nước; (2) Đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu là cán bộ quản lý HTX, từ năm 2015 mới mở rộng đối tượng là thành viên HTX, chưa bồi dưỡng cho các cán bộ quản lý nhà nước về KTTT; (3) Kinh phí bố trí cho các hoạt động đào tạo, tập huấn hạn hẹp, các định mức cho công tác đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Bộ Tài chính quá thấp; (4) Nội dung đào tạo, tập huấn hiện nay nặng về lý thuyết, ít nội dung về kinh nghiệm thực tiễn của các HTX; (5) Phương pháp lạc hậu, ít chú trọng huy động sự tham gia, trao đổi, thảo luận của học viên; (6) Đội ngũ giảng viên chưa chuyên nghiệp, phần lớn là cán bộ kiêm nhiệm; (7) Mạng lưới cơ sở đào tạo, bồi dưỡng vừa thiếu, vừa yếu.

b) Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

HTX được thụ hưởng chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường thông qua Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 171/2014/TT-BTC hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ NSNN để thực hiện Chương trình.

Trong 2 năm 2015- 2016, NSNN đã bố trí 197 tỷ đồng cho Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia. Hàng năm Bộ Công thương đã phê duyệt một số Đề án xúc tiến thương mại quốc gia cho các HTX, Liên minh HTX Việt Nam tham gia các hội chợ trong và ngoài nước nhằm quảng bá hình ảnh, mở rộng thị trường. Trong 3 năm 2013-2016, Chương trình đã hỗ trợ Liên minh HTX Việt Nam thực hiện 4 Đề án xúc tiến thương mại với kinh phí 7,11 tỷ đồng, hỗ trợ hàng trăm lượt HTX tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại. Các địa

phương hỗ trợ cho 1.590 lượt HTX (chiếm 8,1% tổng số HTX cả nước) xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường với tổng kinh phí là 30.574 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương là 3.344 triệu đồng, ngân sách địa phương là 27.230 triệu đồng¹⁵. Riêng năm 2016, Liên minh HTX Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, UBND thành phố Hà Nội tổ chức Hội chợ quốc tế hàng nông sản, tiêu thụ công nghiệp của các HTX, LH HTX và doanh nghiệp lần thứ nhất, với 321 gian hàng đến từ 54 tỉnh, thành phố.

Bộ Công Thương thường xuyên cập nhật, đưa tin về các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm giới thiệu HTX, quảng bá thương hiệu của HTX trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, Cục Xúc tiến Thương mại. Thông qua hoạt động xúc tiến thương mại, đã tạo điều kiện cho HTX quảng bá, giới thiệu sản phẩm hàng hóa đến cộng đồng trong và ngoài nước, tạo cơ hội giao thương, liên kết hợp tác kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Tuy nhiên, hiện nay hoạt động xúc tiến thương mại còn đơn lẻ, quy mô nhỏ, chưa thu hút được nhiều HTX, cơ sở sản xuất tham gia. Đa số các HTX chưa chú trọng việc xây dựng thương hiệu, chất lượng sản phẩm nên chưa thu hút được người tiêu dùng. Các HTX khó tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư máy móc thiết bị, đóng gói bao bì sản phẩm, phương tiện vận chuyển...Phần lớn các HTX chưa có sự liên kết với nhau trong tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nên chưa phát huy được hết tiềm năng của mình.

c) Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới

Nhà nước hỗ trợ HTX ứng dụng khoa học và công nghệ mới thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia. Theo báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ, năm 2016 tỷ lệ áp dụng máy móc, thiết bị trong sản xuất nông nghiệp có mức gia tăng 1-2% so với năm 2015, các tiến bộ khoa học và công nghệ đã đóng góp khoảng 30-40% vào tăng trưởng nông nghiệp. Từ năm 2014-2016, nguồn kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên cho hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm cho Liên minh HTX Việt Nam là 13,94 tỷ đồng, đã tổ chức tư vấn cho các HTX áp dụng được 26 công nghệ khác nhau nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hỗ trợ cho 540 HTX được ứng dụng khoa học công nghệ, rất ít so với tổng số HTX cả nước (chỉ 2,76%).

Trong giai đoạn 2013-2016, các địa phương đã hỗ trợ cho 3.698 lượt HTX ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới với tổng kinh phí là 67.414 triệu đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 7.914 triệu đồng, từ ngân sách địa phương là 59.500 triệu đồng¹⁶.

¹⁵ Theo báo cáo chuyên đề về xúc tiến thương mại của Bộ Công Thương

¹⁶ 25/63 tỉnh, thành phố có báo cáo

Công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp đã tạo nhiều chuyển biến tích cực. Một số HTX đã được hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại các tỉnh: Lâm Đồng, Kon Tum, Ninh Thuận, Đồng Tháp, Tiền Giang, ... Bước đầu giúp HTX sản xuất được các sản phẩm chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, ký kết được các hợp đồng xuất khẩu mang lại hiệu quả kinh tế cao cho HTX và thành viên.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cũng có nhiều hoạt động khuyến công hỗ trợ các HTX Công nghiệp- Tiểu thủ Công nghiệp về ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ sản xuất sản phẩm mới, đào tạo nghề, giới thiệu, quảng bá sản phẩm hàng hóa tại các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, hướng tới xuất khẩu.

Tuy nhiên, mặc dù cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ cơ bản đầy đủ nhưng chưa có chính sách đặc thù đối với HTX. Các HTX được thụ hưởng chung giống như các thành phần kinh tế khác nên số lượng HTX được hưởng chính sách này là rất ít. Nguồn ngân sách hỗ trợ HTX trong lĩnh vực này còn hạn chế, bên cạnh không ít khó khăn về vốn đầu tư ban đầu, kiến thức cơ bản... khiến nhiều nông dân lúng túng trong chủ động tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật. Nhiều sản phẩm nông, lâm, thủy sản chưa có thương hiệu trên thị trường quốc tế, trong khi cạnh tranh về thị trường tiêu thụ nông sản ngày càng gia tăng.

Ngoài ra, sự liên kết hoạt động khoa học - công nghệ giữa các địa phương trong nước còn rời rạc. Nhiều địa phương chưa xây dựng được kế hoạch hợp tác chặt chẽ giữa tổ chức và cá nhân nghiên cứu khoa học với cơ quan quản lý nghiên cứu, cơ quan chuyển giao kết quả và tổ chức, cá nhân sử dụng kết quả nghiên cứu từ các đề tài, dự án. Mức độ liên kết giữa nghiên cứu khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo với sản xuất, kinh doanh ở lĩnh vực nông nghiệp còn nhiều hạn chế, thiếu sự hợp tác chặt chẽ giữa các tổ chức nghiên cứu, phát triển, các trường đại học và doanh nghiệp, các hợp tác xã, nông dân... Do đó, nhiều đề tài, dự án chưa theo kịp những đòi hỏi từ thực tế sản xuất và đời sống.

d) Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX

- *Chính sách tiếp cận vốn:* Trong giai đoạn 2013-2016, Ngân hàng Nhà nước xác định khu vực KTTT, HTX là một trong những đối tượng mà cần ưu tiên đầu tư tín dụng và đã có nhiều chính sách hỗ trợ cụ thể như: (1) Giảm mặt bằng lãi suất, ổn định tỷ giá, tăng thanh khoản hỗ trợ TCTD, khơi thông dòng vốn tín dụng và triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các HTX; (2) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế tín dụng theo hướng tạo điều kiện cho HTX mở rộng sản xuất kinh doanh và tiếp cận các nguồn vốn tín dụng; (3) Xây dựng cơ chế đặc thù đối với một số ngành sử dụng nhiều lao động hiệu quả, đặc

biệt trong lĩnh vực nông nghiệp; (4) Quy trình, thủ tục cho vay tại các TCTD ngày càng đơn giản hóa theo hướng tạo điều kiện cho khu vực KTTT mở rộng sản xuất kinh doanh và tiếp cận nguồn vốn tín dụng tại các TCTD.

Có thể nói, nguồn vốn tín dụng ngân hàng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của HTX, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho thành viên của HTX. Trong giai đoạn 2013-2016, doanh số cho vay bình quân cho HTX mỗi năm đạt 8.000 tỷ đồng. Đến hết năm 2016 dư nợ đạt gần 5.000 tỷ đồng, tăng 18,2% so với cuối năm 2015, giảm 1.600 tỷ đồng so với thời điểm 01/7/2013. Số khách hàng dư nợ là 1.918 khách hàng (trong đó có 1.365 HTX, 29 LH HTX). Mặc dù dư nợ cho vay đối với HTX giảm trong năm 2013, 2014 nhưng đã có chiều hướng gia tăng từ năm 2015 đến nay. Điều đó thể hiện rằng các HTX sau quá trình chuyển đổi đã hoạt động ổn định trở lại, nhu cầu vay vốn tăng lên và là cơ sở để TCTD tập trung đầu tư tín dụng.

Tuy nhiên, việc tiếp cận vốn đối với các HTX vẫn còn khó khăn do nhiều HTX chưa đủ điều kiện tiếp cận tín dụng (năng lực điều hành, quản trị hạn chế dẫn đến lúng túng trong hoạt động sản xuất kinh doanh). Một số HTX thiếu công khai minh bạch, thực hiện chưa đúng quy định về quản lý tài chính, kế toán, chưa tuân thủ các nguyên tắc của Luật HTX 2012...nên thiếu cơ sở pháp lý để vay vốn. Hiệu quả hoạt động của các HTX còn thấp, số lượng dịch vụ ít, chất lượng dịch vụ chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường, chưa có sự gắn kết theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm...nên chưa xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh khả thi để tiếp cận vốn vay của các TCTD, phần lớn chỉ có nhu cầu tiếp cận vốn lãi suất thấp có sự hỗ trợ của nhà nước.

- *Quỹ hỗ trợ phát triển HTX*: Hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển HTX được tổ chức từ Trung ương đến địa phương. Ở Trung ương, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX được giao cho Liên minh HTX Việt Nam quản lý. Vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp là 100 tỷ đồng để hỗ trợ cho hoạt động của các HTX như: Đổi mới phát triển sản phẩm, công nghệ, thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm, xây dựng và nhân rộng mô hình HTX điển hình tiên tiến. Ở địa phương, đa số các tỉnh, thành phố đã thành lập được Quỹ hỗ trợ phát triển HTX và bước đầu hoạt động có hiệu quả (46/63 tỉnh, thành phố có Quỹ hỗ trợ phát triển HTX, 02 tỉnh đã có chủ trương thành lập)¹⁷. Mức độ hoạt động của các Quỹ tại địa phương cũng tương đối khác nhau, một số địa phương Quỹ hoạt động rất tích cực, tạo một kênh hỗ trợ vốn hiệu quả cho HTX như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh...¹⁸

Tính đến 31/12/2016, nguồn vốn hoạt động của Quỹ trung ương đạt 135,86 tỷ đồng. Trong 04 năm từ 2013-2016, Quỹ trung ương đã tiếp nhận và chủ động đi khảo sát 98 dự án tại 34 tỉnh, thành phố, đã ký hợp đồng giải ngân

¹⁷ Xem cụ thể tại phụ lục 3

¹⁸ Theo Báo cáo sơ kết 3 năm thi hành Luật HTX của Bộ KH & ĐT

cho vay 41 dự án tại 23 tỉnh, thành phố với số tiền 99.248 triệu đồng, dư nợ cuối năm 2016 đạt 88.886 triệu đồng. Riêng năm 2016, Quỹ trung ương cho vay 21 dự án, giải ngân 40 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay là 90 tỷ đồng. Quỹ đã tập trung chú trọng cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, miền núi, các hợp tác xã phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, hàng hóa chủ lực có quy mô lớn và sức lan tỏa, các HTX sản xuất nông sản an toàn Việt Nam (cho vay lĩnh vực nông nghiệp chiếm 36,58%, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, hàng hóa chủ lực chiếm tỷ trọng 21,9%, khu vực miền núi và Tây Nguyên chiếm tỷ trọng 43,9%, các hợp tác xã làm hạt nhân thành lập liên hiệp hợp tác xã chiếm tỷ trọng 17%).¹⁹

Trong giai đoạn 2013-2016 có 5.006 HTX được tiếp cận nguồn vốn quỹ (khoảng 25,58% tổng số HTX cả nước), trong đó nguồn vốn của Trung ương là 58.834 triệu đồng, nguồn vốn địa phương là 634.567 triệu đồng. Đây cũng là dấu hiệu tích cực khi số HTX được tiếp cận vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX đã tăng lên kể từ khi có Luật HTX 2012 (tăng khoảng 3.292 HTX, 192% so với giai đoạn 2001-2011).

Việc ra đời và đi vào hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX đã tạo thêm một kênh hỗ trợ về vốn đối với các HTX, tạo nhiều công ăn việc làm, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Các HTX sau khi vay vốn tại Quỹ đã tăng trưởng đáng kể về quy mô và hiệu quả sản xuất kinh doanh: Doanh thu, lợi nhuận sau thuế tăng bình quân 50% - 60%, số thành viên tăng bình quân 4%, số lao động tăng bình quân 37%, thu nhập bình quân tăng 35%, số nộp ngân sách tăng bình quân 74%.

Về cơ bản, các HTX sau khi vay vốn của Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX đều phát triển tốt. Các dự án đầu tư đã tạo thêm nhiều việc làm mới, nâng cao sức cạnh tranh, mang lại lợi nhuận cao cho các HTX. Thu nhập cho thành viên, người lao động tăng lên, đặc biệt cho lao động ở nông thôn, đóng góp vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, xoá đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển ngành nghề có thế mạnh ở các vùng...

Tuy nhiên, nguồn vốn ban đầu được ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã ở Trung ương rất ít, chỉ có 100 tỷ đồng, trong khi nhu cầu vay vốn hàng năm của các HTX lên tới hàng chục nghìn tỷ đồng. Đến hết năm 2016, Quỹ đã giải ngân cơ bản hết nguồn vốn cho vay. Nhu cầu vay vốn lưu động, bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của các HTX là rất cần thiết để phát triển sản xuất kinh doanh, trong khi Quỹ chỉ cho vay đầu tư, thủ tục vay vốn theo quy định còn chặt chẽ, phức tạp...

¹⁹ Theo báo cáo sơ kết của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX

Ngày 22/6/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg, theo đó vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX do ngân sách nhà nước cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển, năm 2018 tăng lên 500 tỷ đồng và đến năm 2020 đạt 1.000 tỷ đồng. Theo đó, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX được bổ sung thêm hai nhiệm vụ đó là: Bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư nhằm hỗ trợ cho các HTX tiếp cận nguồn vốn tín dụng tại các ngân hàng thương mại để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

đ) Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, tiêu chí số 13 là xã nông thôn mới phải có HTX kiểu mới hoạt động theo Luật HTX 2012 và có hoạt động liên kết gắn với chuỗi giá trị sản phẩm. Nội dung này đã được các địa phương xây dựng kế hoạch và hướng dẫn các nội dung liên quan đến phát triển KTTT, HTX. Nhờ đó, các HTX được tạo điều kiện thành lập, tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Theo báo cáo chưa đầy đủ của các địa phương, trong giai đoạn 2013-2016, đã tạo điều kiện cho 554 lượt HTX tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế - xã hội với tổng kinh phí là 74.965 triệu đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 7.484 triệu đồng, từ ngân sách địa phương là 67.481 triệu đồng²⁰.

e) Chính sách thành lập mới HTX, LH HTX

Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/11/2016 hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của HTX, thành lập mới HTX, tổ chức lại hoạt động HTX theo Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020.

Qua hơn 04 năm triển khai Luật HTX năm 2012, số lượng các HTX thành lập mới tăng hơn so với giai đoạn trước và hoạt động các HTX mới thành lập đảm bảo theo đúng Luật HTX 2012 là phục vụ thành viên. Theo báo cáo của các địa phương, hầu hết HTX thành lập mới được hỗ trợ kinh phí từ 5 triệu đến 20 triệu đồng/HTX, đặc biệt như thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ 100 triệu đồng/HTX. Nội dung hỗ trợ bao gồm: Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn về quy định pháp luật HTX trước khi thành lập HTX cho sáng lập viên HTX, tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của HTX, tư vấn thực hiện các thủ tục tổ chức lại hoạt động của HTX theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

²⁰ 18/63 tỉnh, thành phố có báo cáo

Trong giai đoạn 2013-2016, cả nước đã hỗ trợ cho 5.038 HTX thành lập mới với tổng kinh phí là 27.204 triệu đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 4.680 triệu đồng, từ ngân sách địa phương là 22.524 triệu đồng²¹.

3.2. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX nông nghiệp

Quyết định 2261/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015- 2020 được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành ngày 15/12/2014, tuy nhiên đến năm 2017 mới lồng ghép được nguồn vốn trong Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới. Do đó, 4 năm qua một số nội dung trong Quyết định còn chưa được triển khai rộng rãi, đặc biệt là chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX nông nghiệp như: Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, hỗ trợ chế biến sản phẩm, vv... Tổng hợp báo cáo của các địa phương, kết quả thực hiện của các chính sách này như sau:

a) Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013, Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014, đã quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với các HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

Theo báo cáo chưa đầy đủ của các địa phương, trong giai đoạn 2013 - 2016, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã hỗ trợ cho 476 HTX về phát triển kết cấu hạ tầng với tổng kinh phí là 224 tỷ đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 51,5 tỷ đồng, từ ngân sách địa phương là 172,5 tỷ đồng. Kinh phí này chủ yếu được lồng ghép từ các chương trình hỗ trợ có mục tiêu có đối tượng thụ hưởng là các HTX. Ngân sách trung ương chưa bố trí được nguồn riêng cho hỗ trợ các HTX phát triển kết cấu hạ tầng theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg.

Hiện nay, nguồn kinh phí hỗ trợ Chương trình phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg được lồng ghép trong Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đề nghị UBND các tỉnh, thành phố ưu tiên bố trí nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương được giao trong kế hoạch năm 2017 và kế hoạch trung hạn 2016-2020 thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM để hỗ trợ các HTX theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 12/2007/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách TW và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hướng dẫn thực hiện nội dung này trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM để tạo điều kiện cho các HTX được hỗ trợ theo quy định. Tuy nhiên,

²¹ Theo Báo cáo sơ kết 3 năm thi hành Luật HTX 2012 của Bộ KH & ĐT

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM có rất nhiều nội dung nên việc các HTX được hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng từ nguồn trên là khó khăn.

b) Chính sách giao đất, cho thuê đất

Triển khai Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị, Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 207/2014/TT-BTC ngày 26/12/2014 quy định về xác định tiền thuê đất đối với công ty nông, lâm, nghiệp sử dụng đất và mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Thông tư đã quy định mức tính thuế sử dụng đất cho sản xuất nông nghiệp ở mức thấp nhất. Bên cạnh đó, các HTX nông nghiệp còn được miễn tiền thuê đất đối với đất làm mặt bằng xây dựng trụ sở HTX, sân phơi, nhà kho, xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp...

Giai đoạn 2013-2016, cả nước có 1.413 HTX được giao đất, cho thuê đất với tổng diện tích đất là 12.016 ha. Số HTX được ưu đãi tín dụng khi thuê đất là 182 HTX với tổng kinh phí là 54.168 triệu đồng.

Mặc dù đã có những quy định ưu đãi về đất đai với các HTX nhưng việc triển khai thực hiện còn nhiều khó khăn. Số HTX được thụ hưởng chính sách này không nhiều do quỹ đất công hiện nay hạn chế (chỉ chiếm khoảng 13,75% tổng số HTX NN). Một số địa phương có quỹ đất công nhưng chưa tạo điều kiện hỗ trợ HTX. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn khó khăn, quy định về quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định Luật Đất đai 2013 vẫn còn thiếu linh hoạt trong việc hỗ trợ tài chính cho HTX khi thế chấp tại tổ chức tín dụng.

c) Chính sách ưu đãi về tín dụng

Ngân hàng Nhà nước đã có cơ chế, chính sách hỗ trợ ưu đãi tín dụng đối với các HTX nông nghiệp theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực từ ngày 01/8/2015; Chính sách cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Chính sách cho vay đối với chăn nuôi và thủy sản theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1149/TTg-KTN ngày 08/8/2012; Chương trình cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 5/3/2014... Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/07/2014 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013). Theo đó, khi mua máy, thiết bị

nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, HTX được Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vốn vay thương mại đối với khoản vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn bằng đồng Việt Nam, mức vay tối đa bằng 100% giá trị hàng hóa; hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay trong 2 năm đầu, 50% trong năm thứ 3.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước còn áp dụng trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu... (hiện nay là 6,5%/năm, thấp hơn 1-2% so với mặt bằng chung). Để khuyến khích các tổ chức tín dụng đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Ngân hàng Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các tổ chức tín dụng cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp với dư nợ trên 40% được Ngân hàng Nhà nước áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc thấp hơn so mức bình thường và xem xét hỗ trợ từ nguồn tái cấp vốn nếu các ngân hàng này gặp khó khăn về nguồn vốn cho vay.

Trong giai đoạn 2013-2016, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tạo điều kiện cho 1.953 HTX được hưởng ưu đãi về tín dụng với tổng kinh phí là 138.296 triệu đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương là 9.330 triệu đồng, từ ngân sách địa phương là 128.966 triệu đồng²². Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, dư nợ cho vay đối với HTX theo Nghị định số 55/NĐ-CP đạt khoảng 3.200 tỷ đồng, trong đó cho vay không có tài sản đảm bảo đối với các HTX đạt khoảng 70 tỷ đồng, cho 35 HTX, chiếm tỷ trọng rất ít (khoảng 2,18%) trong tổng dư nợ cho vay theo Nghị định số 55/NĐ-CP.

Tuy nhiên, trên thực tế HTX chưa tiếp cận được chính sách này cũng như rất khó tiếp cận vay vốn của các ngân hàng thương mại do đa số các HTX không đáp ứng được những điều khoản, thủ tục cho vay. Hiện tại, phần lớn các HTX đều rơi vào “*tình trạng 6 không*”: Không trụ sở, không có hoặc rất ít vốn điều lệ, không có phương án sản xuất, kinh doanh, không hạch toán, không có hợp đồng bao tiêu, về nhân sự, ban quản lý HTX thực sự chưa đáp ứng yêu cầu về quản lý, điều hành HTX nên các ngân hàng cũng khó cho HTX vay vốn. Bên cạnh đó, nhiều HTX chưa xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh khả thi...nên không vay được vốn (mặc dù theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ HTX có thể vay không cần tài sản đảm bảo với số tiền lên tới 2 tỷ đồng). Ngoài ra, còn có một số HTX sử dụng không hiệu quả, sử dụng sai mục đích vốn vay, nợ quá hạn kéo dài, có tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

d) Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh

Việc hỗ trợ HTX khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh được thực hiện theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định HTX được ngân sách nhà nước kịp thời hỗ trợ bằng tiền, hoặc cây, con giống đảm bảo chất lượng, phù hợp với sinh thái địa phương khi gặp khó

²² Theo Báo cáo sơ kết 3 năm thi hành Luật HTX của Bộ KH và ĐT

khăn do thiên tai, dịch bệnh và Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg. Cụ thể: Hỗ trợ đối với diện tích cây trồng bị thiệt hại từ 30% trở lên; Hỗ trợ đối với vật nuôi thiệt hại do thiên tai, thiệt hại do dịch bệnh nguy hiểm; Hỗ trợ đối với nuôi trồng thủy, hải sản bị thiệt hại từ 30% trở lên.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 và Thông tư số 33/2013/TT-BTC ngày 21/03/2013 quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

Thực tế, chính sách này được thực hiện khá tốt nên cơ bản đã giúp cho người dân và thành viên HTX vượt qua khó khăn, ổn định phát triển sản xuất. Tuy nhiên, do chính sách hỗ trợ vốn, giống tập trung hỗ trợ trực tiếp sản xuất, trong khi các HTX nông nghiệp chủ yếu thực hiện các hoạt động dịch vụ nên UBND xã, phường trực tiếp cấp phát cho người dân, thành viên HTX vùng bị thiên tai, chỉ một số ít địa phương có HTX nông nghiệp được tham gia triển khai thực hiện chính sách cho các thành viên của mình. Do đó, số HTX được hưởng chính sách này vẫn còn hạn chế. Trong giai đoạn 2013-2016, chỉ có 327 HTX được hỗ trợ với kinh phí 43,01 tỷ đồng (khoảng 3,18% tổng số HTX NN).

d) Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm

Việc hỗ trợ chế biến sản phẩm đối với HTX được thực hiện theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp. Theo đó, khi mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, hợp tác xã được Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vốn vay thương mại đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn bằng đồng Việt Nam, mức vay tối đa bằng 100% giá trị hàng hóa. Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay trong hai năm đầu, 50% trong năm thứ ba. Hợp tác xã được Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch giữa lãi suất thương mại đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn bằng đồng Việt Nam và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp. Mức vay tối đa 70% giá trị đầu tư. Thời gian cho vay theo khả năng thu hồi vốn của dự án nhưng tối đa không quá 12 năm.

Tuy nhiên, trong các đối tượng hưởng chính sách theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, mới có 18 HTX được vay vốn với dư nợ vay chiếm khoảng 0,16% trong tổng dư nợ cho vay, không có nợ xấu. Ngoài phần kinh phí của Trung ương, các địa phương đã bố trí kinh phí hỗ trợ các HTX nông nghiệp. Trong giai đoạn 2013-2016, đã có 355 HTX nông nghiệp được hỗ trợ 62,66 tỷ đồng, trong đó ngân sách địa phương chiếm 32,28%.

3.3. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác

a) *Chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội cho cán bộ HTX*

Chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH) đối với các bộ quản lý, người lao động trong HTX đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế từ năm 1995 đến nay. Từ 01/01/2016 người quản lý, điều hành HTX có hưởng tiền lương, người làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn hoặc có thời hạn từ đủ 03 tháng trở lên trong các HTX thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc (Luật BHXH năm 2014).

Về chính sách BHXH đối với chủ nhiệm HTX quy mô toàn xã được thực hiện theo Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với chủ nhiệm HTX có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước, quy định: Những người có thời gian làm chủ nhiệm HTX nông nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có quy mô toàn xã từ ngày 1/7/1997 trở về trước, sau đó trực tiếp giữ chức vụ, chức danh ở cấp xã hoặc thuộc biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước hoặc làm các công việc thuộc đối tượng đóng BHXH bắt buộc thì thời gian làm chủ nhiệm HTX được tính cộng nối với thời gian đã đóng BHXH để tính hưởng chế độ BHXH theo quy định của pháp luật.

Tính đến 31/12/2016 số cán bộ quản lý HTX tham gia đóng BHXH là 44.739 người, giảm 1.415 người so với năm 2013 (khoảng 3,06%). Tiền lương đóng BHXH tăng ở mức tương đương với tốc độ tăng lương tối thiểu vùng (bình quân khoảng 14,3%). Tuy nhiên, nợ BHXH còn ở mức tương đối cao. Tính đến 31/12/2016, số nợ BHXH là 50.983 triệu đồng, tăng 17.500 triệu đồng (khoảng 52,2%) so với năm 2013 và bình quân khoảng 9% so với số phải thu BHXH trong giai đoạn vừa qua. Số người được giải quyết chế độ theo Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 là 11.198 người, với tổng kinh phí chi trả là 67.097 triệu đồng.

Có thể nói, trong giai đoạn 2013-2016, chính sách BHXH đối với người làm việc trong HTX được ban hành, phù hợp với quá trình phát triển của KTTT và nhu cầu của người lao động, góp phần bảo vệ người lao động và thân nhân của họ trước những rủi ro trong quá trình sản xuất, tạo điều kiện cho người làm việc trong HTX có lương hưu khi hết tuổi lao động.

Tuy nhiên, thực tế, số người đóng BHXH mới chỉ chiếm khoảng 2,92% số cán bộ, người lao động làm việc trong khu vực KTTT, HTX tham gia BHXH bắt buộc. Như vậy, số người chưa tham gia BHXH quá lớn, đang là một thách thức đối với việc đảm bảo an sinh xã hội lâu dài cho người lao động. Bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện giải quyết chế độ cho chủ nhiệm HTX theo Quyết định số 250/QĐ-TTg còn kéo dài, chưa dứt điểm do công tác phổ biến, tuyên truyền chưa tốt, năng lực một số cán bộ còn hạn chế, hồ sơ, giấy tờ của đối tượng bị thất lạc, ngân sách nhà nước khó khăn...

b) Chính sách ưu đãi về thuế, phí và lệ phí

Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ thuế, phí và lệ phí cho HTX và đã được quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12, Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế, Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ, Nghị định số 139/2016/NĐ-CP quy định về lệ phí môn bài...

HTX, ngoài việc giảm thuế suất phổ thông thuế thu nhập doanh nghiệp xuống mức 20% thì ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức khá cao và ngày càng quy định rõ ràng, minh bạch (miễn thuế, giảm thuế, áp dụng thuế suất 10%, 15%). Đối với sản phẩm nông nghiệp của HTX khi xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0%. Các sản phẩm trồng trọt chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán ra thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, ở khâu kinh doanh thương mại áp dụng thuế suất GTGT 5% (mức thuế suất thông thường là 10%). HTX cũng được ưu đãi, miễn, giảm lệ phí trước bạ khi sử dụng đất nông nghiệp, miễn lệ phí môn bài khi hoạt động dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp hoặc khi HTX kinh doanh tại địa bàn miền núi....

Có thể nói, chính sách ưu đãi thuế, phí, lệ phí đối với HTX trong thời gian qua đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần cho phù hợp với thực tế. Tuy nhiên, các chính sách về thuế đối với HTX còn phân tán và được lồng ghép theo chính sách thuế đối với doanh nghiệp. Bản thân các HTX chưa hạch toán riêng biệt được phần thu nhập được miễn thuế. Công tác quản lý thuế hiện nay đang chủ yếu tập trung cho khối doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể, trong khi quản lý thuế đối với HTX chưa được quan tâm chú trọng đúng mức.

c) Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của HTX với doanh nghiệp

Ngày 25/10/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg về chính sách phát triển hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Chính phủ khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất với tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng, ngân sách hỗ trợ miễn tiền thuê đất đai, mặt bằng xây dựng, kho tàng, cơ sở chế biến nông sản, kinh phí quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hỗ trợ đào tạo nghề cho cán bộ hợp tác xã. Hỗ trợ một phần đầu vào và khuyến khích chuyển giao khoa học công nghệ cho nông dân, HTX.

Năm 2016, cả nước có 48/63 tỉnh, thành phố triển khai với 2.262 điểm xây dựng cánh đồng mẫu lớn, tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long, với tổng diện tích đất gieo trồng đạt 579,3 nghìn ha, trong

đó chủ yếu trồng lúa (516,9 nghìn ha). Ngoài ra, các địa phương chủ động kết hợp các chính sách, dự án triển khai trên địa bàn để thực hiện hỗ trợ HTX. Giai đoạn 2013-2016 đã có 200 HTX nông nghiệp được hỗ trợ 81,7 tỷ đồng, trong đó hỗ trợ từ ngân sách địa phương chiếm 98,16%.²³

Sau thời gian triển khai Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các địa phương đã coi xây dựng cánh đồng lớn là phương thức tổ chức sản xuất mới trong nông nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt hơn so với sản xuất truyền thống, trong đó nhiều hộ sở hữu đất đai riêng lẻ hợp tác với nhau thực hiện cùng một quy trình sản xuất đối với một loại sản phẩm (“đồng trà, liên khoán”), tạo liên kết ngang giữa những người sản xuất. Quá trình liên kết này còn được hỗ trợ bởi các doanh nghiệp đầu vào và đầu ra theo các hợp đồng sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân.

Đồng thời, tiêu chí xây dựng của huyện, xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành đều quy định trên địa bàn huyện, xã phải có ít nhất một chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nên nhiều địa phương đã có Đề án, Kế hoạch triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, chính sách này ở các địa phương diễn ra chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Diện tích cánh đồng mẫu lớn chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (khoảng 3,9%) so với tổng diện tích cây trồng. Số HTX NN tham gia liên kết xây dựng cánh đồng lớn chưa nhiều. Tỷ lệ bao tiêu sản phẩm qua hợp đồng trong cánh đồng lớn chưa cao, tình trạng phá hợp đồng thường xuyên xảy ra, do đó không đáp ứng được yêu cầu sản xuất hiện nay, đặc biệt là về quản lý chất lượng và tiêu thụ sản phẩm. Năng lực của các HTX còn hạn chế, trong khi kinh phí hỗ trợ chính sách này giao cho các địa phương tự cân đối ngân sách triển khai thực hiện, ngân sách Trung ương chỉ hỗ trợ một phần nên việc cân đối nguồn ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ rất khó khăn...

d) *Chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp mua bảo hiểm nông nghiệp qua HTX*: Chính sách bảo hiểm nông nghiệp đã được hoàn thiện từ cơ chế thí điểm theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 và Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 27/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ để xây dựng cơ chế, chính sách bảo hiểm chung không chỉ đối với người nông dân mà gắn với HTX, tổ chức kinh tế thực hiện sản xuất, kinh doanh trong ngành nông nghiệp, thủy sản. Cơ chế bảo hiểm theo thông lệ quốc tế, thị trường, có sự chọn lọc đối tượng và giảm sự bao cấp từ ngân sách nhà nước.

Thực tiễn triển khai hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp cho thấy chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp là

²³ Theo báo cáo chuyên đề của Bộ NN và PTNT

hết sức đúng đắn. Đây là chính sách nhằm ổn định sản xuất và đời sống của người dân, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Các địa phương được lựa chọn làm thí điểm, các địa bàn huyện xã làm thí điểm với các sản phẩm cây lúa, chăn nuôi, thủy sản là những mặt hàng sản xuất nông nghiệp quan trọng, phù hợp với điều kiện, đặc thù sản xuất nông nghiệp, phân bố dân cư và yêu cầu phát triển kinh tế của địa phương.

Nhà nước đã thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm thủy sản cho các HTX nông nghiệp.

- Về bảo hiểm nông nghiệp: Hình thành 3 sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp (cây lúa, vật nuôi và thủy sản). Cây lúa được bảo hiểm trên cơ sở chỉ số năng suất, vật nuôi được bảo hiểm trên cơ sở giá trị vật nuôi, thủy sản (tôm, cá) được bảo hiểm theo chi phí nuôi trồng. Qua thực hiện cho thấy cách thức xây dựng các sản phẩm nói trên là có căn cứ, phù hợp với đặc tính của từng loại cây trồng, vật nuôi, thu hút được các hộ dân ở địa phương (huyện, xã) nơi thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của 20 tỉnh, thành phố tham gia.

Trong quá trình thực hiện, đã thực hiện bồi thường bảo hiểm kịp thời cho các hộ khi xảy ra tổn thất do rủi ro thiên tai, dịch bệnh, góp phần giúp hộ dân ổn định đời sống và có điều kiện tiếp tục sản xuất kinh doanh, cụ thể: Bảo hiểm cây lúa: số tiền bồi thường 17,4 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 19%. Bảo hiểm vật nuôi: số tiền bồi thường 19,5 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 23,3%. Bảo hiểm thủy sản: số tiền bồi thường 675,9 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 309,8%.

- Về chính sách bảo hiểm thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ nhằm góp phần khuyến khích khai thác hải sản xa bờ, hỗ trợ ngư dân nói chung và ngư dân (thuộc tổ đội, hợp tác xã, nghiệp đoàn nghề cá) bám biển, bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc. Trong hai năm 2015, 2016, mỗi năm có trên 10.000 tàu được bảo hiểm với tổng giá trị bảo hiểm là 48.000 tỷ đồng, hơn 100.000 thuyền viên được bảo hiểm.

Trong quá trình triển khai chính sách bảo hiểm, Bộ Tài chính đã chỉ đạo các doanh nghiệp bảo hiểm tích cực tổ chức tập huấn, tuyên truyền, xây dựng sản phẩm bảo hiểm, tổ chức thiết lập mạng lưới, chuẩn bị mọi nguồn lực để sẵn sàng thực hiện bồi thường bảo hiểm đảm bảo nghĩa vụ cam kết khi phát sinh sự kiện bảo hiểm. Đồng thời, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập các đoàn công tác làm việc trực tiếp địa phương để nắm tình hình thực tiễn ở cơ sở, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Thực tế, trong giai đoạn 2013-2016, số HTX thực hiện mua bảo hiểm nông nghiệp qua HTX là 113 HTX với tổng kinh phí là 6.559 triệu đồng.²⁴

4. Công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể

4.1. Công tác thành lập và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về HTX

a) *Ở Trung ương:* Bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX ở cấp Trung ương còn phân tán, chưa tập trung. Tính đến 31/12/2016, chỉ có Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nông nghiệp và PTNT thành lập được đơn vị chuyên trách thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT. Các Bộ, ngành khác không thành lập tổ chức chuyên trách, mà giao cho đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ thực hiện kiêm nhiệm và chỉ có một số cán bộ kiêm nhiệm theo dõi, nên việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ còn nhiều hạn chế. Ngày 22/3/2017 Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX tại Quyết định số 352/QĐ-TTg, trong đó Trưởng ban trực tiếp là Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Phó trưởng ban Thường trực, hai Phó trưởng ban còn lại là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch Liên minh HTX Việt Nam, thành viên là đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành liên quan.

b) *Ở địa phương:* UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển KTTT, thành viên là đại diện lãnh đạo một số ngành liên quan để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về KTTT. Tại 58/63 tỉnh, thành phố đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT cấp tỉnh, một số tỉnh đã thành lập được Ban Chỉ đạo phát triển KTTT cấp huyện như: Hà Nội, Bắc Giang, Phú Thọ, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Gia Lai, Tiền Giang.... Đa số UBND các cấp chưa tổ chức được bộ máy quản lý nhà nước tại cấp mình theo yêu cầu mà chủ yếu chỉ bố trí một cán bộ chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm) theo dõi về KTTT.

Theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT trên địa bàn tỉnh, nhưng hiện nay mới có hơn 20/63 tỉnh, thành phố thành lập phòng Doanh nghiệp, KTTT và tư nhân. Một số tỉnh, thành phố đã có Quyết định của UBND tỉnh, đang triển khai thành lập phòng. Kể cả ở các tỉnh, thành phố đã thành lập được Phòng Doanh nghiệp, KTTT và tư nhân thì đa số cũng chưa bố trí được cán bộ chuyên trách về lĩnh vực này mà chủ yếu vẫn kiêm nhiệm do hạn chế về biên chế, số lượng cán bộ. Các sở còn lại chưa có phòng chuyên trách về KTTT, thường phân công không thống nhất cho phòng Nông nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc phòng Kinh tế ngành kiêm nhiệm.

²⁴ Theo Báo cáo sơ kết của Bộ NN và PTNT

Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập Chi cục hợp tác xã và Phát triển nông thôn trực thuộc Sở để tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn nhưng thực tế chỉ có số ít cán bộ được phân công theo dõi về KTTT, HTX.

Các sở, ngành còn lại không có các phòng nghiệp vụ mà chỉ bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo dõi công tác quản lý KTTT, HTX.

- Tại cấp huyện: Phòng Tài chính- Kế hoạch là cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT. Tuy nhiên, đa phần mới chỉ bố trí được cán bộ kiêm nhiệm thực hiện chức năng này. Đối với lĩnh vực quan trọng như nông nghiệp, theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, nhiều địa phương cũng mới bố trí được cán bộ kiêm nhiệm theo dõi tình hình các HTX nông nghiệp ở cấp huyện, rất ít nơi bố trí được cán bộ chuyên trách theo dõi.

Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về HTX còn thiếu và yếu, đa phần là cán bộ kiêm nhiệm nên gặp nhiều khó khăn trong việc tích lũy kiến thức chuyên ngành về HTX. Hệ thống số liệu cơ bản về HTX chưa đầy đủ và chính xác, độ tin cậy chưa cao nên hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về KTTT nhìn chung còn yếu và nhiều bất cập. Mặt khác, do thiếu cán bộ chuyên trách nên việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước về HTX còn rời rạc. Quy định cụ thể về quy chế phối hợp về quản lý nhà nước đối với KTTT giữa các ngành, địa phương chưa có. Do đó, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc hướng dẫn, tuyên truyền và triển khai thực hiện Luật hợp tác xã, các văn bản dưới luật, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với HTX chưa chặt chẽ, dẫn đến hiện tượng hiểu sai, vận dụng chệch, hạn chế tiềm năng phát triển HTX..

4.2. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý nhà nước đối với KTTT: Hàng năm Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX tại các địa phương chỉ đạo tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với KTTT. Một số Liên minh hợp tác xã tỉnh, thành phố phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan đã tổ chức kiểm tra, nắm tình hình việc thực hiện Luật Hợp tác xã.

Một số địa phương đã chủ động thực hiện rà soát cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến thành lập, hoạt động của các HTX và thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm hành chính công để tập trung giám sát việc thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước thuộc tỉnh.

Tuy nhiên, với lực lượng cán bộ quản lý nhà nước về HTX mỏng, trình độ năng lực còn hạn chế, kiêm nhiệm nhiều việc nên công tác kiểm tra, giám sát, nắm

tình hình thực hiện Luật HTX 2012 chưa được triển khai thường xuyên, chưa kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc của HTX để hướng dẫn giải quyết hoặc kiến nghị các cấp, ngành có thẩm quyền giải quyết. Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức đoàn thể xã hội, nhân dân trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong quá trình hoạt động của các HTX còn hạn chế.

4.3. Việc thực hiện chế độ báo cáo về HTX, LHHTX theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/3/2014 (Điều 24, 25): Việc thực hiện chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của HTX, chế độ thông tin báo cáo của cơ quan đăng ký HTX của các tỉnh, thành phố, các huyện, thị xã còn chưa nghiêm túc, chậm về thời gian và số liệu chưa đầy đủ, chưa chính xác. Nhiều địa phương giao việc theo dõi, quản lý nhà nước về HTX ở cấp huyện không thống nhất (có nơi giao cho phòng Nông nghiệp, có nơi giao cho phòng Kế hoạch-Tài chính). Lực lượng cán bộ mỏng, năng lực, kiến thức về KTTT còn hạn chế nên chưa đánh giá chính xác tình hình phát triển KTTT tại địa phương.

5. Hợp tác quốc tế về kinh tế tập thể

Hợp tác xã là tổ chức tự giúp đỡ của những người yếu thế, qua đó xoá đói giảm nghèo, tăng chất lượng cuộc sống và hỗ trợ cộng đồng. Đây cũng là mục tiêu hỗ trợ của nhiều cơ quan, tổ chức trên thế giới.

Trong thời gian qua, một số dự án hỗ trợ HTX đang được triển khai tại Việt Nam như sau: Dự án Tăng cường chức năng HTX nông nghiệp ở Việt Nam (với sự tài trợ của JICA) đã được triển khai tại Bộ Nông nghiệp và PTNT từ năm 2006, Dự án hỗ trợ phát triển HTX (do tổ chức Socodevi- Canada tài trợ) tại một số địa phương như Sóc Trăng, An Giang, Lâm Đồng, ..., Dự án hỗ trợ xây dựng HTX cà phê Lâm Viên, Di Linh, Lâm Đồng (do Agrobank tài trợ), Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực chuyên môn và thông tin cho cán bộ liên minh HTX tỉnh Phú Yên, Sóc Trăng, Bến Tre (do Liên đoàn Hợp tác xã Cộng hòa liên bang Đức - DGRV tài trợ), Trung tâm HTX Thụy Điển (WE EFFECT) hỗ trợ Dự án “Phát triển phong trào HTX nông nghiệp đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Yên Bái”; Dự án VIEO36 của Chính phủ Luxembourg hỗ trợ cho tỉnh Cao Bằng để triển khai điều tra, đánh giá thực trạng các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Liên minh chiến lược tập thể của Bỉ (CSA) và tổ chức phát triển Hà Lan (Netherlands Development Organisation- SNV) tài trợ 2 Dự án “tăng cường sự tham gia của THT, HTX vào thị trường và chuỗi giá trị” và “nâng cao năng lực, nhận thức cho hội viên nông dân về tiềm năng và giá trị gia tăng thông qua mô hình kinh tế tập thể” tại tỉnh Quảng Ninh. Một số tổ chức quốc tế khác như CARE, Oxfam Anh, ... hiện cũng có một số hoạt động hỗ trợ khu vực KTTT, HTX và bước đầu có kết quả tốt.

Đặc biệt, năm 2016, Liên minh HTX Việt Nam phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng HTX khu vực Châu Á- Thái Bình Dương lần thứ 10. Hội nghị đã giúp các bên tham gia cùng chia sẻ kinh

nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau để đến năm 2030 đạt mục tiêu 4 triệu HTX với số thành viên HTX tăng lên 2 tỷ người, chiếm 20% nền kinh tế toàn cầu.

Nhìn chung các dự án, chương trình hỗ trợ của quốc tế cho khu vực KTTT nói chung và HTX đều được thực hiện tốt, có hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức và năng lực cho cán bộ HTX nói riêng và cán bộ, nhân dân tại địa bàn tác động của chương trình, dự án nói chung, hỗ trợ HTX hoạt động ngày càng ổn định và phát triển hơn.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ KỂ TỪ KHI LUẬT HỢP TÁC XÃ CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH (01/7/2013-31/12/2016)

1. Đánh giá tình hình phát triển HTX

Từ năm 2013 đến nay, mặc dù tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng có nhiều bất ổn, nợ công cao, ngân sách hạn hẹp, nhưng khu vực KTTT, HTX lại hoạt động khá ổn định. Trong HTX, các thành viên vừa là chủ, vừa là khách hàng, cùng hoạt động, cùng chịu trách nhiệm về hoạt động của mình, đảm bảo công bằng, nhân văn mà không một mô hình kinh tế nào có được.

Trong điều kiện kinh tế khó khăn, đầu tư của Nhà nước cho khu vực này còn hạn chế nhưng khu vực KTTT đã từng bước tự củng cố, đổi mới. Các Bộ, ngành, địa phương đã triển khai đánh giá lại tình hình hoạt động, tổ chức của toàn bộ số HTX trên địa bàn. Một số địa phương thực hiện thủ tục giải thể đối với các HTX ngừng hoạt động hoặc hoạt động không phù hợp với Luật Hợp tác xã 2012, làm lành mạnh hóa khu vực HTX, tạo tiền đề cho khu vực HTX phát triển.

Tổng hợp báo cáo từ nhiều nguồn²⁵, tính đến 31/12/2016, toàn quốc có 19.569 HTX, thu hút trên 6.252.416 thành viên tham gia. Số lượng HTX tăng 583 HTX (khoảng 3,07%) so với năm 2013. Số lượng Liên hiệp HTX là 43 Liên hiệp HTX, giảm 01 Liên hiệp HTX so với năm 2013. Số thành viên HTX giảm 1.387.225 người so với năm 2013 (khoảng 18,15%). Sau khi Luật HTX năm 2012 được ban hành và có hiệu lực, giai đoạn 2013-2016 là giai đoạn các hợp tác xã tự điều chỉnh, thanh lọc, các hợp tác xã hoạt động đúng bản chất sẽ hoạt động hiệu quả hơn, phục vụ các thành viên tốt hơn ngược lại các hợp tác xã yếu kém, không hoạt động sẽ giải thể, hoặc chuyển sang hình thức khác phù hợp hơn. Trong giai đoạn này, số lượng HTX thành lập mới là 5.641 HTX nhưng số HTX giải thể lên tới 4.832 HTX. Do đó, tổng số HTX tăng không nhiều và có xu hướng chững lại trong năm 2015, 2016 nhưng hoạt động đi vào thực chất hơn, số HTX mới thành lập hoạt động tương đối đúng luật và hiệu quả. Một số

²⁵ Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Luật HTX, Báo cáo sơ kết thi hành Luật HTX, Kế hoạch phát triển KTTT năm 2017, Kế hoạch phát triển KTTT 2016-2020 của các bộ, ngành, địa phương;

LH HTX hoạt động chưa chặt chẽ, chưa hiệu quả đã được giải thể theo đúng quy định của pháp luật.

Theo báo cáo của 63 tỉnh, thành phố, tổng số HTX phải tiến hành chuyển đổi theo Luật HTX 2012 là 15.555 HTX²⁶ (một số HTX đã phù hợp với quy định của Luật thì không phải đăng ký lại)²⁷. Hiện có khoảng 13.146 HTX đã chuyển đổi và đăng ký lại theo Luật HTX 2012, đạt tỷ lệ 84,5%, có 338 HTX²⁸ đã chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác (chiếm 2,17%) và còn khoảng 2.071 HTX²⁹ (chiếm 13,31%) chưa tiến hành chuyển đổi theo Luật.

Việc chuyển đổi HTX theo luật chưa được tiến hành đồng bộ trên toàn quốc. Một số địa phương đã hoàn thành dứt điểm việc chuyển đổi, đăng ký lại HTX như: Ninh Thuận, Bình Phước, Đồng Nai, Trà Vinh, Lâm Đồng, Gia Lai, Hà Nam, Bắc Ninh, trong khi một số địa phương còn nhiều HTX chưa chuyển đổi như: Lào Cai, Hà Giang, Bắc Giang, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hà Nội.

Tính đến 31/12/2016, số lao động làm việc trong HTX là 1.565.606³⁰ người, giảm 243.802 người so với thời điểm 01/7/2013 (khoảng 13,47%). Năm 2016 số thành viên giảm mạnh so với 01/7/2013 là do các tỉnh rà soát cho giải thể những HTX ngưng hoạt động lâu năm, chỉ có tên trên danh nghĩa, hoạt động không đúng bản chất... Qua đó đã làm lạnh mạnh khu vực HTX, từng bước đưa các HTX hoạt động đúng bản chất là phục vụ thành viên.

Mặc dù khó khăn nhưng hiệu quả hoạt động của các HTX ngày càng ổn định và có xu hướng phát triển. Hiệu quả hoạt động kinh doanh của HTX năm 2016 tăng lên so với thời điểm năm 2013. Doanh thu bình quân của một HTX năm 2016 đạt 3.017 triệu đồng/HTX, tăng 498,3 triệu đồng (19,8%)³¹, trong đó doanh thu bình quân của HTX với thành viên cũng tăng từ 1.573,8 triệu đồng năm 2013 lên 1.929 triệu đồng năm 2016, tăng 355,2 triệu đồng (khoảng 22,56%, chiếm 64% doanh thu bình quân của một HTX).

Cùng với doanh thu, lãi bình quân của một HTX tăng từ 155 triệu đồng/HTX/năm 2013 lên 196,8 triệu đồng/HTX/năm 2016 (tăng 41,8 triệu đồng/HTX/năm, khoảng 26,7%). Thu nhập bình quân của một lao động thường xuyên trong HTX tăng từ 22,8 triệu đồng năm 2013 lên 31,3 triệu đồng năm 2016 (tăng khoảng 8,5 triệu/đồng trong 03 năm, tăng 37,3%).³² Thông qua HTX, đòi

²⁶ 63/63 tỉnh, thành phố báo cáo;

²⁷ Điều 62 Luật Hợp tác xã về Điều khoản chuyển tiếp quy định: 1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà tổ chức và hoạt động không trái với quy định của Luật này thì tiếp tục hoạt động và không phải đăng ký lại. 2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà tổ chức và hoạt động không phù hợp với quy định của Luật này thì phải đăng ký lại hoặc chuyển sang loại hình tổ chức khác trong thời hạn 36 tháng, kể từ khi Luật này có hiệu lực thi hành

²⁸ Theo báo cáo của 47/63 tỉnh, thành phố

²⁹ Theo báo cáo của 50/63 tỉnh, thành phố

³⁰ 55/63 tỉnh, thành phố báo cáo

³¹ 61/63 tỉnh, thành phố báo cáo

³² 57/63 tỉnh, thành phố báo cáo

sống của thành viên và lao động trong HTX được tăng lên đáng kể, từng bước cải thiện kinh tế hộ thành viên, góp phần xóa đói, giảm nghèo tại cộng đồng.

Tổng số cán bộ HTX tăng từ 71.595 người năm 2013 lên 76.154 người năm 2016 (tăng 4.559 người, tương đương 6,36%). Điều đáng kể là đội ngũ cán bộ có trình độ, được đào tạo cũng được tăng theo thời gian (số lượng cán bộ qua đào tạo sơ, trung cấp tăng 4.184 người, tương đương 11,5%), qua đó mang lại nhiều khởi sắc trong tổ chức và quản lý đối với các HTX.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, đóng góp của khu vực HTX vào GDP của cả nước khá ổn định, khoảng 4,0% (năm 2013 là 4,03%, năm 2014 là 4,04%, năm 2015 là 4,01% và sơ bộ năm 2016 là 3,92%)³³. Ngoài đóng góp trực tiếp của khu vực HTX vào tăng trưởng kinh tế chung, các HTX còn đóng góp gián tiếp thông qua tác động tới kinh tế thành viên, HTX thành viên. Hiện nay, đóng góp thông qua tác động tới kinh tế thành viên, HTX thành viên chưa thể tính toán được. Mô hình HTX tác động đến kinh tế thành viên thông qua tạo việc làm, giảm chi phí, tăng giá bán, góp phần cải thiện thu nhập, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội tại địa phương. Thực tế cho thấy, giữa hộ thành viên HTX so với hộ không phải là thành viên HTX về năng suất lao động không chênh nhau nhưng giá thành thì có sự chênh lệch rõ rệt. Các hộ thành viên HTX bán hàng với giá cao hơn các hộ không phải thành viên HTX khoảng trên 10%, chi phí sản xuất giảm khoảng 25%, do vậy, thu nhập của hộ thành viên HTX cao hơn so với các hộ không phải thành viên HTX khoảng 30% (ở thành phố Hồ Chí Minh là 35,7%). Qua đó khẳng định vai trò quan trọng của HTX đối với nông dân, đánh giá hiệu quả hoạt động của HTX phải đánh giá trên giá trị gia tăng của các hộ nông dân và giá trị sản phẩm của hộ nông dân tham gia, hiệu quả hoạt động của HTX vừa là hiệu quả của hộ gia đình, của kinh tế thành viên.

Trong giai đoạn 2013-2016, vẫn còn tình trạng các HTX tồn tại từ trước 01/7/2013 ngưng hoạt động, chưa giải thể do còn nợ đọng không giải quyết được. Tuy nhiên, các tỉnh, thành phố chưa thống kê được toàn diện số liệu này. Mới có 12/63 tỉnh, thành phố có báo cáo nợ đọng của các HTX. Theo đó, số nợ đọng phát sinh trước 01/7/1997 là 12.026 triệu đồng³⁴, nợ phát sinh từ 01/7/1997 đến 01/7/2013 là 283.803 triệu đồng³⁵.

2. Đánh giá tình hình hợp tác xã theo vùng

Do điều kiện địa lý, kinh tế- xã hội khác nhau nên tình hình phát triển và chuyển đổi HTX không đồng đều tại các vùng trong cả nước: Vùng tập trung số lượng HTX nhiều nhất cả nước là vùng Đồng bằng Sông Hồng (chiếm 28,38% tổng số HTX cả nước), tập trung ít nhất là vùng Tây Nguyên (chỉ chiếm 4,38%).

³³ Niên giám Thống kê năm 2015, 2016

³⁴ Chỉ có 03/63 tỉnh thành phố báo cáo

³⁵ Có 12/63 tỉnh, thành phố có báo cáo

Một số tỉnh miền núi phía Bắc tỷ lệ chuyển đổi HTX chưa cao, trong khi một số tỉnh miền Nam và Tây Nguyên cơ bản đã hoàn thành việc chuyển đổi HTX. Các tỉnh phía Bắc số lượng HTX giải thể cao hơn các tỉnh miền Trung và miền Nam. Hầu hết các tỉnh đều có xu hướng giảm số lượng thành viên HTX và số lao động thường xuyên trong HTX nhưng doanh thu của HTX, thu nhập của người lao động trong HTX đều tăng. Doanh thu bình quân của 1 HTX cao nhất ở vùng Đông Nam Bộ (9.112 triệu đồng/năm, gấp 3 lần doanh thu bình quân của cả nước). Các vùng đều có doanh thu bình quân 1 HTX dao động từ 1.000 triệu đồng đến 2.500 triệu đồng/HTX/năm.

| TT | Tiêu chí Vùng | Số lượng HTX | | Số thành viên HTX | |
|----|------------------|---------------|------------|-------------------|------------|
| | | 31/12/2016 | Tỷ lệ (%) | 31/12/2016 | Tỷ lệ (%) |
| | Toàn quốc | 19.569 | 100 | 6.252.416 | 100 |
| 1 | Đông Bắc | 3.969 | 20,28 | 343.593 | 5,5 |
| 2 | Tây Bắc | 1.016 | 5,2 | 57.286 | 0,92 |
| 3 | ĐBSH | 5.555 | 28,39 | 3.045.289 | 48,7 |
| 4 | Bắc Trung Bộ | 3.649 | 18,64 | 778.062 | 12,44 |
| 5 | Nam Trung Bộ | 1.029 | 5,26 | 952.833 | 15,24 |
| 6 | Tây Nguyên | 857 | 4,38 | 183.100 | 2,93 |
| 7 | Đông Nam Bộ | 1.460 | 7,46 | 374.817 | 5,99 |
| 8 | ĐBSCL | 2.034 | 10,39 | 517.436 | 8,28 |

Số lượng HTX, thành viên HTX cả nước

Trên cơ sở thực hiện chuyển đổi đăng ký HTX theo Luật HTX năm 2012, về cơ bản các địa phương đã thực hiện đúng theo tinh thần của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Kết quả cụ thể như sau:

2.1. Vùng Đông Bắc³⁶

Tính đến 31/12/2016, tổng số HTX trong vùng là 3.969 HTX và 5 Liên hiệp HTX (giảm 19 HTX so với năm 2013), trong đó có 3.208 HTX đang hoạt động. Trong giai đoạn từ 01/7/2013 đến 31/12/2016, toàn vùng đã thành lập mới được tổng cộng 1.886 HTX, đã tiến hành giải thể 1.603 HTX ngừng hoạt động kéo dài, hoạt động kém hiệu quả hoặc hoạt động không đúng luật.

³⁶ 11/11 tỉnh, thành phố báo cáo; Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái không có số liệu báo cáo, lấy số liệu tại Kế hoạch phát triển KTTT năm 2017 và Báo cáo sơ kết 3 năm thi hành Luật HTX 2012

Tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi trong vùng là 2.707 HTX, trong đó đã tiến hành chuyển đổi, đăng ký lại 1.733 HTX (đạt tỷ lệ 64%), đã chuyển sang hình thức tổ chức khác 5 HTX. Hiện vẫn còn 870 HTX chưa chuyển đổi (chiếm 32,1% tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi, đăng ký lại), 1.347 HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể.

Tổng số thành viên HTX năm 2016 là 313.593 người, giảm 104.108 người so với năm 2013, trong đó số thành viên mới gia nhập năm 2016 là 8.377 thành viên. Số lao động làm việc thường xuyên giảm từ 447.701 người năm 2013 xuống còn 343.593 người năm 2016 (giảm 104.108 người).

Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng giảm từ 2.485,1 triệu đồng/HTX năm 2013 xuống còn 2.266,7 triệu đồng/HTX năm 2016 (giảm 218,4 triệu đồng, tương đương 8,8%), trong đó doanh thu của HTX với thành viên tăng từ 543 triệu đồng năm 2013 lên 564,4 triệu đồng năm 2016³⁷. Lãi bình quân của một HTX tăng từ 103,6 triệu đồng năm 2013 lên 187,3 triệu đồng năm 2016 (tăng 83,7 triệu đồng, khoảng 75%).

Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX tăng từ 21,6 triệu đồng/người năm 2013 lên 34,4 triệu đồng/người năm 2016 (tăng 12,8 triệu đồng/năm, tương đương tăng 59,2%).

Số lượng cán bộ quản lý HTX tăng từ 13.292 người năm 2013 lên 14.060 người năm 2016 (tăng 768 người), trong đó có 6.394 cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên.

Trong thời gian qua, vai trò của các HTX bước đầu được khẳng định, nhiều HTX hoạt động hiệu quả, phát triển theo mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực của địa phương như chè, quế, sắn, dong giềng...; Các HTX chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản bắt đầu phát triển mạnh, đáp ứng nhu cầu thị trường như HTX Dịch vụ NN Điện năng Vĩnh Lại (Phú Thọ), HTX Phúc Thịnh Sơn (Quảng Ninh), HTX Dịch vụ Tổng hợp Kiên Thành (Yên Bái)...

2.2. Vùng Tây Bắc³⁸

Tính đến 31/12/2016, tổng số HTX trong vùng là 1.016 HTX (tăng 175 HTX so với năm 2013, khoảng 20,8%), trong đó chỉ có 553 HTX đang hoạt động. Trong giai đoạn từ 01/7/2013 đến 31/12/2016, toàn vùng đã thành lập mới được 383 HTX, đã tiến hành giải thể 282 HTX ngừng hoạt động kéo dài, hoạt động kém hiệu quả hoặc hoạt động không đúng luật.

³⁷ 7/11 tỉnh vùng Đông Bắc báo cáo

³⁸ 4/4 tỉnh báo cáo, Lai Châu không có số liệu, các tỉnh còn lại số liệu các phụ lục không đầy đủ, phải bổ sung số liệu tại Kế hoạch phát triển KTTT năm 2017 và Báo cáo sơ kết 3 năm thi hành Luật HTX 2012.

Tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi trong vùng là 560 HTX, trong đó đã tiến hành chuyển đổi, đăng ký lại 272 HTX (đạt tỷ lệ 48,5%), đã chuyển sang hình thức tổ chức khác 57 HTX. Hiện vẫn còn 231 HTX chưa chuyển đổi (chiếm 41,2% tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi, đăng ký lại), 352 HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể.

Tổng số thành viên HTX năm 2016 là 57.286 người, giảm 2.425 người so với năm 2013, trong đó số thành viên mới gia nhập năm 2016 là 1.899 thành viên. Số lao động làm việc thường xuyên tăng từ 32.473 người năm 2013 lên 34.169 người năm 2016 (tăng 1.696 người, khoảng 5,2%).

Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng tăng từ 1.005 triệu đồng/HTX năm 2013 lên 1.474,4 triệu đồng/HTX năm 2016 (tăng 469 triệu đồng/HTX/năm, khoảng 11,71%). Trong khi đó doanh thu bình quân của HTX với thành viên tăng từ 370,1 triệu đồng/HTX/năm 2013 lên 432,5 triệu đồng/HTX năm 2016 (tăng 62,4 triệu đồng, tương đương tăng 16,86%)³⁹. Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX tăng từ 10,6 triệu đồng/người năm 2013 lên 14,4 triệu đồng/người năm 2016 (tăng 3,8 triệu đồng/năm, tương đương tăng 35,8%).

Số lượng cán bộ quản lý HTX tăng từ 3.125 người năm 2013 lên 3.591 người năm 2016 (tăng 466 người, khoảng 14,9%), trong đó có 1.173 cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên.

Vùng Tây Bắc là vùng có số tình ít nhất so với các vùng khác, địa bàn khó khăn nhưng các cấp, các ngành của tỉnh đã thật sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ và xây dựng các mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đã thu hút, tạo việc làm với thu nhập ổn định cho hàng ngàn lao động tại địa phương, như: HTX Ngọc Lan, HTX Dịch vụ Chè Tô Múa, mô hình trồng rau, củ, quả sạch, sản xuất rượu của HTX dịch vụ phát triển nông nghiệp 19/5 (Sơn La), mô hình sản xuất rau an toàn, sản xuất hoa công nghệ cao, trồng cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản...

2.3. Vùng Đồng bằng sông Hồng⁴⁰

Tính đến 31/12/2016, tổng số HTX trong vùng là 5.555 HTX (giảm 438 HTX so với năm 2013, khoảng 7,3%), trong đó có 5.113 HTX đang hoạt động. Toàn vùng có 9 Liên hiệp HTX (giảm 2 liên hiệp HTX). Trong giai đoạn từ 01/7/2013 đến 31/12/2016, toàn vùng đã thành lập mới được tổng số 720 HTX, đã tiến hành giải thể 902 HTX ngừng hoạt động kéo dài, hoạt động kém hiệu quả hoặc hoạt động không đúng luật.

³⁹ 2/4 tỉnh Tây Bắc báo cáo,

⁴⁰ 10/10 tỉnh, thành phố báo cáo, tuy nhiên số liệu các phụ lục không đầy đủ, phải bổ sung số liệu tại Kế hoạch phát triển KTTT năm 2017 và Báo cáo sơ kết 3 năm thi hành Luật HTX 2012

Tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi trong vùng là 4.922 HTX, trong đó đã tiến hành chuyển đổi, đăng ký lại 4.277 HTX (đạt tỷ lệ 86,89%), đã chuyển sang hình thức tổ chức khác 156 HTX. Hiện vẫn còn 485 HTX chưa chuyển đổi (chiếm 9,85% tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi, đăng ký lại), 645 HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể.

Tổng số thành viên HTX năm 2016 là 3.045.289 người, giảm 716.871 người so với năm 2013, trong đó số thành viên mới gia nhập năm 2016 là 29.410 thành viên. Số lao động làm việc thường xuyên tăng từ 690.145 người năm 2013 lên 701.262 người năm 2016 (tăng 11.117 người, khoảng 1,61%).

Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng tăng từ 1.261 triệu đồng/HTX năm 2013 lên 1.681 triệu đồng/HTX năm 2016 (tăng 420 triệu đồng/HTX/năm, khoảng 33,3%). Doanh thu bình quân của HTX với thành viên tăng từ 801 triệu đồng/HTX/năm 2013 lên 821,8 triệu đồng/HTX năm 2016, tăng 20,8 triệu đồng (tăng 2,6%). Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX cũng tăng từ 21,7 triệu đồng/người năm 2013 lên 27,6 triệu đồng/người năm 2016, tăng 5,9 triệu đồng/năm (tăng 27,1%).

Số lượng cán bộ quản lý HTX giảm từ 16.712 người năm 2013 xuống còn 15.073 người năm 2016 (giảm 1.639 người, khoảng 9,8%), trong đó có 11.299 cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên.

Có thể nói, số lượng HTX tập trung ở vùng Đồng bằng sông Hồng khá lớn, chiếm khoảng 28,8% tổng số HTX cả nước. Các HTX mới thành lập hoặc sau khi chuyển đổi đã phát triển khá phong phú, đa dạng về ngành nghề, quy mô và trình độ, đặc biệt là trong dịch vụ nông nghiệp, du lịch, thương mại, giao thông vận tải, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đặc biệt là các HTX có liên kết với doanh nghiệp để tham gia vào các chương trình sản xuất công nghệ cao, sạch, an toàn tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có giá trị, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thêm thu nhập như HTX Sản xuất chế biến tiêu thụ Năm Sáng Thiện (Hà Nội), HTX Vân Hội Xanh (Vĩnh Phúc)...

2.4. Vùng Bắc Trung Bộ⁴¹

Tính đến 31/12/2016, tổng số HTX trong vùng là 3.649 HTX (tăng 719 HTX so với năm 2013, khoảng 24,5%), trong đó có 3.446 HTX đang hoạt động và 6 liên hiệp HTX. Trong giai đoạn từ 01/7/2013 đến 31/12/2016, toàn vùng đã thành lập mới được tổng số 1.235 HTX, đã tiến hành giải thể 521 HTX ngừng hoạt động kéo dài, hoạt động kém hiệu quả hoặc hoạt động không đúng luật. Đây là một trong những vùng có số HTX thành lập mới nhiều nhất cả nước, chỉ sau vùng Đông Bắc.

⁴¹ Vùng Bắc Trung Bộ nhận được 6/6 tỉnh báo cáo.

Tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi trong vùng là 3.450 HTX, trong đó đã tiến hành chuyển đổi, đăng ký lại 3.226 HTX (đạt tỷ lệ 93,5%), đã chuyển sang hình thức tổ chức khác 77 HTX. Hiện vẫn còn 169 HTX chưa chuyển đổi (chiếm 4,89% tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi, đăng ký lại), 199 HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể.

Tổng số thành viên HTX năm 2016 là 778.062 người, giảm 267.762 người so với năm 2013 (giảm khoảng 25,6%), trong đó số thành viên mới gia nhập năm 2016 là 35.674 thành viên. Số lao động làm việc thường xuyên giảm từ 291.554 người năm 2013 xuống 186.528 người năm 2016 (giảm 105.026 người).

Mặc dù số thành viên, số lao động trong các HTX giảm mạnh nhưng các HTX vùng Bắc Trung Bộ vẫn hoạt động khá hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống của thành viên. Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng tăng từ 1.341,2 triệu đồng/HTX năm 2013 lên 1.723,7 triệu đồng/HTX năm 2016 (tăng 382,5 triệu đồng/HTX/năm, khoảng 28,5%). Lãi bình quân của một HTX tăng từ 85,1 triệu đồng/HTX/năm năm 2013 lên 105,2 triệu đồng/HTX/năm năm 2016 (tăng 20,1 triệu đồng/năm, khoảng 23,6%). Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX cũng tăng từ 14,7 triệu đồng/người năm 2013 lên 19,1 triệu đồng/người năm 2016, tăng 4,4 triệu đồng/năm (tăng 29,9%).

Số lượng cán bộ quản lý HTX tăng từ 14.668 người năm 2013 lên 18.005 người năm 2016 (tăng 3.337 người, khoảng 22,7%), trong đó có 8.640 cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên (tăng 986 người, khoảng 12,8% so với năm 2013).

Trong thời gian qua, UBND các tỉnh trong vùng đã ban hành các Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX với kinh phí hàng tỷ đồng. Phần lớn các HTX sau khi được hỗ trợ đã mở rộng các hoạt động dịch vụ, nâng cao năng lực và khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường, hoạt động ngày càng hiệu quả.

2.5. Vùng Nam Trung Bộ⁴²

Tính đến 31/12/2016, tổng số HTX trong vùng là 1.029 HTX (giảm 75 HTX, khoảng 6,8% so với năm 2013), trong đó có 870 HTX đang hoạt động và 4 liên hiệp HTX (tăng 01 liên hiệp HTX). Trong giai đoạn từ 01/7/2013 đến 31/12/2016, toàn vùng đã thành lập mới được tổng số 151 HTX, đã tiến hành giải thể 161 HTX ngừng hoạt động kéo dài, hoạt động kém hiệu quả hoặc hoạt động không đúng luật.

Tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi trong vùng là 862 HTX, trong đó đã tiến hành chuyển đổi, đăng ký lại 790 HTX (đạt tỷ lệ 91,6%), không có HTX nào chuyển sang hình thức tổ chức khác. Hiện vẫn còn 72 HTX chưa

⁴² 06/6 tỉnh có báo cáo, Bình Định không có số liệu, Khánh Hòa, Quảng Ngãi số liệu không đầy đủ, phải bổ sung lấy số liệu tại kế hoạch phát triển KTTT năm 2017 và báo cáo sơ kết 3 năm thi hành Luật HXT 2012

chuyển đổi (chiếm 8,3% tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi, đăng ký lại), 129 HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể.

Tổng số thành viên HTX năm 2016 là 952.833 người, giảm 355.157 người (khoảng 27,1%) so với năm 2013, trong đó số thành viên mới gia nhập năm 2016 là 6.139 thành viên. Số lao động làm việc thường xuyên giảm từ 57.434 người năm 2013 xuống 35.162 người năm 2016 (giảm 22.272 người, khoảng 38,9%).

Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng tăng từ 2.515,8 triệu đồng/HTX năm 2013 lên 2.705,7 triệu đồng/HTX năm 2016 (tăng 189,9 triệu đồng/HTX/năm, khoảng 7,54%). Lãi bình quân của một HTX tăng từ 100,1 triệu đồng/năm 2013 lên 113,7 triệu đồng/năm 2016 (tăng 13,6 triệu đồng/năm, khoảng 13,6%). Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX cũng tăng từ 32 triệu đồng/người năm 2013 lên 33,3 triệu đồng/người năm 2016, tăng 1,3 triệu đồng/năm (tăng 4,06%).

Số lượng cán bộ quản lý HTX giảm từ 5.786 người năm 2013 xuống còn 5.425 người năm 2016 (giảm 361 người, khoảng 6,2%), trong đó có 3.840 cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên.

Nhìn chung, các tỉnh vùng Nam Trung bộ có nhiều lợi thế phát triển nông nghiệp toàn diện, thuận lợi phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, năng lượng tái tạo, phát triển du lịch, đặc biệt có Bình Thuận là một trong 4 ngư trường lớn nhất ở Việt Nam. Có nhiều HTX đã thực hiện tốt liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo quyền lợi cho nông dân, góp phần hạn chế tình trạng “được mùa mất giá” như HTX Hàm Thạnh và HTX Hàm Liêm (tỉnh Bình Thuận) với sản phẩm thanh long. Nhiều HTX quy mô lớn, đạt doanh thu 9-10 tỷ xuất hiện như HTX NN Long Điền 1 (tỉnh Bình Thuận).

2.6. Vùng Tây Nguyên⁴³

Tính đến 31/12/2016, tổng số HTX trong vùng là 857 HTX (giảm 32 HTX, khoảng 3,87% so với năm 2013), trong đó có 623 HTX đang hoạt động và 05 liên hiệp HTX (tăng 01 liên hiệp HTX). Trong giai đoạn từ 01/7/2013 đến 31/12/2016, toàn vùng đã thành lập mới được tổng số 257 HTX, đã tiến hành giải thể 187 HTX ngừng hoạt động kéo dài, hoạt động kém hiệu quả hoặc hoạt động không đúng luật.

Tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi trong vùng là 563 HTX, trong đó đã tiến hành chuyển đổi, đăng ký lại 520 HTX (đạt tỷ lệ 92,36%), có 02 HTX chuyển sang hình thức tổ chức khác. Hiện vẫn còn 41 HTX chưa chuyển đổi

⁴³ 5/5 tỉnh báo cáo.

(chiếm 7,28% tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi, đăng ký lại), 261 HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể.

Tổng số thành viên HTX năm 2016 là 183.100 người, giảm 5.426 người so với năm 2013 (khoảng 2,87%), trong đó số thành viên mới gia nhập năm 2016 là 1.560 thành viên. Số lao động làm việc thường xuyên giảm từ 27.566 người năm 2013 xuống 23.067 người năm 2016 (giảm 4.499 người, khoảng 16,32%).

Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng tăng từ 1.810 triệu đồng/HTX năm 2013 lên 2.579,5 triệu đồng/HTX năm 2016 (tăng 769,5 triệu đồng/HTX/năm, tăng 42,5%). Doanh thu bình quân của một HTX với thành viên tăng từ 1.383 triệu đồng/HTX/năm 2013 lên 2.267 triệu đồng/HTX/năm 2016, tăng 884 triệu đồng/năm (tăng 63,9%, chiếm 87,9% doanh thu bình quân của một HTX). Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX cũng tăng từ 20,9 triệu đồng/người năm 2013 lên 37,7 triệu đồng/người năm 2016, tăng 16,8 triệu đồng/năm (tăng 80%).

Số lượng cán bộ quản lý HTX tăng từ 3.500 người năm 2013 lên 3.679 người năm 2016, trong đó có 1.384 cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên (tăng 179 người, khoảng 5,1%).

Có thể nói, các HTX vùng Tây Nguyên đã tích cực mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập cho thành viên, từng bước nâng cao năng lực nội tại, mở rộng thị trường. Một số HTX đã có sản phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu vào các thị trường khó tính như Châu Âu (HTX Công Bằng Thuận An, tỉnh Đắk Nông). Có HTX tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm toàn cầu, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi như HTX Đồng Tiến (tỉnh Đắk Nông)... Bên cạnh đó, ngân sách một số tỉnh đã hỗ trợ cho công tác xây dựng mô hình HTX điển hình như tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng...

2.7. Vùng Đông Nam Bộ⁴⁴

Tính đến 31/12/2016, tổng số HTX trong vùng là 1.460 HTX (giảm 340 HTX, khoảng 2,73% so với năm 2013), trong đó có 1.168 HTX đang hoạt động. Toàn vùng có 11 liên hiệp HTX (giảm 01 liên hiệp HTX). Trong giai đoạn từ 01/7/2013 đến 31/12/2016, toàn vùng đã thành lập mới được tổng số 380 HTX, đã tiến hành giải thể 624 HTX ngừng hoạt động kéo dài, hoạt động kém hiệu quả hoặc hoạt động không đúng luật.

Tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi trong vùng là 1.094 HTX, trong đó đã tiến hành chuyển đổi, đăng ký lại 1.014 HTX (đạt tỷ lệ 92,68%), đã chuyển sang hình thức tổ chức khác 16 HTX. Hiện vẫn còn 55 HTX chưa

⁴⁴ Có 8/8 tỉnh báo cáo, Tây Ninh, Đồng Nai không có số liệu, phải bổ sung lấy số liệu tại kế hoạch phát triển KTTT năm 2017 và báo cáo sơ kết 3 năm thi hành Luật HXT 2012

chuyển đổi (chiếm 5,02% tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi, đăng ký lại), 257 HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể.

Tổng số thành viên HTX năm 2016 là 374.817 người, tăng 48.767 người so với năm 2013 (khoảng 14,9%), trong đó số thành viên mới gia nhập năm 2016 là 20.162 thành viên. Số lao động làm việc thường xuyên tăng từ 88.126 người năm 2013 lên 97.427 người năm 2016 (tăng 9.301 người, khoảng 2,48%).

Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng tăng từ 7.466 triệu đồng/HTX năm 2013 lên 9.112 triệu đồng/HTX năm 2016, tăng 1.646 triệu đồng/HTX/năm (tăng 22,04%). Doanh thu bình quân của một HTX với thành viên tăng từ 3.596 triệu đồng/HTX/năm 2013 lên 4.623 triệu đồng/HTX/năm 2016, tăng 1.027 triệu đồng/năm (tăng 28,5%, chiếm 50,7% doanh thu bình quân của một HTX)⁴⁵. Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX cũng tăng từ 29,8 triệu đồng/người năm 2013 lên 43,4 triệu đồng/người năm 2016, tăng 13,6 triệu đồng/năm (tăng 45,6%).

Số lượng cán bộ quản lý HTX tăng từ 4.648 người năm 2013 lên 5.451 người năm 2016 (tăng 803 người, khoảng 17,2%), trong đó có 3.013 cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên (tăng 813 người, khoảng 36,9% so với năm 2013).

Từ khi Luật HTX 2012 có hiệu lực thi hành, nhiều HTX từng bước hoạt động đúng bản chất, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập cho thành viên. Một số HTX tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm toàn cầu gắn với các sản phẩm nông nghiệp của địa phương như HTX NN Bình Phước (tỉnh Bình Phước) với lĩnh vực trồng, chăm sóc, chế biến, xuất khẩu Điều, HTX sản xuất - Thương mại - Dịch vụ NN Nguyễn Khang Garden với lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, HTX Vận tải- Xây dựng và CD Thanh Long (tỉnh Bình Dương) với lĩnh vực hoạt động xây dựng...

2.8. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long⁴⁶

Tính đến 31/12/2016, tổng số HTX trong vùng là 2.034 HTX (tăng 60 HTX, khoảng 3,04% so với năm 2013), trong đó chỉ có 1.523 HTX đang hoạt động, có 8 liên hiệp HTX (giảm 4 liên hiệp HTX). Trong giai đoạn từ 01/7/2013 đến 31/12/2016, toàn vùng đã thành lập mới được tổng số 629 HTX, đã tiến hành giải thể 556 HTX ngừng hoạt động kéo dài, hoạt động kém hiệu quả hoặc hoạt động không đúng luật.

Tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi của vùng là 1.448 HTX, trong đó đã tiến hành chuyển đổi, đăng ký lại 1.262 HTX (đạt tỷ lệ 87,15%), đã chuyển sang hình thức tổ chức khác 25 HTX. Hiện vẫn còn 112 HTX chưa

⁴⁵ 7/8 tỉnh vùng Đông Nam bộ báo cáo

⁴⁶ Có 13/13 tỉnh đã gửi báo cáo, Cà Mau, Tiền Giang, Long An không có số liệu, phải bổ sung lấy số liệu tại kế hoạch phát triển KTTT năm 2017 và báo cáo sơ kết 3 năm thi hành Luật HXT 2012

chuyển đổi (chiếm 7,73% tổng số HTX thuộc diện phải chuyển đổi, đăng ký lại), 394 HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể.

Tổng số thành viên HTX năm 2016 là 517.436 người, tăng 10.907 người so với năm 2013 (khoảng 2,15%), trong đó số thành viên mới gia nhập năm 2016 là 13.347 thành viên. Số lao động làm việc thường xuyên giảm từ 174.049 người năm 2013 xuống 148.398 người năm 2016 (giảm 25.651 người, khoảng 14,7%).

Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng tăng từ 2.265,1 triệu đồng/HTX năm 2013 lên 2.593,4 triệu đồng/HTX năm 2016, tăng 328,3 triệu đồng/HTX/năm (tăng 14,5%). Doanh thu bình quân của một HTX với thành viên tăng từ 2.024 triệu đồng/HTX/năm 2013 lên 2.312,7 triệu đồng/HTX/năm 2016, tăng 288,7 triệu đồng/năm (khoảng 14,26%), chiếm 89,1% doanh thu bình quân của một HTX. Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX cũng tăng từ 30,9 triệu đồng/người năm 2013 lên 40,6 triệu đồng/người năm 2016, tăng 9,7 triệu đồng/năm (tăng 31,3%).

Số lượng cán bộ quản lý HTX tăng từ 9.964 người năm 2013 lên 10.870 người năm 2016 (tăng 1.006 người, khoảng 10,09%), trong đó có 4.717 cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên (tăng 162 người, khoảng 3,56%).

Vùng Đồng bằng sông Cửu long là vùng sản xuất hàng hóa phát triển năng động nên phương thức hoạt động của các HTX rất đa dạng, việc tổ chức liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị để tiêu thụ nông sản chiếm tỷ lệ cao. Nhiều HTX thực hiện sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn và áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến. Có nhiều HTX có quy mô hoạt động rất lớn, đạt doanh thu hàng năm trên 10 tỷ đồng và tập trung ở các vùng sản xuất hàng hóa, hiệu quả cao, tiêu biểu như: HTX Thanh Long Tầm Vũ (Long An), HTX NN Evegrowth (Sóc Trăng), HTX Dịch vụ NN Tân Cường (Đồng Tháp), HTX Chăn nuôi và Thủy sản Gò Công (Tiền Giang)...

3. Đánh giá kết quả phát triển hợp tác xã theo lĩnh vực

3.1. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp

Tính đến 31/12/2016, cả nước có 21 liên hiệp HTX và 10.726 HTX nông nghiệp, trong đó có 09 liên hiệp HTX và 2.606 HTX nông nghiệp được thành lập mới. Số HTX tập trung nhiều nhất là vùng Đồng bằng Sông Hồng (chiếm 30,5%), Bắc Trung Bộ (20,8%), Đông Bắc (17,5%), Đồng bằng Sông Cửu long (11,6%). Số HTX ngừng hoạt động là 909 HTX, trong đó lớn nhất là vùng Đông Bắc, thấp nhất là vùng Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Hiện nay cả nước có khoảng 3.936 nghìn thành viên HTX nông nghiệp (giảm khoảng 1.224 nghìn thành viên sau khi đăng ký lại). Số thành viên bình quân khoảng 367 thành viên/HTX. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ có số

thành viên bình quân cao nhất là 808 thành viên/HTX, tiếp đến là Đồng bằng sông Hồng khoảng 682 thành viên/HTX. Các tỉnh có số thành viên bình quân thấp là: Đông Nam Bộ khoảng 32 thành viên/HTX, Tây Nguyên khoảng 54 thành viên/HTX.

Tính đến 31/12/2016, tổng số lao động thường xuyên trong HTX khoảng 1.670 nghìn người, chiếm 42,4% số thành viên HTX. Thu nhập bình quân của thành viên, lao động HTX khoảng 1,76 triệu đồng/người/tháng. Trong đó, vùng có thu nhập cao là Tây Bắc, Duyên hải Nam Trung Bộ trên 3 triệu đồng/người/tháng, thấp nhất là Đồng bằng sông Hồng 1,25 triệu đồng/người/tháng.

Đa số các HTX NN hoạt động tổng hợp (chiếm 62%), số HTX hoạt động chuyên ngành chỉ chiếm 38%, trong đó lĩnh vực trồng trọt lớn nhất (chiếm 54%), thủy sản (16,4%), chăn nuôi (14,4%).

Tỷ lệ các HTX NN thực hiện các dịch vụ thiết yếu tập trung chủ yếu là lĩnh vực thủy lợi, dịch vụ vật tư, phân bón cho sản xuất nông nghiệp (74,7% thực hiện dịch vụ thủy lợi, 27,1 % thực hiện dịch vụ làm đất, 45,9% thực hiện dịch vụ khuyến nông, 32,4 % thực hiện dịch vụ sản xuất, cung ứng giống, 48,4% thực hiện dịch vụ vật tư, phân bón cho SXNN, 42,5% thực hiện dịch vụ bảo vệ sản xuất, 29,8 % thực hiện dịch vụ chuyển giao tiên bộ kỹ thuật, 37,4% thực hiện dịch vụ thú y, bảo vệ thực vật, 4,5% thực hiện dịch vụ bảo quản sản phẩm cho thành viên, 12% thực hiện dịch vụ tiêu thụ, chế biến sản phẩm cho thành viên, 8,4% thực hiện dịch vụ tín dụng nội bộ.

Tại thời điểm Luật Hợp tác xã có hiệu lực (01/7/2013), cả nước có 13/18 liên hiệp HTX và 7.211/10.425 HTX nông nghiệp cần phải đăng ký lại. Đến hết năm 2016, có 11 liên hiệp và 6.724 HTX nông nghiệp đã đăng ký lại, đạt tỷ lệ 93,25%⁴⁷. Còn 02 liên hiệp HTX và 487 HTX chưa đăng ký lại nhưng vẫn đang hoạt động. Có 254 HTX nông nghiệp chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác. Hiện còn 909 HTX ngừng hoạt động vẫn chưa được giải thể (chiếm 8,7% tổng số HTX hiện nay).

Sau khi đăng ký lại và tổ chức hoạt động theo Luật, có nhiều HTX hiệu quả, đem lại thu nhập cao cho thành viên (hiện có khoảng 33% HTX hoạt động được phân loại khá, tốt). Đặc biệt một số HTX có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng trên địa bàn nhiều tỉnh, doanh thu hàng trăm tỷ đồng (như HTX Dịch vụ NN Tổng hợp Anh Đào (Lâm Đồng); HTX Evergrowth (Sóc Trăng); HTX Bò sữa Tân Thông Hội (TP. Hồ Chí Minh)... Đây là những mô hình HTX kiểu mới sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cần được nghiên cứu, đánh giá để nhân rộng.

⁴⁷ Có 27 tỉnh hoàn thành đăng ký lại 100% HTX, nhưng có 16/27 tỉnh còn HTX ngừng hoạt động chưa giải thể.

Tuy nhiên, các HTX NN hiện nay đều gặp khó khăn là thiếu nguồn vốn đầu tư sản xuất kinh doanh, thiếu tư vấn của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, thiếu hệ thống bảo quản sau thu hoạch. Trình độ về quản lý và chuyên môn của cán bộ HTX hạn chế, số cán bộ quản lý HTX nông nghiệp đã qua đào tạo (trình độ trung cấp trở) lên chiếm tỷ lệ thấp, khoảng 46%, đa số cao tuổi, hoạt động chủ yếu dựa vào kinh nghiệm thực tiễn, thiếu nhạy bén trong hoạt động, không xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh. Việc liên kết giữa nông dân, HTX, doanh nghiệp để tổ chức sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu, số HTX tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị còn hạn chế...

3.2. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ

Tính đến 31/12/2016, cả nước có 4.328 HTX (giảm 669 HTX so với thời điểm 01/7/2013), trong đó thành lập mới 101 HTX, giải thể 326 HTX, ngừng hoạt động 470 HTX. Toàn ngành có 10 Liên hiệp HTX, trong đó thành lập mới 02 LH HTX, giải thể 01 LH HTX, ngừng hoạt động 03 LH HTX. Tổng số lao động là 233.775 người, trong đó 164.040 lao động là thành viên HTX.

Số HTX cần chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật HTX là 3.664 HTX, trong đó đã chuyển đổi, đăng ký lại là 1.392 (chiếm 38%), đã chuyển sang loại hình khác là 34 HTX (chiếm 0,1%), chưa chuyển đổi, đăng ký lại chiếm khá lớn 1.820 HTX (chiếm 49,7%). Số HTX giải thể, chờ giải thể là 326 HTX (chiếm 12,3%).

Cụ thể các HTX hoạt động theo các lĩnh vực sau:

- Lĩnh vực Công nghiệp - Tiểu thủ CN: Hiện có tổng số 2.247 HTX, trong đó thành lập mới 42 HTX, giải thể 162 HTX, ngừng hoạt động 281 HTX. Có 04 LH HTX, trong đó thành lập mới 01 LH HTX, ngừng hoạt động 01 LH HTX. Tổng số lao động trong khu vực HTX công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là 129.480 người, trong đó 82.997 lao động là thành viên HTX.

Trong thời gian qua, các HTX công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp thành lập tương đối đa dạng về ngành nghề, tuy nhiên đa số hoạt động với quy mô nhỏ, thành viên ít, góp vốn không đầy đủ, sản phẩm sản xuất ra chưa tiếp cận được với các đơn hàng lớn. Phần lớn các HTX vẫn duy trì hoạt động và đạt kết quả khá, đặc biệt là các HTX tại các làng nghề như: HTX cơ khí Hưng Thịnh; HTX cơ khí Quang Minh; HTX mộc Bảo Minh,...

- Lĩnh vực dịch vụ điện: Hiện có tổng số 441 HTX, trong đó thành lập mới là 02 HTX, giải thể là 64 HTX, ngừng hoạt động 43 HTX. Có 01 LH HTX. Tổng số lao động trong các HTX là 4.447 lao động, trong đó có 2.685 lao động là thành viên HTX. Trong giai đoạn này, các HTX ngành điện dần bị thu hẹp lại và được bàn giao cho ngành điện quản lý do ngành điện đánh giá năng lực quản lý và tài chính không đáp ứng được nhu cầu đầu tư, cải tạo nâng cấp lưới điện

nông thôn để nâng cao chất lượng, an toàn điện phục vụ đủ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt cho các hộ dân.

- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ: Hiện có 1.640 HTX hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ, trong đó thành lập mới 57 HTX, giải thể 100 HTX, ngừng hoạt động 146 HTX. Có 05 Liên hiệp HTX, trong đó thành lập mới 01 LH HTX, giải thể 01 LH HTX, ngừng hoạt động 02 LH HTX. Tổng số lao động trong HTX là 99.848 người, trong đó có 78.378 lao động là thành viên HTX.

So với các lĩnh vực khác, hoạt động của các HTX trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ năng động hơn, các thành viên tự nguyện góp vốn, cùng tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, cùng hưởng lợi, tài chính công khai, tích cực tìm kiếm thị trường, sản phẩm ngày càng có uy tín.

Nhìn chung, được sự quan tâm của chính quyền địa phương, nhiều HTX trong lĩnh vực công nghiệp - thương mại ở một số địa phương đã có nguồn vốn hỗ trợ đầu tư máy móc, thiết bị thay thế lao động thủ công, ngày càng khẳng định thương hiệu, có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Một số HTX hoạt động ngày càng năng động hơn và thích ứng dần với những thay đổi của thị trường, mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất.

Bên cạnh những kết quả bước đầu, HTX ngành CN-TTCN còn gặp nhiều khó khăn do các cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX còn chưa đồng bộ và chậm ban hành. Năng lực nội tại của các HTX còn yếu (ít vốn, khả năng tiếp cận thị trường kém hơn so với doanh nghiệp cùng ngành nghề)... dẫn đến hạn chế phát triển HTX.

3.3. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực xây dựng

Sau hơn 04 năm triển khai Luật HTX năm 2012, các HTX ngành xây dựng ngày càng có nhiều đổi mới và phát triển ổn định hơn. Các HTX đã dần đổi mới, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý HTX, là chỗ dựa vững chắc cho các thành viên. Một số HTX đã mở rộng sản xuất, tạo thêm ngành nghề, phát triển kinh doanh tổng hợp, đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, nhiều HTX đã nhanh chóng thích nghi với cơ chế thị trường, tạo sự liên kết, hợp tác cùng nhau và với các doanh nghiệp, tạo lợi thế cạnh tranh trong việc nhận thầu thi công công trình mang lại hiệu quả kinh tế cho xã viên, đóng góp quan trọng vào phát triển các công trình kết cấu hạ tầng tại địa phương.

Tính đến thời điểm 31/12/2016, số HTX ngành xây dựng 908 HTX, tăng 148 HTX (khoảng 20,9%) so với thời điểm 01/7/2013. Đến nay, hầu hết các HTX đã thực hiện đăng ký chuyển đổi theo Luật HTX 2012, đạt trên 80% tổng số HTX trong ngành. Có khoảng 15% tổng số HTX chuyển đổi sang loại hình kinh tế khác như: doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, tổ hợp tác. Số HTX

còn lại chưa thực hiện chuyển đổi, đăng ký lại là do cán bộ quản lý HTX chưa nhận thức đầy đủ vai trò, ý nghĩa của việc tổ chức, đăng ký lại theo Luật HTX 2012, dẫn đến việc chuyển đổi còn chậm so với quy định.

Tính đến 31/12/2016, số lao động làm việc trong các HTX là 21.222 người, tăng 13.724 người so với thời điểm 01/7/2013 (tăng 83%). Tổng số vốn hoạt động của các HTX xây dựng là 7.723,53 tỷ đồng, tăng 5.174,93 tỷ đồng (tăng 103%). Tổng doanh thu của HTX xây dựng là 4.170,37 tỷ đồng, tăng 2.827,1 tỷ đồng (tăng 104%). Như vậy, bình quân doanh thu năm 2016 đạt 4.592,9 triệu đồng/HTX/năm, tăng 2.825,9 triệu đồng/HTX/năm so với năm 2013, tăng 59,9% so với thời điểm 01/7/2013. Lợi nhuận bình quân của HTX xây dựng tăng từ 191,5 triệu đồng/HTX/năm 2013 lên 1.728 triệu đồng/HTX/năm 2016, tăng 1.536,5 triệu đồng/HTX/năm. Số lượng cán bộ quản lý HTX là 1.448 người, trong đó số lượng cán bộ quản lý có trình độ đại học, trung cấp đạt 625 người.

Các HTX xây dựng chủ yếu tập trung huy động vốn đầu tư vào máy móc trang thiết bị, tham gia đấu thầu các công trình quy mô vừa và nhỏ, gắn với việc triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Các HTX đã huy động được đội ngũ cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo chất lượng công trình, tạo được uy tín với khách hàng.

Tuy nhiên, các HTX hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, phần lớn hoạt động với vai trò là nhà thầu xây lắp, nhận thi công các công trình nhỏ lẻ nên thường gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm, tính chủ động trong xây dựng kế hoạch không cao. Một số HTX không đủ khả năng tiếp tục hoạt động nên tự giải thể. Bên cạnh đó, một số HTX khai thác đá sản xuất vật liệu xây dựng do mỏ đá hết hạn khai thác, không đủ khả năng đầu tư giấy phép nên cũng giải thể. Số liệu HTX giải thể đến nay vẫn chưa có số liệu thống kê cụ thể do các HTX tự giải thể không thông báo với cơ quan cấp phép tại địa phương.

3.4. HTX hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải

Tính đến 31/12/2016, cả nước có 783 HTX vận tải, tăng 101 HTX so với thời điểm 01/7/2013 (khoảng 14,8%), trong đó: Có 45 HTX thuộc lĩnh vực vận tải đường thủy nội địa và hàng hải, 738 HTX thuộc lĩnh vực vận tải đường bộ. Số HTX đang hoạt động là 758 HTX, 9 HTX đang làm thủ tục giải thể, 16 HTX ngừng hoạt động. Trong giai đoạn 2013-2016, có 172 HTX thành lập mới.

Tổng số thành viên của HTX vận tải tính đến 31/12/2016 là 35 nghìn người, tăng 14 nghìn người (khoảng 66,7%) so với năm 2013, trong đó số lượng thành viên mới là 10 nghìn người. Tổng số lao động làm việc trong khu vực HTX là 30 nghìn người, tăng 11 nghìn người so với năm 2013.

Toàn ngành có 758 HTX phải đăng ký, chuyển đổi theo Luật HTX, đã hoàn thành khoảng 90%. Hiện nay, Bộ Giao thông Vận tải đang tiếp tục đôn đốc các Sở GTVT hướng dẫn để bảo đảm thực hiện việc chuyển đổi của các HTX.

Doanh thu bình quân của một HTX đạt hơn 500 triệu đồng/HTX/năm, tăng gần 90 triệu đồng/HTX/năm so với thời điểm 2013. Lãi bình quân một HTX là 23 triệu đồng/năm tăng hơn 10 triệu đồng/năm so với năm 2013. Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX là khoảng 49 triệu đồng/người/năm, tăng hơn 10 triệu đồng/người/năm so với năm 2013.

Số lượng cán bộ quản lý HTX hiện gần 2 nghìn người, trong đó số lượng quản lý đạt trình độ đại học trên 750 người, trình độ sơ, trung cấp gần 950 người.

Lĩnh vực hoạt động của HTX GTVT tương đối đa dạng, bao gồm: Kinh doanh vận tải đường bộ, hàng hải, đường thủy nội địa. Phần lớn các HTX GTVT chỉ hoạt động dịch vụ cho thành viên, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của thành viên và thành viên tự quản lý, sử dụng. Dịch vụ do HTX cung ứng cho thành viên bao gồm: Thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của cơ quan nhà nước đối với phương tiện vận tải, làm giấy phép kinh doanh hộ cá thể cho thành viên, giới thiệu đăng kiểm, địa lý bán bảo hiểm xe cơ giới. Một số HTX thực hiện phương pháp quản lý tập trung, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của HTX, những thành viên tham gia vào làm lao động, lái xe, quản lý và các vị trí khác trong HTX.

Trong thời gian qua, các HTX hoạt động trong lĩnh vực GTVT ngày càng phát triển ổn định và có hiệu quả. Phần lớn các HTX đều thực hiện tốt các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, phục vụ tốt cho hành khách đi lại. Một số HTX kinh doanh vận tải đường bộ với số lượng phương tiện lớn, quy mô tổ chức bài bản, khoa học, công tác điều hành tập trung, xây dựng và duy trì thương hiệu vận tải như: HTX vận tải xe khách liên tỉnh Thống Nhất, HTX vận tải số 9 (TP. HCM); HTX vận tải Quyết Thắng (Đắk Lắk); HTX vận tải ô tô số 1 Đà Nẵng; HTX dịch vụ vận tải hành khách Nghệ An, HTX vận tải Hợp Lực (Thanh Hóa); HTX vận tải taxi Nội Bài (Hà Nội); HTX vận tải Đường bộ Hải Phòng; HTX vận tải Lâm Hà (Lâm Đồng)...

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số HTX hoạt động trên danh nghĩa, hoặc có những HTX không có tài sản chung, tổ chức hoạt động vận tải chưa bài bản, phương pháp quản lý thủ công, công tác điều hành đơn giản, khả năng chuyên môn của cán bộ quản lý và điều hành nhìn chung yếu kém, hiệu quả kinh doanh thấp. Nhiều HTX trong lĩnh vực này vẫn gặp những khó khăn do thiếu vốn để bảo hành hoặc thay thế xe cũ, diện tích bãi đậu xe còn nhỏ, sự cạnh tranh với các phương tiện vận tải hoạt động ngoài luồng cao... Đây chính là nguyên nhân khiến phần lớn các HTX vẫn làm ăn nhỏ lẻ, phân tán, đầu tư phương tiện rất chậm, không tiếp cận được cách thức quản lý hiện đại, tiên tiến, thường không

tập trung xây dựng thương hiệu, hoạt động chủ yếu dựa vào một số lượng nhỏ khách hàng quen thuộc hoặc các đầu mối hàng hóa nhỏ lẻ có tính mùa vụ.

3.5. HTX hoạt động trong lĩnh vực tín dụng

Trong thời gian qua, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển HTX tín dụng. Các HTX tín dụng (Quỹ Tín dụng nhân dân- QTDND) được đánh giá là loại hình HTX có quy mô và hoạt động ổn định, phát triển nhất trong các loại hình HTX. Nhiều quỹ hoạt động có quy mô lớn, tiếp tục duy trì được tỷ lệ tăng trưởng cao thông qua các chỉ tiêu hoạt động, hoạt động ổn định và hiệu quả. Một số QTDND có quy mô trung bình tiếp tục sự vươn lên.

Tính đến 31/12/2016, tổng số quỹ Tín dụng nhân dân (QTDND) là 1.166 QTDND, tăng 1,92% so với thời điểm 2013. Tổng số thành viên QTDND là 1.937.973 thành viên, tăng 5,5% so với năm 2013. Tổng nguồn vốn của QTDND là 90.111,6 tỷ đồng, tăng 63,9% so với năm 2013. Tổng dư nợ cho vay là 70.317,4 tỷ đồng, tăng 56,7% so với năm 2013. Tổng thu nhập của QTDND là 8.720,9 tỷ đồng, tăng 22,4% so với năm 2013. Kết quả kinh doanh của QTDND là 803 tỷ đồng, tăng 28,2% so với thời điểm 31/12/2013.

Cùng thời điểm này, Ngân hàng HTX hiện có 1.940 lao động, tăng 2% so với năm 2013. Tổng số cán bộ quản lý là 13 người, ổn định so với năm 2013. Tổng nguồn vốn là 26.385,2 tỷ đồng, tăng 53,8% so với thời điểm 2013. Tổng dư nợ cho vay của NH HTX là 18.194,6 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2013. Tỷ lệ nợ xấu giảm 1,33%. Do tỷ lệ nợ xấu giảm nên tổng thu nhập của NH HTX tăng 15,6% so với năm 2013, tính đến 31/12/2016 đạt 2.836,7 tỷ đồng.

Trong thời gian qua, Ngân hàng Nhà nước đã sử dụng các công cụ tiền tệ để điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt. Cơ chế tín dụng tiếp tục được sửa đổi, hoàn thiện theo hướng tạo điều kiện cho HTX mở rộng sản xuất kinh doanh, tiếp cận các nguồn vốn tín dụng. Ngân hàng Nhà nước chủ động xây dựng các chính sách tín dụng đặc thù đối với một số ngành sử dụng nhiều lao động có hiệu quả. Tiếp tục tập trung vào việc củng cố, chấn chỉnh hoạt động của hệ thống QTDND, qua đó những yếu kém từng bước được khắc phục, quy mô và chất lượng hoạt động có sự tăng trưởng bền vững. Hệ thống QTDND đã được củng cố, phát triển tương đối nhanh, hiệu quả và đảm bảo tính liên kết hệ thống cao, bảo đảm an toàn trong hoạt động. Cụ thể: (1) Quy mô hoạt động của các QTDND ngày càng tăng trưởng tương đối khá và ổn định; (2) Cùng với tăng trưởng tín dụng, các QTDND cũng quan tâm kiểm soát tốt nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu thấp, chỉ tiêu chất lượng tín dụng nhìn chung ở mức an toàn khoảng 1% dư nợ tín dụng; (3) Các QTDND hàng năm đều quan tâm tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo việc chấp hành các tỷ lệ an toàn và nâng cao năng lực tài chính của đơn vị; (4) Chất lượng, trình độ của đội ngũ cán bộ chủ chốt tại các QTDND cơ bản đã đáp ứng tiêu chuẩn quy định.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động hệ thống QTDND vẫn còn bộc lộ một số khó khăn, hạn chế như: Theo quy định tại Luật các TCTD, trong trường hợp có sự khác nhau giữa các Luật về thành lập, tổ chức và hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng là HTX thì áp dụng quy định của Luật các TCTD. Trong khi đó, Luật Hợp tác xã không có quy định ưu tiên áp dụng Luật các TCTD. Do đó, có sự chòng chéo, khó khăn trong việc áp dụng Luật các TCTD 2010 và Luật HTX 2012 đối với các QTDND và NHHTX như cả 2 Luật cùng quy định về các nội dung về: Điều kiện cấp giấy phép; Cơ cấu tổ chức; Vốn điều lệ, Điều lệ; Quyền, nghĩa vụ của thành viên, Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị;... Bên cạnh đó, mỗi liên kết hệ thống QTDND chưa chặt chẽ, ở một số nơi vẫn còn tình trạng QTDND hoạt động xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo mục tiêu lợi nhuận, chất lượng, hiệu quả hoạt động thấp, tiềm ẩn nhiều rủi ro, gây nguy cơ mất an toàn, tỷ lệ sử dụng vốn so với tổng nguồn vốn còn quá cao. Công tác quản trị, điều hành, kiểm soát ở nhiều QTDND còn chưa đáp ứng yêu cầu.

3.6. HTX hoạt động trong các lĩnh vực khác (vệ sinh môi trường, y tế, cung cấp nước sạch, sửa chữa tàu thuyền, công tác thủy lợi,...)

Trong những năm vừa qua, một số mô hình HTX kinh doanh ngành nghề mới như: vệ sinh môi trường, nước sạch, y tế, dịch vụ trường học đã được thành lập tại một số địa phương, đang ngày càng chứng tỏ được vai trò của mình, nhất là ở khu vực nông thôn, nơi chưa có các công ty vệ sinh môi trường, góp phần đáng kể vào công cuộc bảo vệ môi trường, phát triển bền vững cũng như nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân tại các khu vực này. Tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn về vốn, công nghệ, nhân lực; một số địa phương chưa tạo điều kiện cho HTX phát triển, trình độ khoa học công nghệ còn hạn chế nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

III. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT TÌNH HÌNH THI HÀNH LUẬT HTX NĂM 2012

1. Kết quả đạt được

Luật Hợp tác xã năm 2012 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012, chính thức có hiệu lực từ 01/7/2013 trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm phổ biến quốc tế và phù hợp với xu hướng mới phát triển hợp tác xã ở nước ta, quy định rõ bản chất của tổ chức HTX, đã tạo ra khung pháp luật cơ bản phù hợp nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển HTX.

Sau hơn 04 năm triển khai Luật HTX năm 2012, KTTT với nòng cốt là HTX, bước đầu thể hiện chuyển biến về chất lượng, hiệu quả, chứng tỏ ngày càng rõ nét hơn vai trò quan trọng và có ý nghĩa toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, bước đầu đã có những tín hiệu mới trong công cuộc phát triển phong trào hợp tác xã toàn quốc, thể hiện trên các mặt sau:

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, về cơ bản đã được Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành để hướng dẫn thi hành Luật. Các địa phương ban hành nhiều văn bản triển khai thi hành Luật và bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển KTTT, HTX tại địa phương.

- Nhận thức về bản chất tổ chức hợp tác xã bước đầu đã dần được khẳng định và thống nhất trong toàn xã hội. Xã hội nói chung và hợp tác xã nói riêng đã dần phân biệt được giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, với tổ chức xã hội và với hợp tác xã kiểu cũ. Ưu thế và vai trò của hợp tác xã đối với phát triển kinh tế hộ thành viên, kinh tế địa phương nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung dần được khẳng định.

- Sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về KTTT, HTX được nâng cao. Nhiều kế hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách nhằm phát triển KTTT, HTX được ban hành phù hợp hơn với thực tế địa phương. Thực tế cho thấy những nơi nào được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thì phong trào KTTT, HTX ở nơi đó phát triển, vì phát triển KTTT, HTX phải gắn với cơ sở, người dân và đặc biệt là nông dân.

- Sau khi Luật HTX năm 2012 ban hành, số lượng HTX tăng lên, doanh thu và thu nhập của người lao động trong HTX được cải thiện, từng bước hoạt động ổn định, qua đó, tác động tích cực đến kinh tế hộ thành viên (hiện nay số hộ nông dân tham gia HTX và hưởng lợi từ hợp tác xã chiếm khoảng 50% tổng số hộ nông dân), góp phần thực hiện xoá đói giảm nghèo, ổn định an ninh, chính trị tại cộng đồng.

- Hoạt động khu vực KTTT, HTX có chuyển biến tích cực về quy mô, công nghệ và thị trường. Quy mô của HTX được thể hiện qua số lượng thành viên và phạm vi hoạt động của HTX. Tuy số lượng thành viên của các HTX giảm đi so với giai đoạn trước nhưng chất lượng thành viên thì cải thiện đáng kể. Nếu giai đoạn trước thành viên tham gia HTX theo mệnh lệnh hành chính, không góp vốn thì giờ đây người dân tham gia HTX trên tinh thần tự nguyện, cùng góp vốn, cùng chịu trách nhiệm về hoạt động của HTX. Nhiều HTX có phạm vi hoạt động toàn xã, thậm chí toàn huyện.

- Số lượng các HTX áp dụng khoa học công nghệ mới, hiện đại vào sản xuất, kinh doanh, tham gia vào sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ngày càng nhiều, đặc biệt, các HTX nông nghiệp đã hoạt động gắn với các sản phẩm chủ lực của vùng, thực hiện liên kết chuỗi, nhiều HTX liên kết với các siêu thị, doanh nghiệp lớn để mở rộng thị trường tiêu thụ, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh. Một số HTX đã chủ động nghiên cứu, mở rộng thị trường, không những trong nước mà còn xuất khẩu.

- Trong thời gian qua, đã xuất hiện một số HTX có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng trên phạm vi nhiều tỉnh, doanh thu cao hàng trăm tỷ đồng (như HTX Dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Anh Đào (Lâm Đồng), HTX Evergrowth (Sóc Trăng), HTX bò sữa Tân Thông Hội (Tp Hồ Chí Minh)... Đây là những mô hình HTX kiểu mới làm ăn có hiệu quả cần được nghiên cứu, đánh giá để nhân rộng.

- Trình độ cán bộ quản lý HTX được nâng cao rõ rệt. Một số HTX có đội ngũ cán bộ tâm huyết, có kinh nghiệm, nhạy bén với cơ chế thị trường, mạnh dạn áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của HTX.

Đây là những dấu hiệu đáng mừng, cho thấy KTTT, HTX đang phục hồi và phát triển đúng hướng, chứng minh việc ban hành Luật Hợp tác xã 2012 thay thế luật Hợp tác xã năm 2003 và những chỉ đạo của Bộ Chính trị trong Kết luận 56-KL/TW ngày 21/02/2013 là hoàn toàn đúng đắn. Mô hình hợp tác xã kiểu mới rất phù hợp với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ra, vừa khuyến khích kinh tế cộng đồng thành viên hợp tác xã, vừa tôn trọng và nâng cao vị thế kinh tế hộ thành viên, góp phần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường.

2. Tồn tại, hạn chế

Tuy đạt được một số thành tựu nhất định, nhưng nhìn chung khu vực KTTT, HTX vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Phong trào KTTT, HTX phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Sự tồn tại, hạn chế thể hiện ở cơ chế chính sách, tổ chức thực hiện, bản thân HTX và công tác thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX, cụ thể như sau:

2.1. Về pháp luật, cơ chế, chính sách

- Một số quy định còn chưa được hướng dẫn cụ thể hoặc có hướng dẫn thì chưa khả thi dẫn đến khó triển khai, như: Xác định tài sản không chia, xử lý tài sản không chia sau chuyển đổi, giải thể HTX; thủ tục giải thể bắt buộc đối với HTX; hướng dẫn chuyển đổi HTX sang các loại hình tổ chức khác; hướng dẫn định mức và thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp; công tác kiểm toán đối với HTX...

- Luật Hợp tác xã 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định 11 chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các hợp tác xã nhưng thực tế các chính sách này đi vào cuộc sống không nhiều. Có chính sách hầu như chưa thực hiện được như chính sách hỗ trợ về kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp. Một số chính sách thực hiện chưa hiệu quả như chính sách ưu đãi tín dụng, hỗ trợ chế biến sản phẩm...; số lượng hợp tác xã được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước còn hạn chế.

- Một số chính sách hỗ trợ được ban hành phân tán, chưa đồng bộ, thiếu tính khả thi, chưa được hướng dẫn cụ thể, thiếu nguồn lực; thiếu kiểm tra, thanh

tra, giám sát việc thi hành Luật Hợp tác xã và các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

2.2. Về tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách

- Thời gian ban hành một số văn bản hướng dẫn Luật HTX kéo dài và phải điều chỉnh nên quá trình triển khai thực hiện Luật gặp nhiều khó khăn.

- Việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền phổ biến về pháp luật hợp tác xã chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao dẫn đến nhận thức về pháp luật HTX chưa thống nhất. Một số địa phương còn lúng túng trong việc triển khai một số quy định mới của luật như: quy định làm hợp đồng dịch vụ giữa HTX với các thành viên, mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên, sản phẩm, dịch vụ của HTX cho thành viên... Bên cạnh đó, do thiếu cập nhật kiến thức, pháp luật HTX nên chính quyền cấp xã một số nơi đã gây trở ngại cho các sáng lập viên, cán bộ HTX khi giao dịch, đăng ký thành lập hoặc thay đổi nội dung đăng ký HTX, hoặc can thiệp quá sâu vào hoạt động của HTX, ảnh hưởng đến việc tự chủ và hiệu quả kinh doanh của HTX.

- Một số địa phương vẫn chưa thấy rõ vai trò của HTX trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nên mới chỉ dừng lại ở chủ trương, chưa có chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, không có cơ chế chính sách hỗ trợ cho các HTX trong quá trình thực hiện.

- Công tác phối hợp trong việc thực hiện báo cáo thống kê giữa các Bộ, ngành Trung ương và địa phương chưa thực hiện tốt nên rất khó khăn trong việc tổng hợp. Không có hệ thống số liệu về KTTT, HTX hoặc nếu có thì không đầy đủ, không cập nhật, chưa chính xác.

- Chưa xây dựng được nhiều mô hình HTX kiểu mới quy mô lớn, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản thông qua hợp đồng kinh tế. Việc phổ biến, nhân rộng mô hình HTX hoạt động hiệu quả chưa được triển khai rộng rãi giúp cho người dân tin tưởng vào các lợi ích về kinh tế - xã hội do HTX mang lại.

2.3. Về bản thân HTX

- Đa số các HTX có vốn ít, trang thiết bị lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, chưa xây dựng được chuỗi liên kết. Khả năng huy động vốn của các hộ thành viên rất hạn chế, khó vay vốn trung hạn, dài hạn từ ngân hàng. Một số HTX chưa thể hiện được vai trò kết nối giữa các thành viên với thị trường, sự gắn kết lợi ích giữa HTX và thành viên mờ nhạt, chưa mang tinh thần hợp tác. Lợi ích kinh tế trực tiếp do HTX mang lại cho thành viên chưa nhiều. Việc liên kết, liên doanh giữa HTX với HTX, giữa HTX với các thành phần kinh tế khác còn ít, hiệu quả chưa cao.

- Một số HTX thực hiện đăng ký lại còn hình thức, phương thức hoạt động không thay đổi, chưa đáp ứng được các quy định của Luật HTX năm 2012 (không ít HTX vẫn còn tình trạng thành viên không góp vốn, chưa điều chỉnh vốn góp tối đa từ 30% vốn điều lệ xuống mức 20% vốn điều lệ. Một số HTX chưa tổ chức ký kết hợp đồng dịch vụ, chưa cấp giấy chứng nhận góp vốn. Việc đánh giá lại tài sản, xác định lại tư cách thành viên, việc xác nhận vốn góp cho các thành viên đã chết, mất tích hoặc bỏ trốn khỏi địa phương, không có người thừa kế còn lúng túng).

- Công tác kế toán, tài chính của HTX chưa được thực hiện nghiêm túc, bài bản, do đó chế độ báo cáo của HTX chưa thường xuyên. Việc xây dựng báo cáo tài chính, phương án sản xuất kinh doanh còn hạn chế.

2.4. Về thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX

- Bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX vừa yếu vừa thiếu và vừa phân tán; đa phần là đơn vị, cán bộ kiêm nhiệm; chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX tại địa phương dàn trải ở nhiều cơ quan, nhiều đơn vị khác nhau; chưa có tổ chức bộ máy, cán bộ chuyên trách thống nhất từ Trung ương tới địa phương để tập trung trí tuệ, sức lực nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết, pháp luật và chính sách về KTTT.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về KTTT các cấp chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kiến thức về HTX.

- Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Luật của các HTX còn hạn chế, chưa kịp thời xử lý vi phạm pháp luật của HTX, các cá nhân, tổ chức liên quan.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Chưa có sự quan tâm đúng mức của các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo, định hướng, xây dựng cơ chế chính sách, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện cho KTTT, HTX phát triển.

- Bộ máy quản lý nhà nước về HTX chưa được kiện toàn theo yêu cầu, đội ngũ cán bộ tham mưu về quản lý nhà nước về HTX chưa nắm chắc chuyên môn, thiếu thực tế, nên việc tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về HTX còn hạn chế.

- Tình hình kinh tế xã hội trong nước và quốc tế gặp nhiều khó khăn, bất ổn nên nguồn lực hỗ trợ cho KTTT, HTX còn hạn chế.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức về phát triển KTTT, HTX của một bộ phận cán bộ các cấp và nhân dân chưa đầy đủ, chưa hiểu đúng vai trò bản chất của HTX kiểu mới. Nhiều HTX chưa nhận thấy sự khác biệt quan trọng giữa Luật HTX 2003 và Luật HTX 2012 nên chưa thực hiện đầy đủ quy định của Luật, vẫn hoạt động theo kiểu “*bình mới, rượu cũ*”. Một số HTX hoạt động còn trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước (điển hình là các HTX kiểu cũ vùng đồng bằng sông Hồng).

- Trình độ nhận thức, năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ quản lý HTX còn yếu, chưa được đào tạo bài bản. Tâm lý chung của cán bộ HTX không muốn làm lâu dài do thu nhập thấp, chưa ổn định và một số nơi chưa được tham gia bảo hiểm xã hội. Lao động có tay nghề cao trong các HTX đang dần bị mai một, chưa được trẻ hóa để thay thế kịp thời hoặc bị thu hút sang các loại hình khác có sức hấp dẫn hơn.

- Phương thức sản xuất tự do, nhỏ lẻ đã trở thành thói quen, giữ vai trò chủ đạo trong tư duy sản xuất của người nông dân. Trong khi đó, có rất ít mô hình liên kết sản xuất thành công, có hiệu quả để tuyên truyền, nhất là các chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa.

- Tâm lý e ngại đối với HTX kiểu cũ vẫn còn ảnh hưởng nặng nề trong đông đảo tầng lớp nhân dân, trong khi HTX kiểu mới chưa thực sự huy động được sự tham gia của thành viên vào các hoạt động của HTX, chưa thể hiện được tinh thần hợp tác của tổ chức.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM, GIẢI PHÁP

1. Bài học kinh nghiệm

Việc triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012 trong hơn 4 năm qua đã đúc kết được những bài học kinh nghiệm như sau:

Thứ nhất, cần phải thống nhất nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và người dân về HTX. Phải coi HTX là tổ chức kinh tế tự chủ do người dân tự thành lập và tổ chức quản lý, xuất phát từ nhu cầu và nguyện vọng chung của người dân. Do vậy, HTX phải chủ động xây dựng, duy trì và phát triển HTX bằng năng lực nội tại của chính mình, tránh trông chờ, ỉ lại vào các hỗ trợ của nhà nước, các tổ chức bên ngoài.

Thứ hai, ở đâu cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm vào cuộc đồng bộ quyết liệt thì ở đó phong trào KTTT, HTX phát triển. Các cấp quản lý nhà nước phải chỉ đạo sát sao đối với việc phát triển KTTT, HTX nhưng không được áp đặt một cách chủ quan duy ý chí, không can thiệp quá sâu và hoạt động của các HTX. Phải tạo điều kiện cho thành viên thật sự là người chủ của HTX nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của các thành viên và HTX.

Thứ ba, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kinh nghiệm về HTX phải được quan tâm, chú trọng. Việc xây dựng, tổng kết, phổ biến nhân rộng các mô hình HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa chủ lực, có quy mô lớn, có sức lan tỏa ở các địa phương được thực hiện một cách nghiêm túc và hiệu quả.

Thứ tư, bộ máy quản lý nhà nước cần được quan tâm củng cố. Cán bộ quản lý nhà nước cần được bồi dưỡng, đào tạo, cập nhật thường xuyên các kiến thức, kinh nghiệm quản lý HTX trong và ngoài nước, đảm bảo có trình độ năng lực, có khả năng tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong công tác định hướng, phát triển KTTT, HTX kiểu mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Công tác kiểm tra, giám sát thi hành luật phải được thực hiện định kỳ, chấn chỉnh kịp thời những trường hợp sai phạm cũng như hoạt động yếu kém, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của quản lý nhà nước nói riêng và hoạt động của khu vực HTX nói chung.

Thứ năm, các nghiên cứu, điều tra, đánh giá, khảo sát về khu vực HTX phải được tiến hành thường xuyên. Cơ sở dữ liệu về HTX, tổ hợp tác phải được bổ sung, cập nhật liên tục, làm cơ sở cho việc đánh giá khách quan, chính xác về các tổ chức KTTT, tìm ra được những nguyên nhân cản trở sự phát triển của HTX. Trên cơ sở đó, kiến nghị xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ HTX, tổ hợp tác đồng bộ, phù hợp với thực tế, tránh bao cấp đồng thời đảm bảo khả thi, có hiệu quả.

Thứ sáu, trong bối cảnh nguồn lực tài chính và nguồn lực cán bộ, bộ máy tổ chức còn hạn chế, cần thiết phải tập trung nguồn lực cho việc phát triển HTX, liên hiệp HTX đối với các ngành sản phẩm có quy mô thị trường lớn, có tác động lan tỏa tích cực theo mô hình liên kết ngành tạo chuỗi giá trị bền vững và xây dựng HTX cộng đồng theo tiêu chí nông thôn mới.

Thứ bảy, người đứng đầu các tổ chức KTTT, HTX quyết định sự phát triển, hiệu quả của tổ chức kinh tế này. Hơn ai hết, các tổ chức KTTT, HTX rất cần những người đứng đầu có tâm, có nhiệt huyết và có trình độ. HTX nào có chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc có trình độ Đại học trở lên đều phát triển tốt, nắm bắt tốt xu hướng hội nhập, dẫn dắt HTX đi đến thành công.

2. Giải pháp

2.1. Tiếp tục tập trung tuyên truyền, tập huấn sâu rộng về pháp luật HTX: Đây là giải pháp của mọi giải pháp, là giải pháp trọng tâm và xuyên suốt trong thời gian tới. Tập trung giáo dục, đào tạo, tuyên truyền nhằm thống nhất nhận thức cho toàn bộ hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và cho các tầng lớp nhân dân hiểu rõ Luật Hợp tác xã năm 2012, bản chất mô hình HTX kiểu mới, hiểu rõ các giá trị và 07 nguyên tắc hợp tác xã, sự khác nhau giữa HTX kiểu cũ

và kiểu mới; vai trò và lợi ích của tổ chức HTX trong phát triển nông nghiệp nói riêng và kinh tế - xã hội đất nước nói chung. Đặc biệt chú trọng tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân hiểu được tam nông (nông nghiệp, nông dân, nông thôn) luôn là vấn đề chiến lược Đảng đặt ra. Phát triển KTTT là nội hàm của tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. HTX chính là liên kết của các hộ nông dân, phát triển KTTT, HTX không làm mất đi vai trò của kinh tế hộ mà còn nâng đỡ, phát huy sức mạnh cho kinh tế hộ phát triển. Hiệu quả của HTX chính là hiệu quả của hộ gia đình, HTX phát triển thì đời sống hộ thành viên nói riêng và nông thôn nói chung tăng lên. Không có mô hình nào phù hợp với nông dân Việt Nam hơn mô hình HTX, không chỉ giúp nông dân thoát nghèo mà hoàn toàn có thể làm giàu.

2.2. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX 2012; khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển KTTT, HTX của Nhà nước

- Tiếp tục rà soát các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX 2012 để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế như: thủ tục đăng ký, giải thể tự nguyện, giải thể bắt buộc HTX.... Nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về KTTT, HTX trên toàn quốc. Hướng dẫn quy trình chuyển đổi HTX sang loại hình tổ chức khác. Hướng dẫn xử lý các khoản nợ, tài sản không chia khi bị giải thể, chuyển đổi. Hướng dẫn thành lập doanh nghiệp trong các HTX;...

- Xem xét ban hành một số cơ chế, chính sách đối với các doanh nghiệp khi tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa mà Hợp tác xã là trung tâm của mỗi liên kết nhằm khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với các Hợp tác xã trong quá trình sản xuất kinh doanh; xây dựng Chương trình hỗ trợ HTX xuất khẩu, xây dựng xuất xứ hàng hóa, thương hiệu cho các HTX.

Ban hành những quy định cụ thể để triển khai xây dựng mỗi liên kết bốn nhà, trong đó HTX giữ vai trò trung gian, vai trò đại diện cho những người sản xuất là các hộ gia đình cá thể. Khuyến khích hình thức hợp tác giữa nhà sản xuất với nhà khoa học thông qua đơn đặt hàng và nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện chuyển giao khoa học kỹ thuật.

- Thực hiện và tiếp tục hoàn thiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hợp tác xã, phù hợp bản chất (tránh bao cấp), nhu cầu, trình độ phát triển của tổ chức hợp tác xã và phù hợp với khả năng nguồn lực của nhà nước. Chú ý chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là cán bộ quản lý cho hợp tác xã. Chính sách hỗ trợ phải mang lại lợi ích cho các thành viên của tổ chức kinh tế tập thể, hỗ trợ tổ chức hợp tác xã phát triển vững chắc, đồng thời bảo đảm phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm, tự vươn lên của tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã, tránh sự ỷ lại chính sách hỗ trợ của Nhà nước hoặc hạn chế tính tự chủ vươn lên của tổ

chức hợp tác xã. Có chính sách ưu tiên đối với các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, địa bàn khó khăn.

- Tiếp tục huy động, tranh thủ nguồn lực từ các lực lượng xã hội, các tổ chức đoàn thể trong nước và quốc tế tham gia thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể.

- Trong điều kiện nguồn ngân sách hạn hẹp, nhà nước cần có những giải pháp trọng tâm để hỗ trợ xây dựng thí điểm một số chuỗi giá trị hành hóa chủ lực để từ đó nhân rộng. Tránh tình trạng chính sách hỗ trợ ban hành cụ thể nhưng không có nguồn lực thực hiện cụ thể.

2.3. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển HTX: Kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động hệ thống bộ máy quản lý nhà nước về KTTT từ Trung ương đến địa phương, từ tỉnh đến huyện, thị xã và cơ sở nhất là tăng cường công tác đăng ký HTX. Thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật hợp tác xã, xử lý vi phạm pháp luật HTX, đi đôi với việc cần thiết phải huy động cả hệ thống chính trị trong việc phát triển KTTT, phát huy sự tham gia tích cực của người dân, tổ chức trong phát triển KTTT, HTX. Phát huy vai trò của các thành viên Ban chỉ đạo Phát triển KTTT, HTX, chủ động và tích cực phối hợp giữa các ngành, địa phương để lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KTTT. Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về HTX, ưu tiên hàng đầu là bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực quản lý và tư duy kinh tế, thương mại cho những người phụ trách các HTX. Quan tâm củng cố, tạo điều kiện để Liên minh HTX các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, hội, hiệp hội hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

2.4. Xây dựng mô hình hợp tác xã và tổng kết mô hình: Nghiên cứu, khảo sát mô hình kinh tế tập thể có hiệu quả, bố trí nguồn lực hỗ trợ cho việc xây dựng và nhân rộng các mô hình HTX điển. Lựa chọn một số HTX có quy mô phù hợp để hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết chuỗi với doanh nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao. Các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tập trung thực hiện Kế hoạch thí điểm hoàn thiện mô hình HTX kiểu mới theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ở các vùng, đặc biệt ở các vùng kinh tế trọng điểm, từ đó xây dựng và nhân rộng mô hình thí điểm ở các vùng đó.

2.5. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã: Tiến hành rà soát tình hình hoạt động của các hợp tác xã, giải thể các hợp tác xã ngừng hoạt động lâu năm không giải thể được do chưa xử lý được tài chính, tài sản, nợ đọng.... Tập trung hướng dẫn các HTX chưa chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật HTX 2012. Đẩy mạnh việc thành lập các HTX kiểu mới tại các địa phương, chú trọng các địa phương còn ít HTX. Tập trung chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành việc đăng ký lại các HTX đang hoạt động, giải thể các HTX ngừng hoạt động. Trong

trường hợp các HTX không thực hiện đăng ký lại thì thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và thực hiện giải thể bắt buộc. Giải thể các HTX ngừng hoạt động, trong đó đề tháo gỡ khó khăn cho việc giải thể thì cần phải rà soát, đánh giá và ban hành một số cơ chế xử lý dứt điểm các tồn đọng của các HTX.

Nâng cao hoạt động của các HTX thông qua tăng cường năng lực tổ chức, điều hành, hoạt động, kinh doanh cho các HTX, các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm. Từng bước mở rộng quy mô hoạt động của các HTX. Bên cạnh phương thức sáp nhập, hợp nhất để tăng quy mô và hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, HTX có thể liên kết kinh tế với các HTX khác cùng hoạt động trên cùng lĩnh vực, ngành nghề trên nhiều địa bàn lãnh thổ khác nhau để nâng cao hiệu quả, giảm chi phí, hình thành chuỗi giá trị trong sản xuất và nâng cao sức cạnh tranh của mình trên thị trường.

2.6. Phát triển hợp tác quốc tế về KTTT, HTX: Khuyến khích hợp tác quốc tế trong phát triển KTTT, HTX, nhất là trong việc tiếp thu kinh nghiệm tốt của các nước, vùng lãnh thổ có phong trào hợp tác xã mạnh. Tiếp thu các hỗ trợ phát triển trong việc thành lập và nâng cao năng lực hợp tác xã. Thành lập và nâng cao năng lực cơ cấu trợ giúp tổ chức KTTT. Từng bước mở rộng hoạt động và phát huy vai trò hợp tác xã trong phát triển quan hệ với các tổ chức quốc tế, trước hết là Liên minh hợp tác xã quốc tế (ICA), Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và các nước Đông Nam Á.

2.7. Tăng cường vai trò, trách nhiệm và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong phát triển KTTT: Hệ thống Liên minh HTX là tổ chức đại diện cho quyền lợi của các HTX, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở, cần thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình là tuyên truyền, vận động phát triển hợp tác xã. Tư vấn, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho việc hình thành và phát triển hợp tác xã...

2.8. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển KTTT: Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng có vai trò không thể thiếu trong việc vận động, giáo dục nhân dân tự nguyện tham gia HTX, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong các tổ chức này. Cấp ủy và chính quyền các cấp hỗ trợ, tạo điều kiện và phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, đoàn thể, hội, hiệp hội trong việc tuyên truyền, vận động thành viên tham gia hợp tác xã, đưa Luật HTX năm 2012 vào cuộc sống, đặc biệt phát huy mạnh mẽ vai trò các đoàn thể có nhiều hội viên có thể tham gia hợp tác xã, như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh....

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về Luật Hợp tác xã năm 2012: Về cơ bản, các quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 đáp ứng được yêu cầu phát triển HTX trong cơ chế thị trường hiện nay. Vì vậy, trước mắt chưa cần thiết phải sửa Luật. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định trong Luật. Tuy nhiên, về lâu dài cần nghiên cứu, đề xuất giải pháp khắc phục những bất cập trong các quy định tại Luật HTX 2012 (tỷ lệ vốn góp, thủ tục giải thể bắt buộc, chế tài xử lý vi phạm Luật Hợp tác xã...) cho phù hợp với tình hình thực tế của mỗi giai đoạn phát triển.

2. Về việc hoàn thiện các văn bản dưới luật, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã

Để tiếp tục hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã, đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

2.1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, phát triển Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin quốc gia về hợp tác xã. Xây dựng hệ thống đăng ký trực tuyến, trong đó có sự liên thông giữa thủ tục đăng ký hợp tác xã và đăng ký thuế để đảm bảo thống nhất, minh bạch quy trình đăng ký HTX trên toàn quốc.

- Xây dựng Chiến lược phát triển KTTT, HTX đến năm 2030 để có định hướng, chính sách tổng thể, lâu dài cho phát triển hợp tác xã.

- Nghiên cứu hướng dẫn thủ tục đăng ký chuyển đổi các HTX sang doanh nghiệp và các loại hình kinh tế khác.

- Hướng dẫn định mức và thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg.

- Chủ trì xây dựng Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở rà soát các nội dung Quyết định số 2261/QĐ-TTg đảm bảo hỗ trợ tập trung, phù hợp với thực tiễn và có tính khả thi cao.

- Xây dựng hướng dẫn tiêu chí phân loại HTX để thực hiện thống nhất trên cả nước (thay thế tiêu chí quy định tại Thông tư 01/2006/TT-BKH ngày 19/1/2006 đã hết hiệu lực thi hành).

2.2. Bộ Tài chính

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách ưu đãi về thuế riêng cho các hợp tác xã để tạo điều kiện hỗ trợ hợp tác xã phát triển (xem xét quy định thuế thu nhập doanh nghiệp cho HTX chỉ bằng 70% so với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Miễn thuế 2 năm đầu đối với HTX mới thành lập. Hỗ trợ về thuế theo quy định trong

thời gian từ 03 đến 05 năm. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với phần thu nhập có được từ góp vốn vào HTX...).

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng phương án liên thông giữa thủ tục đăng ký hợp tác xã và đăng ký thuế.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu và đề xuất phương án khoanh và xóa nợ thuế, nợ ngân hàng, nợ doanh nghiệp nhà nước, ... đối với các khoản nợ phát sinh từ 2010 trở về trước của HTX ngừng hoạt động không còn tài sản chung, không có khả năng trả nợ, tạo cơ sở cho việc giải thể các HTX.

- Hướng dẫn xử lý tài sản không chia của HTX khi giải thể, chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác. Quy định về đánh giá và thanh lý tài sản không chia của HTX trong trường hợp tài sản hư hỏng, không còn khả năng sử dụng.

- Hướng dẫn việc kiểm toán hợp tác xã theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật HTX 2012.

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Quy chế hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX địa phương.

2.3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách hỗ trợ liên kết hợp tác sản xuất tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định về chính sách hỗ trợ ngành nghề nông thôn, Nghị định sửa đổi Nghị định về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Trình Chính phủ phê duyệt Đề án Đổi mới, phát triển 15.000 HTX, LH HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả đến năm 2020.

- Xây dựng Đề án đưa cán bộ HTX có quy mô sản xuất lớn ra nước ngoài đào tạo, nâng cao năng lực sản xuất và quản lý theo hướng xã hội hóa.

- Xây dựng Đề án hỗ trợ phát triển HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

2.4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Ban hành cơ chế, chính sách để khuyến khích các ngân hàng thương mại đẩy mạnh cho HTX vay vốn, đặc biệt là HTX nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tìm cơ chế tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện cho các HTX NN tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng từ Ngân hàng, các tổ chức tín dụng (theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn) theo hướng mở rộng điều kiện cho vay đối với HTX không có tài sản

đảm bảo, từ gửi “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” cho Ngân hàng sang “Hợp đồng liên kết với doanh nghiệp mua giống, vật tư và tiêu thụ sản phẩm”.

- Hướng dẫn xử lý các khoản nợ các tổ chức tín dụng của HTX khi giải thể, phá sản.

- Đề xuất cơ chế định giá tài sản khi vay vốn và cho phép HTX được dùng tài sản hình thành trên đất sau khi định giá để thế chấp vay vốn tín dụng.

2.5. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

- Hướng dẫn về tiền lương làm căn cứ tính hưởng BHXH đối với trường hợp có thời gian làm chủ nhiệm HTX nhưng không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí và được cộng nối với thời gian đã đóng BHXH để tính hưởng BHXH theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.6. Bộ Khoa học và Công nghệ: Nghiên cứu, đề xuất có cơ chế riêng để HTX tham gia trong Chương trình hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

2.7. Bộ Tài nguyên và Môi trường: Nghiên cứu cơ chế, chính sách để các HTX được hỗ trợ về đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các HTX. Hỗ trợ HTX trong việc thuê đất, giao đất để xây dựng trụ sở làm việc.

2.8. Bảo hiểm xã hội Việt Nam

- Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung chính sách BHXH đối với những người làm việc trong các HTX cho phù hợp, nhất là đối với đội ngũ quản lý HTX có thời gian dài làm việc trong HTX.

- Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, hướng dẫn thực hiện chế độ BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với cán bộ HTX.

3. Về tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Luật hợp tác xã 2012

Để tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Luật hợp tác xã 2012 trong thời gian tới, đề nghị các cơ quan, bộ, ban, ngành, địa phương, các hợp tác xã:

3.1. Đối với các Bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương

- Tập trung tiếp tục chỉ đạo triển khai các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã và các văn bản liên quan.

- Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển HTX theo Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Chỉ đạo, hướng dẫn đối với các trường hợp HTX không đăng ký và tổ chức lại hoạt động theo Luật HTX năm 2012, các HTX giải thể nhưng vướng mắc về công nợ, vốn góp, không để các HTX tồn tại hình thức.

- Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng nhân rộng các mô hình HTX hoạt động có hiệu quả, từng bước khẳng định KTTT, HTX là nhân tố quan trọng, góp phần phát triển kinh tế- xã hội.

3.2. Đối với các địa phương

- Tập trung chỉ đạo, đề ra định hướng, triển khai cơ chế chính sách tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện cho KTTT phát triển tại địa phương.

- Đẩy mạnh công tác vận động tuyên truyền về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của HTX trong điều kiện mới đối với các thành viên HTX và cộng đồng dân cư.

- Thành lập bộ phận hoặc bố trí cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về KTTT, HTX tại địa phương.

- Chủ động tiếp cận, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của HTX để kịp thời đề xuất các khó khăn, vướng mắc của địa phương mình với cơ quan có thẩm quyền để kịp thời tháo gỡ, tạo điều kiện tốt nhất cho HTX tại địa phương phát triển.

- Tổng hợp tình hình nợ đọng của HTX để có hướng xử lý dứt điểm tạo thuận lợi để HTX có tình hình tài chính lành mạnh.

3.3. Đối với các HTX

- Thực hiện đúng các nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi. Chuẩn bị kỹ phương hướng sản xuất kinh doanh. Xem xét đánh giá đúng các nguồn lực hiện có. Lựa chọn, bố trí cán bộ một cách phù hợp. Công khai, minh bạch phương án phân phối lợi nhuận, chi tiêu các quỹ để thành viên tin tưởng, yên tâm góp sức, góp vốn làm ăn lâu dài.

- Vận động thành viên tham gia vào các hoạt động của HTX để phát huy vai trò và trách nhiệm của thành viên đối với HTX.

- Tăng cường trao đổi kinh nghiệm với các mô hình HTX hoạt động đúng luật thành công, hiệu quả để học tập kinh nghiệm, nhân rộng mô hình.

4. Về nguồn vốn hỗ trợ phát triển hợp tác xã

Hiện nay, chưa có nguồn vốn riêng cho Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển HTX được lồng ghép trong Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới nên việc cân đối, hỗ trợ cho khu vực hợp tác xã rất khó khăn.

Vì vậy, đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung

trong chưa phân bổ (10%) trong kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 và bố trí thành dòng riêng để hỗ trợ phát triển các hợp tác xã.

5. Về kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan quản lý nhà nước

Để tăng cường công tác quản lý nhà nước về hợp tác xã, đề nghị Thủ tướng chính phủ giao:

- Các Bộ, ngành Trung ương kiện toàn cơ cấu tổ chức các cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, tránh tình trạng không có đơn vị hoặc cán bộ chuyên trách theo dõi về KTTT, HTX.

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước theo thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nội vụ, theo đó: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về KTTT, HTX.

6. Chính phủ ban hành Chỉ thị để tiếp tục đẩy mạnh triển khai Luật Hợp tác xã năm 2012. / . *gia*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tỉnh ủy và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thành viên BCD đổi mới, phát triển KTTT, HTX TW;
- Lưu: Văn thư, HTX (50b).



Nguyễn Chí Dũng



ಇದರಲ್ಲಿ ಉಲ್ಲೇಖಿಸಿದ ವಿಷಯಗಳನ್ನು
ನಿರೀಕ್ಷಿಸಿ ಅನುಷ್ಠಾನಗೊಳಿಸುವುದಾಗಿ
ನಿರ್ದೇಶಿಸಲಾಗಿದೆ. ಈ ಸಂದರ್ಭದಲ್ಲಿ
ಅಧಿಕಾರಿಗಳಿಗೆ ಅಗತ್ಯವಿರುವ ಸಹಾಯ
ಮಾಹಿತಿಗಳನ್ನು ಒದಗಿಸುವುದಾಗಿ
ನಿರ್ದೇಶಿಸಲಾಗಿದೆ. ಈ ಸಂದರ್ಭದಲ್ಲಿ
ಅಧಿಕಾರಿಗಳಿಗೆ ಅಗತ್ಯವಿರುವ ಸಹಾಯ
ಮಾಹಿತಿಗಳನ್ನು ಒದಗಿಸುವುದಾಗಿ
ನಿರ್ದೇಶಿಸಲಾಗಿದೆ.

ಇವುಗಳನ್ನು ಉಪಸ್ಥಾಪಿಸಿ

B1. BIỂU CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ CƠ BẢN
(Kèm theo Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

| STT | Chi tiêu | Đơn vị tính | 1/7/2013 | Thực hiện năm | | | | |
|----------|---|-------------|------------|---------------|------------|------------|------------|--|
| | | | | 31/12/2013 | 2014 | 2015 | 31/12/2016 | |
| I | Hợp tác xã | | | | | | | |
| 1 | Tỷ trọng đóng góp vào GDP | % | | | | | | |
| 2 | Tổng số hợp tác xã | HTX | 18.986 | 19.131 | 19.481 | 19.599 | 19.569 | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| | Số hợp tác xã thành lập mới | HTX | 417 | 983 | 1.142 | 1.486 | 2.030 | |
| | Số hợp tác xã giải thể | HTX | 298 | 688 | 656 | 843 | 2.645 | |
| | Số hợp tác xã hoạt động hiệu quả | HTX | 4.137 | 5.486 | 5.320 | 5.359 | 6.011 | |
| 3 | Tổng số thành viên hợp tác xã | Người | 7.639.641 | 7.776.961 | 7.410.895 | 7.149.824 | 6.252.416 | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| | Số thành viên mới | Thành viên | 35.475 | 76.767 | 79.314 | 87.617 | 96.611 | |
| | Số thành viên là cá nhân | Thành viên | 513.809 | 1.233.702 | 1.202.949 | 1.206.121 | 917.388 | |
| | Số thành viên là đại diện hộ gia đình | Thành viên | 468.863 | 470.489 | 594.766 | 453.474 | 405.560 | |
| | Số thành viên là pháp nhân | Thành viên | 2.758 | 25 | 24 | 22 | 30 | |
| 4 | Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã | Thành viên | 1.809.048 | 1.815.394 | 1.797.973 | 1.870.129 | 1.565.606 | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| | Số lao động thường xuyên mới | Người | 32.978 | 119.814 | 123.468 | 55.348 | 136.324 | |
| | Số lao động là thành viên hợp tác xã | Người | 581.149 | 1.110.319 | 1.096.607 | 1.225.194 | 1.023.104 | |
| 5 | Tổng số vốn hoạt động của HTX | Tr đồng | 14.852.294 | 23.038.842 | 19.641.475 | 21.072.708 | 39.873.667 | |
| 6 | Tổng giá trị tài sản HTX | Tr đồng | 9.784.075 | 10.753.543 | 9.912.231 | 11.566.303 | 15.871.252 | |
| 7 | Doanh thu bình quân một hợp tác xã | Tr đồng/năm | 1.771,0 | 2.518,7 | 2.696,7 | 2.938,3 | 3.017,1 | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| | Doanh thu của HTX với thành viên | Tr đồng/năm | 1.138,0 | 1.573,8 | 1.677,0 | 1.760,3 | 1.929,0 | |
| 8 | Lãi bình quân một hợp tác xã | Tr đồng/năm | 139,2 | 155 | 169,2 | 185,4 | 196,8 | |
| 9 | Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã | Tr đồng/năm | 19,4 | 22,8 | 24,8 | 27,0 | 31,3 | |

| | | | | | | | |
|-----------|---|-------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 10 | Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã | Người | 37.770 | 71.595 | 71.556 | 72.753 | 76.154 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp | Người | 24.483 | 36.276 | 36.747 | 37.640 | 40.460 |
| | Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên | Người | 5.607 | 8.238 | 9.078 | 9.994 | 12.515 |
| 11 | Số cán bộ HTX được đóng BHXH | Người | 8.661 | 10.569 | 10.746 | 10.776 | 14.772 |
| II | Liên hiệp hợp tác xã | | | | | | |
| 1 | Tổng số liên hiệp hợp tác xã | LH HTX | 43 | 48 | 51 | 52 | 48 |
| | <i>Trong đó:</i> | | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Số liên hiệp HTX thành lập mới | LH HTX | 0 | 1 | 4 | 3 | 9 |
| | Số liên hiệp HTX giải thể | LH HTX | 5 | 5 | 5 | 5 | 10 |
| | Số liên hiệp HTX hoạt động hiệu quả | LH HTX | 11 | 16 | 16 | 16 | 30 |
| 2 | Tổng số hợp tác xã thành viên | HTX | 203 | 454 | 467 | 480 | 487 |
| 3 | Tổng số lao động trong liên hiệp HTX | Người | 15.239 | 16.778 | 16.819 | 17.447 | 18.941 |
| 4 | Tổng số vốn hoạt động của LH HTX | Tr đồng | 2.998.975 | 3.007.855 | 3.063.437 | 3.263.513 | 2.284.811 |
| 5 | Tổng giá trị tài sản LH HTX | Tr đồng | 39.830 | 50.041 | 34.290 | 32.347 | 28.163 |
| 6 | Doanh thu bình quân một LH HTX | Tr đồng/năm | 10.315 | 554.155 | 576.365 | 595.768 | 311.590 |
| 7 | Lãi bình quân một LH HTX | Tr đồng/năm | 1.708 | 46.385 | 58.483 | 63.062 | 69.203 |

B2. BIỂU SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ

(Kèm theo Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 1/7/2013 | Thực hiện năm | | | | |
|-----|---|-------------|----------|---------------|--------|--------|------------|--|
| | | | | 31/12/2013 | 2014 | 2015 | 31/12/2016 | |
| I | HỢP TÁC XÃ | | | | | | | |
| | Tổng số hợp tác xã | HTX | 18.986 | 19.131 | 19.481 | 19.599 | 19.569 | |
| | Chia ra: | | | | | | | |
| 1 | Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp | HTX | 9.692 | 9.964 | 10.455 | 10.788 | 10.574 | |
| 2 | Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp | HTX | 2.549 | 2.627 | 2.653 | 2.515 | 2.222 | |
| 3 | Hợp tác xã xây dựng | HTX | 988 | 1.086 | 1.101 | 1.099 | 1.063 | |
| 4 | Hợp tác xã tín dụng | HTX | 1.062 | 1.084 | 1.085 | 1.087 | 1.116 | |
| 5 | Hợp tác xã thương mại | HTX | 1.310 | 1.414 | 1.533 | 1.532 | 1.552 | |
| 6 | Hợp tác xã vận tải | HTX | 1.009 | 1.018 | 1.027 | 982 | 999 | |
| 7 | Hợp tác xã môi trường | HTX | 224 | 231 | 281 | 321 | 350 | |
| 8 | Hợp tác xã nhà ở | HTX | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | |
| 9 | Hợp tác xã khác | HTX | 1.119 | 928 | 839 | 737 | 568 | |
| II | LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ | | | | | | | |
| | Tổng số LH hợp tác xã | LHHTX | 44 | 44 | 47 | 47 | 43 | |
| | Chia ra: | | | | | | | |
| 1 | LH hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp | LHHTX | 20 | 21 | 24 | 25 | 28 | |
| 2 | LH hợp tác xã công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp | LHHTX | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | |
| 3 | LH hợp tác xã xây dựng | LHHTX | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | LH hợp tác xã tín dụng | LHHTX | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | |
| 5 | LH hợp tác xã thương mại | LHHTX | 11 | 11 | 11 | 11 | 9 | |
| 6 | LH hợp tác xã vận tải | LHHTX | 5 | 5 | 5 | 4 | 4 | |
| 7 | LH HTX môi trường | LHHTX | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 8 | LH HTX nhà ở | LHHTX | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | |
| 9 | LH hợp tác xã khác | LHHTX | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

B4. BIỂU TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

(Kèm theo Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

| STT | Nội dung chính sách | 1/7/2013 | | | | 31/12/2013 | | | | Kết quả thực hiện | | | | 31/12/2016 | | | |
|-------------|--|----------|--------------------|--------|----------|--------------------|------------|----------|--------------------|-------------------|----------|-----------|------------|------------|-----------|------------|--|
| | | Số lượng | Kinh phí (Tr đồng) | | Số lượng | Kinh phí (Tr đồng) | | Số lượng | Kinh phí (Tr đồng) | | Số lượng | Kinh phí | | Số lượng | Kinh phí | | |
| | | | NSTW | NSDP | | NSTW | NSDP | | NSTW | NSDP | | NSTW | NSDP | | NSTW | NSDP | |
| TỔNG | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I | Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung đối với HTX | 6.035 | 3.207 | 57.358 | 22.302 | 35.102,16 | 183.892,95 | 22.439 | 26.984,03 | 356.063,07 | 29.627 | 28.261,51 | 318.520,32 | 27.038 | 99.795,39 | 315.649,64 | |
| | 1 Đào tạo nguồn nhân lực | 1.120 | 1.718 | 70 | 7.103 | 7.460,44 | 2.162,73 | 4.891 | 5.682,87 | 2.918,10 | 7.737 | 4.341,18 | 3.776,90 | 4.555 | 3.791,52 | 3.185,00 | |
| | 2 Bồi dưỡng nguồn nhân lực | 1.599 | 759 | 99 | 10.384 | 8.208,92 | 15.825,60 | 14.506 | 6.139,36 | 160.935,82 | 16.563 | 7.072,93 | 140.790,51 | 17.772 | 5.284,87 | 86.349,07 | |
| | 3 Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường | 4 | 0 | 50 | 404 | 241,00 | 2.534,92 | 781 | 421,00 | 4.838,05 | 425 | 659,00 | 6.835,90 | 477 | 1.733,00 | 5.892,91 | |
| | 4 Ứng dụng KHKT, công nghệ mới | 402 | 590 | 2.326 | 716 | 1.245,80 | 10.441,50 | 662 | 2.270,80 | 22.069,10 | 1.727 | 1.424,40 | 16.398,02 | 593 | 2.974,00 | 10.590,93 | |
| | 5 Tiếp cận vốn và Quỹ Hỗ trợ PT HTX | 2885 | 140 | 44238 | 3596 | 16224 | 133706 | 1473 | 9826 | 124646 | 2726 | 12510 | 135918 | 3191 | 84170 | 192744 | |
| | Tạo điều kiện tham gia các CTMT, CT PTKT-XH | 25 | 0 | 8.768 | 73 | 1.075,00 | 12.941,20 | 64 | 2.584,00 | 31.656,00 | 347,0 | 2.200,00 | 12.395,00 | 70 | 1.625,00 | 10.489,40 | |
| | 7 Thành lập mới | 149 | 0 | 704 | 447 | 956,24 | 4.192,86 | 407 | 959,68 | 3.834,62 | 783,0 | 906,55 | 5.420,59 | 679 | 905,00 | 4.316,28 | |
| | 8 Tổ chức lại hoạt động hợp tác xã | 0 | 0 | 0 | 8 | 0,00 | 0,00 | 36 | 0,00 | 95,00 | 66,0 | 14,00 | 266,00 | 343 | 217,00 | 2.365,33 | |
| | 9 Hỗ trợ đặc thù khác của địa phương | 0 | 0 | 1.807 | 18 | 647,00 | 6.281,00 | 26 | 60,00 | 8.905,00 | 36,0 | 40,00 | 2.140,00 | 37 | 0,00 | 4.033,00 | |
| II | Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX Nông nghiệp | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư phát triển KCHT | 0 | 8.797 | 900 | 99 | 3.990,00 | 17.743,00 | 163,00 | 24.603,00 | 33.166,00 | 111,00 | 7.921,00 | 47.827,00 | 103,00 | 6.192,00 | 72.870,00 | |
| 2 | Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất | 6 | 0 | 0 | 20 | 0,00 | 613,20 | 274,00 | 0,00 | 600,00 | 297,00 | 0,00 | 756,90 | 444,00 | 1.332,00 | 764,95 | |
| 3 | Ưu đãi tín dụng | 0 | 0 | 800 | 5 | 1.605,00 | 38.650,00 | 28,00 | 3.401,00 | 19.495,00 | 19,00 | 3.576,00 | 16.685,00 | 72,00 | 5.913,00 | 273.339,00 | |
| 4 | Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh | 0 | 0 | 2.310 | 19 | 0,00 | 4.564,00 | 21,00 | 5.055,00 | 5.489,00 | 43,00 | 800,00 | 5.744,00 | 48,00 | 904,00 | 12.682,00 | |
| 5 | Hỗ trợ về chế biến sản phẩm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,00 | 0,00 | 3,00 | 0,00 | 2.275,00 | 24,00 | 408,00 | 1.260,00 | 21,00 | 0,00 | 1.100,00 | |

B5. TỔNG NỢ ĐÓNG CỦA HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện năm | | | | | | | |
|-----------|---|-------------|------------------------------------|-----------|--------|------------|--|-----------|--|--|
| | | | Nợ đọng phát sinh trước 01/01/1997 | | | | Nợ đọng phát sinh trước 01/01/1997 đến 01/7/2013 | | | |
| | | | Tổng số | Nợ gốc | Lãi | Tổng số | Nợ gốc | Lãi | | |
| I | HỢP TÁC XÃ | | 12.060,08 | 10.181,08 | 1.879 | 283.803,83 | 221.895,69 | 16.017,31 | | |
| 1 | Nợ của thành viên | Tr đồng | 537,28 | 537,28 | 0 | 93.591,40 | 92.167,40 | 319,00 | | |
| 2 | Nợ các tổ chức tín dụng | Tr đồng | 8.957,00 | 7.078,00 | 1.879 | 87.195,10 | 64.033,56 | 15.451,54 | | |
| 3 | Nợ Ngân sách nhà nước | Tr đồng | 752,60 | 752,60 | 0 | 14.649,45 | 14.182,18 | 5,27 | | |
| 4 | Nợ các đoàn thể, hiệp hội, doanh nghiệp | Tr đồng | 1.111,20 | 1.111,20 | 0 | 9.557,57 | 9.523,07 | 28,50 | | |
| 4 | Nợ khác | Tr đồng | 702,00 | 702,00 | 0 | 78.810,31 | 41.989,48 | 213,00 | | |
| II | THÀNH VIÊN NỢ HTX | Tr đồng | 32.776,80 | 32.076,80 | 700,00 | 381.674,49 | 381.655,40 | 19 | | |

Ghi chú: Số liệu các tỉnh báo cáo không đầy đủ, chỉ có từ 2-12 tỉnh, thành phố có báo cáo

Nợ đọng phát sinh trước 01/7/1997: chỉ có 03/63 tỉnh, thành phố báo cáo

Nợ đọng phát sinh từ 01/7/1997 đến 01/7/2013: Chỉ có 12/63 tỉnh, thành phố báo cáo

Phụ lục 1

DANH MỤC VĂN BẢN TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012

của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. Các văn bản Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trực tiếp triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012

1. Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
2. Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo đó các HTX được bình đẳng tham gia vào kinh doanh vận tải bằng xe ô tô cùng với các đơn vị kinh doanh vận tải, tạo hành lang pháp lý minh bạch trong thị trường kinh doanh vận tải.
3. Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa.
4. Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 1/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư.
5. Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
6. Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015- 2020.
7. Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu long giai đoạn 2016-2020”.
8. Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 246/QĐ-TTg về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX.
9. Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Hợp tác xã.
10. Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ bảo đảm an toàn hệ thống Quỹ Tín dụng nhân dân.

11. Thông tư số 15/VBHN-NHNN ngày 21/05/2014 của Ngân hàng Nhà nước Hướng dẫn về tín dụng nội bộ hợp tác xã.

12. Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Ngân hàng nhà nước quy định về Quỹ tín dụng nhân dân

13. Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và báo cáo tình hình hoạt động.

14. Thông tư số 83/2015/TT- BTC ngày 28/05/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với hợp tác xã.

15. Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp.

16. Thông tư số 09/2016/TT-NHNN ngày 17/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2012/TT-NHNN ngày 26/11/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Ngân hàng Hợp tác xã

17. Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ, bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020.

18. Thông tư số 06/2017/TT-NHNN ngày 5/7/2017 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân.

19. Thông tư số 24/2017/TT-BTC ngày 28/3/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

20. Quyết định số 1459/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2016 kèm theo Kế hoạch tăng cường thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

21. Quyết định số 1869/QĐ-BCT ngày 16/5/2016 của Bộ Công Thương giao nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Bộ, Sở Công Thương các tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan trên địa bàn thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu long giai đoạn 2016-2020”.

22. Quyết định số 3418/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/8/2015 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg về tiếp tục thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

23. Chỉ thị số 2940/CT-BNN-KTHT ngày 13/4/2016 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và PTNT về việc đẩy mạnh phát triển hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.

II. Các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương liên quan đến tổ chức và hoạt động của hợp tác xã

1. Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

3. Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (trích).

4. Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung của Bộ Luật Lao động.

5. Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

6. Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

7. Nghị định số 122/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2015 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

8. Nghị định 135/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

9. Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với chủ nhiệm HTX có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước.

10. Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

11. Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn.

12. Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

13. Quyết định số 540/QĐ-TTg ngày 16/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng đối với người nuôi tôm và cá tra.

14. Quyết định số 634/QĐ-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”

15. Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020.

16. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

17. Quyết định 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư.

18. Thông tư số 33/2013/TT-BTC ngày 21/03/2013 quy định về cơ chế chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (thực hiện theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

19. Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/7/2014 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp để thực hiện chính sách hỗ trợ hợp tác xã chế biến sản phẩm (thực hiện theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp).

20. Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22/7/2015 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

21. Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

22. Thông tư số 32/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước quy định các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

23. Thông tư số 42/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định sắp xếp hạng Quỹ tín dụng nhân dân.

24. Quyết định số 710/QĐ-BNN-KTHT ngày 10/4/2014 phê duyệt Kế hoạch Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.

25. Quyết định số 1443/QĐ-BNN-KTHT ngày 27/6/2014 về Chương trình hành động của Bộ nông nghiệp và PTNT thực hiện quyết định số 710/QĐ-BNN-KTHT.

26. Quyết định số 4930/QĐ-BNN- KTHT ngày 14/11/2014 về đổi mới tổ chức sản xuất phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020.

27. Chỉ thị số 05/CT-NHNN ngày 05/8/2015 của Ngân hàng Nhà nước về các giải pháp nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn hệ thống hoạt động tổ chức tín dụng là hợp tác xã, phê duyệt phương án cơ cấu lại Ngân hàng Hợp tác xã, thực hiện tái cơ cấu hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân.

III. Một số văn bản các địa phương

1. Quyết định số 3527/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Đề án triển khai thực hiện chính sách khuyến khích phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa nông dân với các đối tác kinh tế khác trong nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Kế hoạch số 1475/KH-UBND ngày 23/9/2015 của UBND tỉnh Lai Châu về triển khai Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.

3. Kế hoạch số 828/KH-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh Lai Châu về Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2015-2020.

4. Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020.

5. Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2014-2020.

6. Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 8/7/2015 của UBND tỉnh Hòa Bình về phát triển kinh tế tập thể tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2015-2020.

7. Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 09/7/2014 của UBND thành phố Hà Nội về triển khai thi hành Luật HTX trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2016.

8. Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 08/4/2016 của UBND thành phố Hà Nội triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

9. Chương trình hành động số 50-CTr/TU ngày 17/01/2014 của Tỉnh ủy Hải Dương về triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị.

10. Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về chuyển đổi các HTX nông nghiệp hoạt động theo Luật HTX năm 2012 giai đoạn 2014-2016 của tỉnh Thái Bình.

11. Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 15/6/2015 của UBND tỉnh Thái Bình về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2016-2020.
12. Kế hoạch số 3571/KH-UBND ngày 15/6/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về phát triển kinh tế tập thể 5 năm 2016-2020.
13. Kế hoạch số 6601/KH-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc Tổng điều tra HTX và hỗ trợ tổ chức lại, chuyển đổi HTX nông nghiệp theo Luật HTX năm 2012 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
14. Chương trình hành động số 893/Ctr-UBND ngày 10/5/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.
15. Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp Nam Định theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2014-2020.
16. Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt Đề án Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp Nam Định.
17. Kế hoạch số 69/KH-BCĐ ngày 15/6/2016 của Ban Chỉ đạo phát triển KTTT tỉnh Ninh Bình về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện Luật HTX 2012.
18. Kế hoạch số 2270/KH-UBND ngày 24/12/2013 của UBND tỉnh Hà Nam về việc thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TU của Tỉnh ủy Hà Nam về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT.
19. Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 03/3/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật HTX năm 2012.
20. Kế hoạch số 7344/KH-UBND ngày 30/9/2014 của UBND thành phố Hải Phòng phân công nhiệm vụ cho các quận, huyện, sở ngành về phát triển nâng cao hiệu quả KTTT tại Hải Phòng.
21. Kế hoạch số 3785/KH-UBND ngày 28/8/2015 của UBND thành phố Hải Phòng về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.
22. Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.
23. Văn bản số 808/UBND-KTN ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai Luật HTX năm 2012 trong việc chuyển đổi mô hình HTX.
24. Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Đề án đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020.

25. Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 05/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về mục tiêu, kế hoạch phát triển HTX đến năm 2020.
26. Quyết định số 2100/2015/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh về Kế hoạch Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp giai đoạn 2015-2020.
27. Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 01/10/2013 về thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT.
28. Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn.
29. Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2013 về việc phê duyệt Đề án phát triển HTX tỉnh Lào Cai giai đoạn 2013-2015.
30. Kế hoạch số 177/KH-BCĐ ngày 29/10/2014 của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT tỉnh Lào Cai về triển khai thi hành Luật HTX 2012 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
31. Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn về triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.
32. Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt Đề án xây dựng HTX kiểu mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.
33. Quyết định số 419/2015/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về Quy chế phối hợp giữa cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, HTX, LH HTX trên địa bàn tỉnh.
34. Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 31/8/2013 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc quy định mức chi hỗ trợ các sáng lập viên HTX chuẩn bị thành lập và các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của HTX trên địa bàn tỉnh.
35. Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 12/11/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn về Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp giai đoạn 2014-2020.
36. Kế hoạch số 2091/KH-UBND ngày 11/6/2013 của UBND tỉnh Phú Thọ về phát triển KTTT tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2013-2015.
37. Kế hoạch số 2274/KH-UBND ngày 15/6/2015 về phát triển KTTT tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020.
38. Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 12/7/2016 của UBND tỉnh Hà Giang về thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015.
39. Văn bản số 1551/UBND-NNTNMT ngày 29/5/2014 của UBND tỉnh Hà Giang về củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của HTX trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

40. Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của UBND tỉnh Hà Giang về thành lập và phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Giang.

41. Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 24/7/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015.

42. Văn bản số 5841/UBND-NL ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020.

43. Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động HTX nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015-2020.

44. Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 13/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về đẩy mạnh phát triển kinh tế HTX trên địa bàn tỉnh.

45. Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện Luật HTX năm 2012.

46. Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt Đề án Đổi mới, phát triển HTX tỉnh Nghệ An giai đoạn 2014-2020.

47. Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về tuyên truyền, phổ biến Luật HTX năm 2012.

48. Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc triển khai Chương trình hành động và Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015.

49. Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2016-2020.

50. Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 06/47/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt Đề án phát triển KTTT thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016-2020.

51. Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích HTX giai đoạn 2014-2020.

52. Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Quảng Ngãi.

53. Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Đề án củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức HTX trên địa bàn tỉnh đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

54. Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX trên địa bàn tỉnh.
55. Văn bản số 5468/UBND-TH ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh Bình Định về việc triển khai Nghị định số 193/NĐ-CP, Chỉ thị số 56-CT/TƯ ngày 18/8/2015 về việc tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp.
56. Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX 2012.
57. Văn bản số 2398/UBND-KT ngày 23/6/2014 của UBND tỉnh Phú Yên chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Luật HTX 2012.
58. Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc đẩy mạnh phát triển HTX trên địa bàn tỉnh.
59. Kế hoạch số 2734/KH-UBND ngày 21/5/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng triển khai chương trình, kế hoạch tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.
60. Kế hoạch số 3526/KH-UBND ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng về triển khai thực hiện Luật HTX năm 2012.
61. Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 25/02/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển HTX trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020.
62. Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 12/01/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về đẩy mạnh phát triển HTX trên địa bàn tỉnh.
63. Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 13/7/2015 của UBND tỉnh Kon Tum về kế hoạch phát triển HTX giai đoạn 2016-2020.
64. Kế hoạch số 1647/KH-UBND ngày 21/7/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX.
65. Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 02/01/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch số 33-KH/TU của Tỉnh ủy Đắk Nông.
66. Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 13/7/2015 về hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2016-2020.
67. Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 22/02/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý HTX, THT trên địa bàn tỉnh, phân định trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan trong công tác quản lý nhà nước đối với HTX, THT.

68. Quyết định số 3521/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 30/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2016-2020.

69. Quyết định số 5512/QĐ-UBND ngày 07/10/2013 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

70. Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh về Quy chế phối hợp hoạt động trong phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh.

71. Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trên lĩnh vực nông nghiệp.

72. Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về phát triển KTTT 5 năm 2016-2020.

73. Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015-2020.

74. Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 04/11/2013 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013.

75. Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 06/9/2014 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc triển khai thực hiện Luật HTX 2012.

76. Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án củng cố, phát triển HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

77. Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 07/6/2012 quy định mức chi hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX, THI trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

78. Văn bản số 4542/UBND-KHTH ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện Luật HTX năm 2012.

79. Kế hoạch số 3797/KH-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2016-2020.

80. Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TU ngày 19/12/2013 của Tỉnh ủy và triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.

81. Văn bản số 913/UBND-VP ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015.

82. Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Kế hoạch phát triển KTTT 05 năm giai đoạn 2016-2020.
83. Chương trình hành động số 251/CTr-UBND ngày 27/5/2016 thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tựa vùng Đồng bằng sông Cửu Long” tại An Giang giai đoạn 2016-2020.
84. Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh Bạc Liêu về phát triển KTTT giai đoạn 2016-2020.
85. Văn bản số 4073/UBND-KT ngày 10/11/2016 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với KTTT trên địa bàn tỉnh.
86. Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 01/12/2014 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chuyển đổi các HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012.
87. Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về phát triển KTTT tỉnh Cà Mau 5 năm giai đoạn 2016-2020.
88. Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế phối hợp hoạt động lĩnh vực KTTT trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
89. Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Đề án Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2015-2020.
90. Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch phát triển KTTT giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.
91. Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh.
92. Kế hoạch số 1081/KH-UBND ngày 13/3/2015 của UBND tỉnh Bến Tre về việc chuyển đổi các HTX trên địa bàn tỉnh theo Luật HTX 2012.
93. Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 của UBND tỉnh Bến Tre quy định mức hỗ trợ cho cán bộ, thành viên được HTX cử đi đào tạo tập trung trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
94. Kế hoạch số 60/KH-UBND Ngày 25/5/2015 của UBND thành phố Cần Thơ về hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020.
95. Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 03/7/2015 của UBND thành phố Cần Thơ về phát triển KTTT 5 năm giai đoạn 2016-2020.
96. Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của HTX trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2014-2016 và định hướng đến 2020.

97. Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt Kế hoạch Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020.

98. Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 26/03/2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp về củng cố và nâng cao chất lượng KTTT giai đoạn 2016-2020.

99. Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 28/07/2015 của UBND tỉnh Đồng Tháp quy định một số chính sách ưu đãi và mức chi hỗ trợ phục vụ cho phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

100. Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND tỉnh Long An phê duyệt Đề án phát triển KTTT tỉnh Long An đến năm 2020.

101. Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND tỉnh Long An phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

102. Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang về Quy chế phối hợp trong phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Phụ lục 2

**DANH SÁCH CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ BAN HÀNH VĂN BẢN TRIỂN KHAI
THI HÀNH LUẬT HỢP TÁC XÃ 2012**

(Kèm theo báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012

của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

| STT | TÊN TỈNH, TP | BCĐ PT KTTT | Văn bản của địa phương | | | |
|-----|--------------|-------------------|------------------------|----------------|-----------------------------|----------------------|
| | | | VB của Tỉnh ủy/HĐND | VB của UBND | KH, CT/ Đề án về KTTT | CS hỗ trợ KTTT |
| 1 | Hà Nội | x | x | x | x | |
| 2 | Hà Giang | x | x | x | x | x |
| 3 | Cao Bằng | x | x | x | x | x |
| 4 | Bắc Kạn | x | x | x | x | x |
| 5 | Tuyên Quang | | x | x | x | x |
| 6 | Lào Cai | x | x | x | x | x |
| 7 | Điện Biên | x | x | x | x | |
| 8 | Lai Châu | x | | x | x | |
| 9 | Sơn La | x | x | x | x | x |
| 10 | Yên Bái | | x | x | x | |
| 11 | Hòa Bình | x | x | x | x | x |
| 12 | Thái Nguyên | x | x | x | x | x |
| 13 | Lạng Sơn | x | x | x | x | x |
| 14 | Quảng Ninh | x | x | x | x | x |
| 15 | Bắc Giang | x | x | x | x | x |
| 16 | Phú Thọ | x | x | x | x | x |
| 17 | Vĩnh Phúc | | x | x | x | |
| 18 | Bắc Ninh | x | | x | x | x |
| 19 | Hải Dương | x | x | x | x | |
| 20 | Hải Phòng | x | x | x | x | |
| 21 | Hưng Yên | | | x | x | |
| 22 | Thái Bình | x | x | x | x | |
| 23 | Hà Nam | x | x | x | x | |

| | | | | | | |
|----|---------------------|---|---|---|---|---|
| 24 | Nam Định | x | x | x | x | |
| 25 | Ninh Bình | x | x | x | x | |
| 26 | Thanh Hóa | x | x | x | x | x |
| 27 | Nghệ An | x | x | x | x | x |
| 28 | Hà Tĩnh | x | x | x | x | x |
| 29 | Quảng Bình | x | x | x | x | x |
| 30 | Quảng Trị | x | x | x | x | x |
| 31 | Thừa Thiên Huế | x | x | x | x | x |
| 32 | Đà Nẵng | x | x | x | x | x |
| 33 | Quảng Nam | x | x | x | x | x |
| 34 | Quảng Ngãi | x | | x | x | x |
| 35 | Bình Định | x | x | x | | x |
| 36 | Phú Yên | x | x | x | x | x |
| 37 | Khánh Hòa | x | | x | x | |
| 38 | Ninh Thuận | x | | x | x | |
| 39 | Bình Thuận | x | x | x | x | x |
| 40 | Kon Tum | x | x | x | x | |
| 41 | Gia Lai | x | x | x | x | x |
| 42 | Đắk Lắk | x | x | x | x | |
| 43 | Đắk Nông | x | x | x | x | x |
| 44 | Lâm Đồng | x | x | x | x | x |
| 45 | Bình Phước | x | x | x | x | x |
| 46 | Tây Ninh | x | | x | x | |
| 47 | Bình Dương | x | x | x | x | x |
| 48 | Đồng Nai | x | x | x | x | x |
| 49 | Bà Rịa- Vũng Tàu | x | x | x | | |
| 50 | Hồ Chí Minh | x | x | x | x | x |
| 51 | Long An | x | | x | x | x |
| 52 | Tiền Giang | x | x | x | x | x |
| 53 | Bến Tre | x | x | x | x | x |
| 54 | Trà Vinh | x | x | x | x | x |
| 55 | Vĩnh Long | x | x | x | x | x |
| 56 | Đồng Tháp | x | x | x | x | x |
| 57 | An Giang | | x | x | x | x |

| | | | | | | |
|----|------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 58 | Kiên Giang | x | x | x | x | |
| 59 | Cần Thơ | x | | x | x | x |
| 60 | Hậu Giang | x | x | x | x | x |
| 61 | Sóc Trăng | x | x | x | x | |
| 62 | Bạc Liêu | x | x | x | x | x |
| 63 | Cà Mau | x | x | x | x | |
| | Tổng cộng | 58 | 54 | 63 | 61 | 42 |

Phụ lục 3

**DANH SÁCH CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ THÀNH LẬP
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ**

(Kèm theo báo cáo sơ kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

| TT | TÊN TỈNH, TP | Thời gian thành lập | Vốn ĐL theo QĐ thành lập (Triệu đồng) | Số vốn hoạt động của Quỹ đến 31/12/2016 (Triệu đồng) | | |
|----|--------------|---------------------|---------------------------------------|---|--------------------|------------|
| | | | | Tổng vốn hoạt động | Vốn được cấp từ NS | Nguồn khác |
| 1 | Hà Nội | 21/01/2008 | 5.000 | 133.224 | 125.000 | 8.224 |
| 2 | Hà Giang | 30/5/2014 | 8.000 | 5.018 | 5.000 | 18 |
| 3 | Cao Bằng | Chưa thành lập | | | | |
| 4 | Bắc Kạn | 18/11/2016 | 1.000 | 1.000 | 1.000 | |
| 5 | Tuyên Quang | 12/6/2017 | 10.000 | 3.000 | 3.000 | |
| 6 | Lào Cai | Chưa thành lập | | | | |
| 7 | Điện Biên | 21/8/2014 | 1.000 | 1.026 | 1.000 | 26 |
| 8 | Lai Châu | 17/7/2009 | 3.000 | 8.080 | 8.000 | 80 |
| 9 | Sơn La | 13/8/2014 | 10.000 | 1.895 | 1.788 | 107 |
| 10 | Yên Bái | 07/4/2011 | 3.000 | 2.980 | 2.960 | 20 |
| 11 | Hòa Bình | 12/2/2015 | 20.000 | 1.600 | 1.600 | |
| 12 | Thái Nguyên | 30/10/2009 | 5.000 | 22.520 | 22.000 | 520 |
| 13 | Lạng Sơn | 25/11/2014 | 3.000 | 3.000 | 3.000 | |
| 14 | Quảng Ninh | 26/11/2012 | 10.000 | 30.000 | 30.000 | |
| 15 | Bắc Giang | 30/12/2011 | 10.000 | 10.034 | 9.000 | 1.034 |
| 16 | Phú Thọ | 20/8/2009 | 8.000 | 8.242 | 8.000 | 242 |
| 17 | Vĩnh Phúc | 5/9/2008 | 30.000 | 44.204 | 39.650 | 4.554 |
| 18 | Bắc Ninh | 20/9/2012 | 30.000 | 30.500 | 30.000 | 500 |
| 19 | Hải Dương | 17/12/2009 | 3.000 | 3.136 | 3.000 | 136 |
| 20 | Hải Phòng | 14/5/2009 | 10.000 | 2.660 | 2.500 | 160 |
| 21 | Hưng Yên | 10/6/2011 | 6.000 | 15.200 | 15.200 | |

| | | | | | | |
|----|------------------|----------------|--------|---------|--------|---------|
| 22 | Thái Bình | Chưa thành lập | | | | |
| 23 | Hà Nam | 20/01/2017 | 8.000 | 5.000 | 5.000 | |
| 24 | Nam Định | Chưa thành lập | | | | |
| 25 | Ninh Bình | 5/5/2009 | 1.550 | 1.550 | 500 | 1.050 |
| 26 | Thanh Hóa | Chưa thành lập | | | | |
| 27 | Nghệ An | Chưa thành lập | | | | |
| 28 | Hà Tĩnh | 5/2/2009 | 5.000 | 21.500 | 20.000 | 1.500 |
| 29 | Quảng Bình | Chưa thành lập | | | | |
| 30 | Quảng Trị | 17/3/2009 | 10.000 | 11.374 | 10.000 | 1.374 |
| 31 | Thừa Thiên Huế | Chưa thành lập | | | | |
| 32 | Đà Nẵng | 10/4/2012 | 5.000 | 5.000 | 5.000 | |
| 33 | Quảng Nam | 13/01/2012 | 15.000 | 41.503 | 40.680 | 823 |
| 34 | Quảng Ngãi | 29/3/2016 | 27.000 | 27.000 | 25.000 | 2.000 |
| 35 | Bình Định | Chưa thành lập | | | | |
| 36 | Phú Yên | Chưa thành lập | | | | |
| 37 | Khánh Hòa | 5/01/2010 | 3.000 | 0 | | |
| 38 | Ninh Thuận | Chưa thành lập | | | | |
| 39 | Bình Thuận | Chưa thành lập | | | | |
| 40 | Kon Tum | 1/3/2016 | 5.000 | 2.000 | 2.000 | |
| 41 | Gia Lai | Chưa thành lập | | | | |
| 42 | Đắk Lắk | 19/4/2007 | 9.000 | 9.083 | 7.446 | 1.637 |
| 43 | Đắk Nông | 8/4/2014 | 1.000 | 4.050 | 4.000 | 50 |
| 44 | Lâm Đồng | 9/3/2010 | 3.000 | 7.845 | 7.000 | 845 |
| 45 | Bình Phước | 19/11/2013 | 8.000 | 2.000 | 2.000 | |
| 46 | Tây Ninh | 5/5/2014 | 20.000 | 20.000 | 20.000 | |
| 47 | Bình Dương | 30/7/2012 | 50.000 | 53.577 | 50.000 | 3.577 |
| 48 | Đồng Nai | 13/6/2008 | 30.000 | 44.135 | 32.840 | 11.295 |
| 49 | Bà Rịa- Vũng Tàu | 25/12/2009 | 10.000 | 10.555 | 10.000 | 555 |
| 50 | Hồ Chí Minh | 13/6/2002 | 10.000 | 792.000 | 90.000 | 702.000 |
| 51 | Long An | 5/8/2013 | 5.000 | 8.542 | 8.000 | 542 |
| 52 | Tiền Giang | 15/6/2004 | 10.000 | 10.000 | 10.000 | |
| 53 | Bến Tre | Chưa thành lập | | | | |
| 54 | Trà Vinh | 26/11/2015 | 5.000 | 5.000 | 5.000 | |
| 55 | Vĩnh Long | Chưa thành lập | | | | |

| | | | | | | |
|----|------------------|----------------|--------|--------|--------|-------|
| 56 | Đồng Tháp | 27/12/2012 | 10.000 | 20.000 | 20.000 | |
| 57 | An Giang | 7/5/2004 | 7.000 | 7.000 | 7.000 | |
| 58 | Kiên Giang | Chưa thành lập | | | | |
| 59 | Cần Thơ | Chưa thành lập | | | | |
| 60 | Hậu Giang | 27/3/2012 | 10.000 | 10.000 | 10.000 | |
| 61 | Sóc Trăng | 27/11/2009 | 5.000 | 5.000 | 5.000 | |
| 62 | Bạc Liêu | 3/7/2012 | 10.000 | 5.404 | 5.000 | 404 |
| 63 | Cà Mau | 15/4/2009 | 2.500 | 14.072 | 12.500 | 1.572 |
| | Tổng cộng | 46 | | | | |